

NỌC ĐỘC TỪ KHỔNG TỬ

Việt Nhân

Nhân đọc bài “Nọc độc từ Khổng Tử “ từ Ông Tôn Phi của nghiệp đoàn Sinh viên Việt Nam chuyển tới về “vai trò của Phụ nữ “ Bài này kết án việc Bất công đối với Phụ nữ là do “ Nọc Độc Khổng Tử “

Chúng tôi nhận thấy Đức Khổng bị ngộ nhận một cách tai hại, không những đổ tại vạ Bá đạo cho Nho, mà còn di hại to lớn cho Việt Nam, vì Việt Nam có thứ Nho Vương đạo, do kẻ thù Bắc phương và Tây phương đã làm cho mai một, nên ngày nay đa số con cháu không nhận ra nguồn gốc, nên cứ nhắm vào nền Văn hóa Tổ Tiên mà kích bác.

Số là có nhiều thứ Nho:

1.- **Thái Nho** được thai nghén và kết tinh tại Thái Bình dương cách nay từ 12 ngàn năm tới 30 ngàn năm với Thao Thiết Văn Quy Long: Tiên thân của Huyền thoại Tiên / Rồng. Tiên /Rồng là nền tảng của Dịch, Dịch là nét Nhất quán hay sợi chỉ Hồng kết nên Cơ cấu của Nho vừa là Linh hồn của Nho tức là Triết lý An vi.

Hình Thao thiết Văn Quy Long: Nửa Tiên nửa Rồng

Thao thiết là đồ cổ đời nhà Thương

(Theo ông Diselev người Nga đã nhìn nhận những nét đại đồng tiểu dị giữa nghệ thuật nhà Thương và Đông sơn Việt Nam, (xem tài liệu Vietnam and China 1938 – 54 by King C. Chen Princeton University Press New York 169 page 10. Kim Định)





Ngoài ra còn có Huyền thoại Ta- nê (Tane), khi Ta- nê lên thăm kho Trời thì được ban cho 3 thúng Khôn và 2 thúng Quyển lực.

(1). Tane God of the Forest

Tāne is an indispensable character in the Māori culture because the ngahere is an essential source of food, shelter, and tools. He is the atua-god/guardian of mankind, birds, trees. In stories, we aspire to his level-headedness and persistence. His “big” job is to maintain the lush and diverse resources of the earth.

With these attributes, he became an example to many of us. His persistence and determination is unmatched, as it emanates in the narrative of **how he pushed his parents apart**. The story of his bravery and boldness inspires us, especially in the story of how he acquired the **three baskets of knowledge (3)** in spite of all the challenges and obstacles. He inspires us **to maintain harmonious relationships amidst differences in order to achieve a common goal**; Tāne illustrated this in his cooperation with his brother Tāwhirimātea to defeat the insect-like demons even though they had their BIG differences (separation of their parents). Tāne in Iwi Traditions

Tāne is a figure of great importance in iwi traditions. First, **he separated earth and sky (2) and brought this world into being**. Also, he fashioned the first human. Furthermore, he adorned the heavens, and brought the baskets of knowledge, wisdom, and understanding down from the sky to human beings.

Then the mighty Tāne Mahuta (god of the forest) lay on his back and dug his shoulders deep into his mother's body. With his legs, Tāne pushed against his father and, with all the strength he could summon, attempted to let light into the world.

Ignoring his mother's cries to stop, Tāne pushed even harder and the bond between his parents began to tear. Drawing on his very last reserves, Tāne fully extended his powerful legs, forcing Rangiui to the heavens and flooding the world with bright light.

Theo T.g.Kim Định thì bộ số 2-3, 5 (2+3=5) là Cơ cấu và Nội dung của Việt Nho, số 2 là linh hồn của Nho gọi là Triết lý An vi.

2.- Hoàng Nho. Thời Tam Hoàng có Bộ sách: Tam phần Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu .

Khi quả đất ấm dần, nước biển dâng cao, làm ngập khu cư dân tại Thái Bình Dương, nên họ di cư vào Trung nguyên bên Tàu mà lập nên nước Văn Lang.

Tam Hoàng gồm **Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông**. Ba vị này là **nhân vật Văn Hoá của Nông nghiệp** (Không là nhân vật Lịch sử), nhưng Tàu đem vào sử của họ làm nhân vật Lịch sử, **Bàn Cổ** là Nhân vật huyền sử lâu đời nhất, cũng được Từ Chính đem vào Sử Tàu thời nhà Hán.

Khi thử máu thì Tam Hoàng thuộc dòng máu Tiên Rồng.

Phục Hy có hiệu là Thanh Tinh tức là **Rồng Xanh**.

Nữ Oa khi chết biến thành chim **Tinh vệ** thuộc dòng **Chim Tiên**, còn **Thần Nông** là **Viêm Đế thuộc hành Hỏa (Quế Ly) của phương Nam** .

Ba nhân vật này thuộc dòng giống Tiên Rồng, đầu phải Tổ của Trung Hoa . Đây là cuộc “ đạo TỒ “ đầu tiên của Tàu !

Lại nữa, nước Tàu mới được thành lập từ Hiên Viên Hoàng Đế (- 2697) sau Họ Hồng Bàng (-2879 năm) 182 năm. Hiên Viên, một lãnh tụ Du mục từ Tây Bắc (miệt dãy núi Ural qua) tràn qua miệt sông Hoàng Hà, sau đó tràn xuống vùng Sông Dương Tử, thôn tính các chủng Việt mà lập nên nước Trung Hoa.

Đây là cuộc **đạo Văn khác** . Tam Hoàng là Vua của Nông nghiệp, nên chữ Hoàng của **Tam Hoàng** được viết theo hai chữ Điền (田 : Ruông) và chữ Cộng (共 : Có) ghép lại: 田 + 共 = 異, còn **Hiên Viên (軒轅 皇 帝)** Hoàng Đế là dân Du mục da trắng thì phải viết chữ Hoàng bằng chữ Bạch (白 : trắng) và chữ Vương (王 : Vua): 白 + 王 = 皇. mà lại viết: 軒轅 異 帝), rõ là gian ý.'

Điều để ý về hai chữ Hiên Viên (Thủy Tổ của Tàu) về bên trái đều viết bởi chữ Xa (车 : 車), Xa là xe là phương tiện di chuyển của dân Du mục, điều này chứng tỏ Văn Hóa Tàu là Văn Hóa Du mục.

(Phương tiện di chuyển của Việt là Thuyền, của Tàu là Xe, là Ngựa).

Hiên Viên thâu tóm đất đai, dân số, các phát minh như luyện đồng, luyện sắt, cách làm giấy nhất là Văn hoá mà lập nên nước Trung Hoa, xưng là Hiên Viên Hoàng Đế

Trung Hoa là gì ? **Trung** có nghĩa là ở giữa Tứ Di. Tứ Di là 4 Chủng Việt có tên là **Bắc Địch, Nam Man (Lạc Việt), Đông Di, Tây Nhung**.

Còn **Hoa** là tên tự xưng là nòi cao trọng, chứ không man rợ như Tứ Di, nhưng oái ăm thay Tứ Di thì có Văn Hoá mà Hoa Hạ thì lại không, vì cả đời cứ ngồi tên lưng ngựa, chiêm đồng cỏ mà chần đần súc vật, có thì giờ đâu mà Văn với Hóa, nên phải “ **Đạo**

Văn, Đạo Sử “, rồi sau đó tìm cách “ **Dịch Chủ (Tư Di) vi NÔ (của Hoa Hán)** “, người Vô Văn Hóa (Hoa Hán man rợ) thì lên làm Chủ , người có Văn hoá (Tư Di) phải xuống làm Nô, do **Nạn Dĩ Cường lãng Nhược !** Cái dã tâm này đã làm cho người Việt mắc bẫy là Việt Nam không có Nho giáo để thần phục Hán Nho bá đạo!

3.- Nguyên Nho hay Khổng giáo

Nguyên Nho có tên là **Khổng giáo** được Đức Khổng Tử thuật lại từ nền Văn Hoá phương Nam của **Viêm Đế**: Tỵ Tổ của Việt Nam . Đức Khổng không sáng tác mà chỉ thuật lại nền Văn Hoá phương Nam của Tổ Nghiêu Thuấn (**Thuật nhi bất tác, Tổ thuật Nghiêu Thuấn**)

Nho được định nghĩa: “ **Nho: Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo,** Nam phương chi cường giả, quân tử cư chi: Nho lấy điều khoan hoà nhu thuận để dạy bảo nhau, không báo oán người lạm dụng, Văn hoá Phương Nam (của Viêm Đế) thì hùng cường, người quân tử phương Bắc nên sống theo tinh thần đó “ (vì người Du mục phương Bắc thì bạo động, gây chiến tranh, cướp bóc và bành trướng. Nay cứ nhìn ra Biển Đông với các Đảo vét cùng với Giấc mộng “ **Nhất đới nhất lộ** “ của Trung Hoa thì rõ!)

Còn Tổ Nghiêu Thuấn tuy được đem vào sử Trung Hoa, nhưng hai vị Nghiêu Thuấn thuộc Văn Hóa khoan nhượng Nông nghiệp của phương Nam, đâu có phải là Văn Hóa Bạo động Du mục của Hiên Viên!

Số là Nguyên Nho được đức Khổng thuật lại quá cô đọng, lại nữa mới thuật lại được phần Nội dung, mà chưa tìm ra Cơ cấu để bảo vệ Nội dung nên mới bị xuyên tạc thành Hán Nho bá đạo.

Nguyên Nho hay Khổng giáo bị xuyên tạc làm cho thất truyền là vì những lời thuật của Đức Khổng quá cô đọng, lại chưa tìm ra Cơ cấu để bảo vệ Nội dung, nghĩa là Đức Khổng mới thuật lại được cái Khảm của Bức Tranh, mà chưa tìm ra cái Khung để bảo vệ bức Tranh, nên mới bị xuyên tạc.

Cái Khảm là Nội dung (content) của Nho, còn **cái Khung** là Cơ cấu của Nho (Form: structure) của Nho.

Triết gia Kim Định đã tìm ra **Cơ cấu và Nội dung của Nho** nằm trong bộ huyền số 2- 3, 5, còn Linh Hồn của Nho nằm trong số 2, số 2 là nền tảng của Dịch mang tinh thần Triết lý An vi. Khi Nho đã có Cơ cấu và Nội dung thì không thể xuyên tạc được, Nho này lại đã nằm sẵn trong **Huyết quản của Việt Nam** , nên **Nguyên Nho hay Khổng giáo** chính là Nội dung của Việt Nho.

(Xem 5 điển chương Việt trong cuốn “ **Văn Hiến Việt Nam** “ của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net)

4.- Chu Nho

Đến nhà Chu thì cho bộ sách của Hoàng Nho là ngoại sử (tức là không thuộc sử Tàu) nên để mất ?

Tuy Đạo vẫn nhưng chỉ lấy cái Khung Nho, còn Nội dung thì một mặt xen dậm các yếu tố Bạo động của Du mục vào như:

1.- Tôn Quân làm Thiên Tử (nhập từ Thần quyền Iran), Trong Nam khinh Nữ: Nhất Nam viết hữu, thập nữ viết vô; Nam Nữ hữu biệt, thụ thụ bất thân, gây nên cảnh Chồng Chứa Vợ Tôi, đàn bà là tài sản của đàn ông, phải bó chân, xem phim Bạch Mao Nữ của Tàu, đàn bà kéo che mía thay bò.'

Còn Việt Nam thì:

Trai mà chi, Gái mà chi

Sao cho ăn ở Nhân, Nghì (Nghĩa) mới nên

Tổ Tiên Việt Nam đã kkhuyên răn Gái Trai ăn ở Nhân Nghĩa với nhau, đâu có trong Nam khinh Nữ như quân Du mục Tàu.

2.- Lập quân đội chuyên nghiệp để bảo vệ ngôi Vua, còn chế độ Nông nghiệp thì “Động vi binh, tĩnh vi dân”

3.- Hạ giá đàn bà và Đầu cơ đàn bà : Chế độ đa thê với vô số Phi tần cung nữ, Tần Thủy Hoàng khi chết còn chôn sống 3000 cung nữ. Đàn bà được xem như tài sản của đàn ông. Nào là : trọng Nam khinh Nữ, nhất Nam viết hữu, thập Nữ viết vô, Nam Nữ hữu biệt, thụ thụ bất thân “

4.- Lập Hoạn quan để canh chừng và hầu hạ cung nữ cho Vua.

5.- Chiếm công vi tư, Vua Trung Hoa lấy ruộng đất công phong cho quân thân để họ giúp bành trướng và giữ ngôi , nên mới có tên là Phong kiến. Việt Nam không có chế độ này, mà có chế độ Bình sản tức là Công điền công thổ. Trong cuộc cải cách ruộng đất, CSVN còn ghép chế độ quân chủ Việt Nam là chế độ Phong kiến, tuy vào thời kỳ Pháp đã làm cho suy giảm nhất là ở Miền Nam với địa chủ có ruộng vườn Cò bay thẳng cánh.

Vì không rõ nguồn cơn của Văn Hóa, nên các vị Tân trí thức mới đưa một số câu trong Nho ra để khích bác Khổng Tử.

Tần Nho

Tần Thủy Hoàng là tên bạo Chúa “ thôn tính hết “ các chủng Việt (ở vùng Trung nguyên giữa hai dòng Sông Hoàng Hà và Dương tử),theo các học giả ngoại quốc (

Eberhard ?) có đến 800 chủng Việt (Ethnical group) mà thống nhất thành cái thiên hạ của Trung Hoa . Vì tinh thần Nho giáo của chủng Việt tổ cáo hành động Tham tàn cường bạo nhà Tần, nên mới xảy ra vụ “ **Phản thư khanh Nho: đốt sách, chôn Nho sĩ**”.

Sau này, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh cũng học theo lối đó, nhưng còn Tham tàn cường bạo hơn nhiều lần trong cái gọi là Cải cách xã hội!

Có truyền thuyết là khi thâm tóm hết đại chủng Việt, Tần Thủy Hoàng bắt dân của chủng Việt làm lao nô xây Vạn Lý trường thành làm vinh quang cho Tàu. Việc này cũng tương tự như chế độ xưa bắt Nô lệ xây cung điện nguy nga ở châu Âu.

Tương truyền Tần Thủy Hoàng còn bắt 70 ngàn lao nô của chủng Việt xây lăng tẩm đồ sộ, khi xây xong thì giết đi để giữ bí mật, khi chết Tần Thủy Hoàng còn chôn sống theo 3 ngàn cung nữ!

Con Tần Thủy Hoàng là Thái tử Phù đưa tư tưởng của Pháp gia (Thượng Ưởng) vào Nho về Ngu Hiếu và Ngu Trung:

1.- **Quân xử Thân tử, Thân bắt tử tặc Bất Trung!:** Vua bắt bầy tôi chết.mà không chết là bị tội Bất Trung với Vua!

2.-**Phụ xử Tử vong,Tử bắt vong, tặc Bất Hiếu:** Cha bắt con chết mà không chịu chết là mang tội bất Hiếu!

Xin quý vị khi bàn về Nho, đừng đem vấn đề này mà rửa Khổng Tử, rửa Khổng Tử đương nhiên là rửa Văn hóa Cha ông mình, nếu muốn chửi thì chửi Tần Nho, Hán Nho của Tàu . Quý vị đã lầm Hán Nho bá đạo với Việt Nho vương đạo! (xin xem tiếp để rõ)

Ngày nay, Mao Trạch Đông,Tập Cận Bình là Thiên tử chân truyền của Tần Thủy Hoàng.

Đây là trò “ Lộn sông “ rất nguy hiểm, ngày nay một số Trí thức Việt Nam đang dấy dùa trong cái Bẫy Chủ / Nô đó của Đại Hán!!

Nguyên do là không hiểu bản chất Hán Nho bá đạo và không biết có nhiều thứ Nho trong đó có Việt Nho vương đạo, nên đã có phát ngôn nguy hiểm cho nền Văn Hoá Dân tộc, chủ ý là khích bác kẻ thù nhưng vô tình lại đâm ra chửi rửa Văn Hoá Tổ Tiên, khiến Dân tộc trở nên Vô Văn Hoá, phải đi học ngoài ngoài mà vợ phải Độc được!!! .

5.- Hán Nho (2)

Hán Vũ Đế là một ông Vua rất thâm độc đối với Nho giáo, một mặt tôn Nho lên làm Quốc Giáo, mặt khác tuyển 50 bác sĩ lập **Viện Thạch cừ** chuyên xen dậm yếu tố Du mục bạo động vào Nho, giải thích xuyên tạc ý nghĩa vương đạo của Nho để lưu truyền bá đạo

Hán Nho. Thực sự Tàu đâu có là chủ của Nho, Hán Nho và chữ Hán chỉ là sản phẩm “**Đạo Văn**” và **chiếm công vi tư Văn Hoá** của chúng Việt mà ra .

Tương truyền người ta tìm được trong vách của không Tử bộ sách được Viết bằng chữ **Khoa đầu tức là chữ Con Quăng** của Cha Lạc Long, trong đó có chữ Kỳ 𠄎 gồm trên có 2 nét Ngang và Dưới có 3 nét Dọc. Bộ số 2 -3 (5 = 2 + 3) là cơ cấu của Việt Nho và Triết lý An vi, nên chữ Khoa đầu là tiền Thân của chữ Triện, chứ nhà Hán làm gì có Văn Hóa và chữ Hán ? Còn bên Mẹ Âu Cơ thì có chữ **Điểu Tích tự tức là chữ Chân Chim**, nhưng đã thất truyền.

“ Hán Nho mà Tập Cận Bình đang dùng Viện Không Tử để bành trướng là thứ Nho đã “**khoác áo “khẩu Phật của Nho vương đạo “ nhưng lại “ hành động theo “ Tâm và Hán Nho ! “**

Tương tự như thế nhà Chu đâu có Dịch mà gọi là Chu Dịch, cũng tương tự như thế, ngày nay họ Tập đang cố sức thay đổi tên Biển Đông Thái Bình dương sang tên Biển Tàu và xa hơn nữa biến cả thế giới thành nước Tàu! Đó là “**giấc Mộng Cướp “ vĩ đại của các Thiên tử Trung Hoa !**

Hán Nho có gốc từ Nguyên Nho là là thứ Nho nhu thuận, vì không hợp với khẩu vị bạo động của Du mục, nên khi chiếm được, họ xoá vết tích và xen dậm các yếu tố bạo động vào:

Về gốc Dịch Tiên/Rồng của Nho thì họ chọn Rồng mà bỏ Tiên. Rồng là Dương, mang bản chất Bao động ,lại Độc Dương bất sinh, làm sao tiến hóa được, thế mà họ vẫn có Dịch 64 quẻ đồ sộ để Bóc phệ tức là Nhâm. Cầm, Độn, Toán mới tài, từ nền tảng đó mà Hán Nho có:

Ngũ Thường của Hán Nho chỉ có **một chiều từ trên xuống dưới** (mới liên hệ trong chế độ Độc tài), thiếu **nét Gấp đôi có Đi có Lại như Việt Nho** (Dân chủ).

7.- Nho phục cổ

Nho phục cổ có: **Đường Nho, Tống Nho, Minh Nho, Thanh Nho.**

Tóm lại, vì Hán Nho tuy bá đạo nhưng vẫn còn mang tính chất vương đạo trong mình, nên có các triều đại của nước Tàu vẫn được thịnh trị, lại nữa 70 % dân Tàu đều thuộc đại chủng Việt , Vua Tàu chỉ trị vì, còn các quan thuộc chủng Việt giúp việc cai trị ,nên vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc dựng nước.

Nhờ nhận thức ra điều quan trọng này mà T. G. Kim Định đã có sáng kiến dùng **hai tiêu điểm “ Văn Hoá Nông nghiệp và Văn hoá Du mục “ để “ Gạn Đục khơi Trong Hán Nho “ bá đạo “ thành Việt Nho “ vương đạo “.Ngoài ra lại còn đối chiếu với 5 Điển chương Việt để kiểm chứng lại chủ thuyết Việt Nho .**

- 1.- Huyền sử'
- 2.- Làng xã
- 3.- Trống Đồng
- 4.- Kinh Dịch
- 5.- Trung Dung

(Xin xem 5 điển chương Việt trong cuốn “ Văn Hiến Việt Nam “ của Việt Nhân trên vi-etnamvanhien.net.index).

Một điều quan trọng mà chúng ta lưu ý để khỏi bị thắc mắc:

Những lời chúng tôi viết trên là do công trình **Gạn đục khơi trong Hán Nho để phân biệt Hán Nho và Việt Nho của T.g. Kim Định**

Qua hàng ngàn năm tiếp xúc với nhau, nên tinh thần Hán Nho cũng ảnh hưởng lớn đến nếp sống Dân tộc chúng ta, nhất là các vua quan sau này. Chúng ta phải truy cứu tinh thần Bất khuất của Dân tộc suốt dòng Lịch sử mới nhận ra **tinh thần Bất khuất đã thấm nhập và còn luân lưu trong huyết quản Dân Việt.**

Chúng ta có bao giờ nghĩ đến một Dân tộc nhỏ bé gặp 15 lần, qua hơn một ngàn năm Nó lệ và 17 cuộc chiến lớn nhỏ, tuy các Thiên Tử Tàu không ngớt tìm cách tiêu diệt Văn Hóa và Dân tộc Việt Nam nhưng đã tồn tại suốt 4716 năm nay. Dân số chúng ta không đông, của cải không nhiều, vũ khí không lắm, nghĩa là về Vật chất chúng ta thua sút kẻ thù phương Bắc rất nhiều, nhưng chúng ta vẫn thắng được giặc thâm hiểm khổng lồ, rõ ràng là sức mạnh Tinh thần chúng ta lớn hơn, rõ ràng là Văn hóa chúng ta cao hơn, đó là nhờ Tinh thần Dịch lý.

Nhưng khôn nổi, vì Tàu “ **Lấy Mười đánh một, khiến chúng ta không chột cũng què,**” khiến ngày một sa sút hơn, nhất là Văn Hóa, nên mới bị Quỷ ám làm cho điều đứng trảm luân! Trớ trêu thay, Dân tộc mình vốn có một nền Văn Hoá siêu việt mà để cho bị mai một, phải đi học Văn Hoá của kẻ thù cướp đoạt Văn Hoá của Dân tộc mình, làm cho mình Lạc Hồn Dân tộc mà đi rước độc dược Tây phương về mà tàn sát nhau!

Việt Nho

Việt Nho và Triết Lý An vi là công trình khai quật độc đao của Triết gia Kim Định, Kim Định đã mài miệt 50 năm để đào xới lớp bụi Thời Không mà chắt lọc ra nguyên liệu Việt Nho và Tinh thần Triết lý An vi, tuy đã viết tới 46 cuốn, vì chưa có đủ thời gian để tổng hợp thành Hệ thống theo lối Hàn lâm, nhưng đã chỉ ra đường hướng tổng hợp chung.

Chúng tôi cũng đã mài miệt nhiều năm đã dùng tài liệu của T.g. Kim Định tổng hợp thành 17 cuốn lớn và hơn 100 chủ đề khác, tất cả đã đăng tên vietnamvanhien.net, index với tên: "Nền Văn Hóa Thái Hoà Việt Tộc của Việt Nhân và Nguyễn Quang "

Dưới đây là mấy nét chính của Việt Nho và Triết lý An vi

Việt Nho có Cơ cấu và Nội dung như sau:

Bộ Huyền số : 2-3,5 là Cơ cấu (structure) và Nội dung của Nho.

I,- Vũ trụ quan Động

Số 2: Là cặp đối cực của Dịch lý Âm / Dương hoà, nên là nguồn của **Vũ trụ quan động** : Nguồn Biến hóa bất biến trong Vũ trụ. Trong Vũ trụ có 3 luật lớn:

1.- Dịch Lý Âm / Dương Hoà: Luật quyền biến bất biến trong Vũ trụ.

2.- Giá sắc : Là Luật Gieo Gặt:

Gieo gì thì Gặt nấy .

Ai Gieo gì thì Gặt nấy.

Gieo một thì Gặt trăm.

Luật này tương tự như Luật Nhân / Quả của nhà Phật .

3.- Luật Loại tụ: Là: “ Vân tòng Long, Phong tòng Hồ “ hay ”**Tuồng nào Tập nấy**” (*Ce qui ressemble s’assemble*).

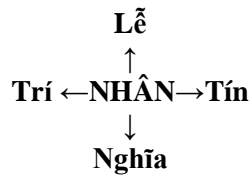
II.- Nhân sinh quan Nhân chủ

Con Người là Tinh Hoa của Trời Đất, (Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đức) con người không duy Tâm để bị Mê tín dị đoan, không duy Vật coi Cửa trọng hơn Người mà cấu xe nhau, nên phải nương theo Dịch lý sống theo Nhân / Nghĩa mà Hoà với nhau- đây là con Người tự Chủ, tự Lực, tự Cường nên rất Hùng / Dũng để có thể Bao dung nhau.

III.- Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình theo Dịch lý Âm / Dương Hoà

1.-Tu

Tu Thân theo theo Ngũ Thường được xếp theo khung Ngũ hành: Nghĩa / Lễ, Trí / Tín



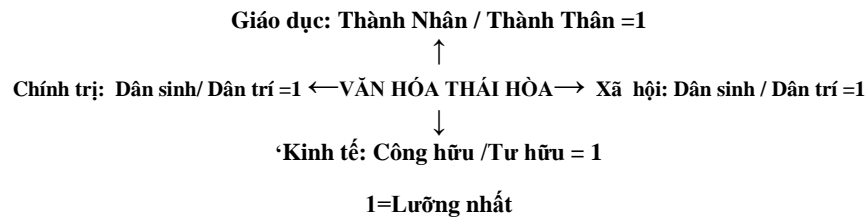
2.- Tề

Tề Gia theo Ngũ luân, Ngũ luân được xếp theo Ngũ hành



3.- Trị Bình

Trị, Bình theo tin thần Dịch lý của nền Văn Hoá Thái Hòa Việt



Đạt quan: *Cuộc sống Phong / Lưu an nhiên tự tại*

Phong / Lưu : (**Thiên** < Phong > / **Địa** < Lưu > **giao hòa**

Tất cả mang đều tuân theo Cơ cấu Ngũ hành, Ngũ hành chính là Tạo hóa lưu tức nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ.

Triết lý An Vi

Triết lý Vô vi / Triết lý Hữu vi = Triết lý An Vi có:

1.- Nền tảng: Âm / Dương Hoà

2.- Phương pháp hành xử:

Chấp kỳ Lương đoan: Hai bên phải chấp nhận đối thoại với nhau.

Doãn chấp kỳ Trung: Hai bên Hòa giải theo Tiêu chuẩn Lý công chính: **Chí Nhân / Đại Nghĩa.**

Tóm lại

1.- Nho được Định nghĩa: “ **Thông “ Thiên / Địa: Nhân “ viết Nho ”**, đó là nguồn của Lý thuyết **Tam Tài**. Đó đó mà Nho gia hiểu rõ được **Dịch lý, Tam tài và Ngũ hành.**

Những người tiêu biểu cho Việt Nho: Đổng Trọng Thư, Chu Hy, Lục Cửu Uyên, Vương Dương Minh và nhất là Kim Định. Theo T. G. Kim Định những vị này đều thuộc Việt Nho.

Hán Nho có **Dịch lý** thiếu đối cực Âm, chỉ có Rõng: độc Dương, kéo theo sự giải thích sai lạc về **Tam tài, Ngũ hành**, nên đánh mất **Tinh hoa ba phần cốt yếu trên**, do đó mới truy ra Hán Nho bá đạo !

Việt Nho Dịch ý Âm Dương Hòa là sợi chỉ hồng nối kết Vũ trụ quan, Nhân sinh quan, Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình và Đạt quan thành Hệ thống Cơ thể. Xin xem các đồ hình theo khung Ngũ hành ở trên để rõ .

2.- **Việt Nho và Triết lý An Vi là “ nền Văn Hóa Thái Hòa Việt Nam “**

(Xin xem trên vietnamvanhien.net.)

3.= **Việt Nho và Triết lý An vi là một Tổng hợp Đông / Tây, Kim / Cổ.**

(Xin xem trên vietnamvanhien.net.)

4.- **Tìm lại Hồn Dân tộc qua cuốn “ Tìm về Hồn Thiêng Sông / Núi hầu chấn hưng Tình / Nghĩa Đồng Bào.**

(Xin xem trên vietnamvanhien.net.)

Cái nhìn Nhất quán Hán Nho.

Hán Nho có Dịch lý với Độc cực Rõng, nên nền Văn hoá luôn mang Tính chất Bạo động, đây là nguồn cội của nền Văn Hoá Phong kiến chuyên chế và nay là hợp lưu của Phong kiến chuyên chế xưa và Cộng sản Quốc tế nay, tức cũng là hợp lưu của sự Thâm ác Hán Nho và tinh vi của Tổ chức khoa học Tây phương, nên vô cùng hung hiểm.

Hà Đồ Lạc Thư là nền tảng của Gia đình, Hán Nho thiếu Lạc Thư (thuộc nguồn Tinh), nên gia đình mang Tính chất “ Chồng Chúa Vợ Tôi.

Nguồn gốc của Hán Nho thuộc nền Văn Hoá Du mục

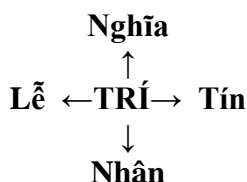
Hiên Viên Hoàng Đế - Thủy Tổ của Trung Hoa- lãnh tụ Du mục- và các Thiên tử Tàu đem nền Văn Hóa Du mục vào Trung Hoa.

I.- Tam cương của Tàu: Quân, Sư, Phụ.

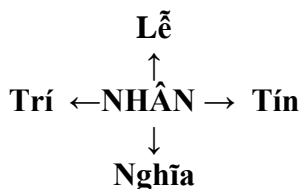
Chế độ Quân chủ chuyên chế . Vua là Thiên tử vâng mệnh Trời cai trị muôn dân (Người dân không được nhìn mặt Vua, nếu nhìn thì phạm tội phạm Nhan)

II.- Ngũ thường của Hán Nho

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của Hán Nho có gốc từ **độc cực Dương** có bản chất bạo lực nên chỉ có **mối Liên hệ một chiều “ từ trên xuống dưới ”**, đây là **mối liên hệ của chế độ Nô lệ, Độc tài.**



Ngũ Thường của Việt Nam bắt nguồn gốc Tiên /Rồng: Âm / Dương (là nét Gấp đôi : two foldness: Trời / Đất, Núi / sông , Gái . Trai, Cái / Đực. Mái / Trống, Đi / Đứng, Học / Hành. ..), nên có **mối Liên hệ hai chiều có Đi có Lại**, đây là **gốc của chế độ Dân chủ**, nên có định nghĩa:



- 1.- Nhân:** *ái Thân / ái Nhân . Có biết Yêu mình thì mới có thể yêu người.*
- 2.- Nghĩa.** *Đồng đồng vãng / lai; Có Đi / có Lại (cho tội Lòng nhau) theo hai chiều. Đây là mối Liên hệ hay trách nhiệm hai chiều công bằng với nhau.*
- 3.-Lễ:** *Cung Kỹ / kính Tha: Trọng Mình / trọng Người, có biết trọng mình thì mới có thể trọng Người.*
- 4. Trí:** *Tri Kỹ /tri Bỉ: Biết mình /Biết Người. Có hiểu được mình mới có thể hiểu người.*

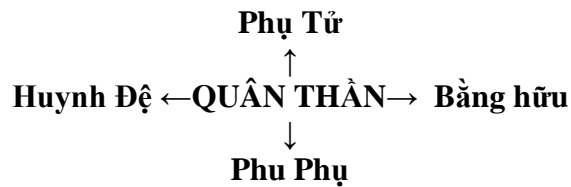
5.-Tín: Tín kỹ / tín tha: Tin mình và tin người, mình không thù Tín thì ai tin mình?

Ngũ luân của Việt đều là cặp đối cực (opposite term) được gọi là nét Gấp đôi (two-folness), các đối cực là các tiểu Thái cực của Dịch nên rất quan trọng. Các nền Văn Hoá khác không có nét Gấp đôi rất quan trọng này. Nét Gấp đôi mang yếu tính của nền Dân chủ.

Còn Ngũ thường của Hán Nho thì chỉ có một chiều từ trên xuống dưới (do độc cực Dương, gốc của Chế độ Nô lệ)

III.- Ngũ luân của Hán Nho

Ngũ luân thì bá đạo vì mang tính chất Ngu Hiếu và Ngu Trung:



Ngũ luân của Tàu được xếp theo thứ tự :

- 1.- **Quân thần:** Vua là nền tảng của Xã hội (Lập nên Chế độ Phong kiến chuyên chế).
- 2.- **Phụ tử:** Ngu Hiếu
- 3.- **Phu phụ:** Phu xướng phụ tùy ; Chồng Chúa Vợ Tôi. Cha mẹ thì gọi là nghiêm đường.
- 4.- **Huỳnh đệ:** Quyên Huynh thế Phụ
- 5.- **Bằng hữu** chỉ ư Tín.

(Việt Nho thì gọi là Phu Thê . Phu phụ theo tinh thần Phu xướng phụ tùy)
Luân thường Đạo lý này thuộc nền Văn Hoá Du mục, chứ không là của Khổng Tử .

Đại học của Khổng giáo

Đại học chi Đạo: “ tại Minh Minh Đức, tại thân dân, tại chí ư chí thiện”

Khổng giáo chỉ giảng Đạo đức thuyết Nhân Nghĩa, chứ không truyền bá tư tưởng bạo động độc tài.

Còn Tam cương của Việt là: **Nhân, Trí, Hùng / Dũng (Bao dung)**

Đại học của Hán Nho

Quân xử Thần tử, Thần bất tử tặc bất Trung

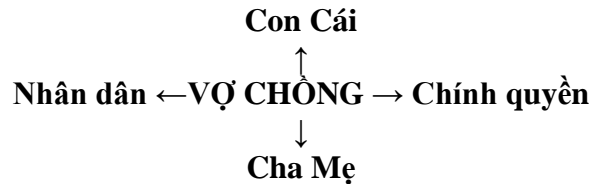
Phụ xử Tử vong, Tử bất vong, tặc bất Hiếu.

Thái Tử Phù con của Tần Thủy Hoàng đã đem tư tưởng Pháp gia (Thượng Ưởng) vào như:

Ngũ Trung: ” Quân xử thần tử, thần bất tử, tặc bất Trung, ”

Ngũ Hiếu: Phụ xử tử vong , tử bất vong, tặc bất Hiếu “

Ngũ luân của Việt



1.- Vợ Chồng : *Lễ thành hôn Vợ Chồng liên kết nhau vì Tình, không đặt nặng vấn đề môn đăng hộ đối. Lễ Giao bái thì phu phụ tương kính như tân (theo Lý công bằng) để sống Hoà với nhau, cách hành xử giữa Vợ Chồng cũng như mọi người là Tình / Lý tương tham. Gia đình là nền tảng của Xã hội.*

2.- Cha Mẹ: *Được gọi là song Thân*

3.- Con cái : *Tử hiếu: Nhân sinh Hiếu Nghĩa vi tiên*

4.- Anh Chị Em: *Huynh kính, Đệ cung*

5.- Nhân dân và Chính quyền: *Nhân quyền / Dân quyền lưỡng nhất (Ý Dân là Ý Trời.)*

Về Chế độ Chính trị thì theo tinh thần Dân chủ: “ Dân duy bang bản, bản cố bang ninh. Trụ bao quốc chi Quân, nhược tru độc phu “. (Mạnh Tử)

Chế độ Chính trị : Nhân Trị = Lễ trị / Pháp trị lưỡng nhất = 1

Hán Nho của Tàu không có Gốc số 2 (Chỉ có Dương: Lý mà thiếu Âm: Tình) nên mất Tinh thần Triết lý Nhân sinh), về Nội dung thì thêm các yếu tố bạo động của Văn hóa Du mục vào thành ra Hán Nho bá đạo, vì một mặt họ xen dậm yếu tố bạo động vào, mặt khác tẩy xóa vết tích của nguyên Nho đi, nhưng chưa tẩy xóa hết, nên T. G Kim Định đã khai ra từ đầu chí cuối, nhờ đó mà chúng ta nhận ra Hán Nho là mớ Hồ lồn

giữa Nho Vương đạo của Chung Việt và Hán Nho Bá đạo của Tàu. Vì không biết đến Việt Nho, nên không phân biệt được Vương đạo của (Việt) Nho và Bá đạo của Hán Nho, nên mới có cuộc chửi rửa sai lầm như ngày nay, thay vì nguyên rửa Hán Nho, các vị trí thức không nhận ra mấy câu bá đạo của Hán Nho, cũng không rõ Việt Nam cũng có Việt Nho là thứ Nho Vương đạo, nên đem mấy câu khinh miệt phụ nữ, với ngu Trung, ngu Hiếu ra mà chửi rửa Khổng Tử, Vị đã thuật lại nền Văn Hóa phương Nam của Tỵ Tổ Viêm Đế (đối với Tàu là phương Bắc) không dè lại nguyên rửa đến tinh hoa của Văn Hóa Việt Nam của Tổ Tiên.

Khi rửa Khổng Tử tức là rửa Nho Vương đạo của Tổ Tiên.

Khi bỏ Nho tức là bỏ Tinh hoa của Văn Hoá Việt Nam, khi đó Việt Nam trở lại thời đồ đá.

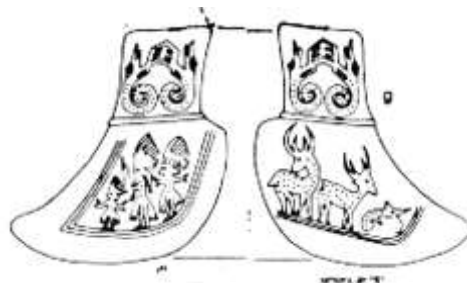
Từ tên của Tổ Tiên, của Dòng Họ, của mỗi người, tên Sông, tên Núi, cầu cống, đường sá, chữ Nho trong tiếng Nói, trong sách vở, mỗi câu mỗi lời nói đều chứa chữ Nho mang ý nghĩa quan trọng của câu nói, của Văn Hóa, vậy cứ bỏ Nho đi cho Văn minh! Văn hoá được kết tinh từ hàng ngàn năm nay, nay bỏ đi để trở về thời mông muội sao? Làm Người mà không biết thương Người, ở trong Gia đình mà phá nền tảng Gia đình, ở trong Quốc gia mà theo kẻ thù bán nước thì không mông muội thì là Yêu nước sao?

Có phải đã khinh thường mấy chữ Nhân Nghĩa Bao dung, hay Tình Nghĩa Đồng bào mà tan Nhà nát Nước không ???

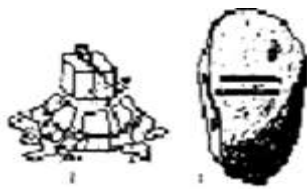
Cơ cấu của Việt Nho: Bộ Huyền số 2 – 3, 5

Bộ Huyền số tìm thấy nơi:

1.- **Cây Phũ Việt** trên có 2 Giao Long giao thoa với nhau, dưới có 3 người đầu mang lông Chim ca múa như trên mặt Trống Đồng, đây là nơi ký thác bộ Huyền số : 2, 3, 5 (2 + 3 = 5) của Việt Nho và Triết lý An vi.



2.- 5 Hòn sỏi Ngưỡng thiều với 3 Hòn để thô và 2 Hòn mài nhẵn



3.- **Hòn sỏi Bắc Sơn** với 2 nét khắc song song, trong hình học mặt cầu (Riemann) thì hai đường song song gặp nhau, T.G. Kim Định gọi là nét song trùng lưỡng hợp (dual unit)

4.- **Cái tước, cái Qua (cán dao) cái Dao** có 2 tai 3 chân



(1)

(2)

(3)

(1) : **Cái tước**: 2 tai 3 chân

(2) : **Cán Dao**: Trên có 3 ,dưới có 2 hình người giao Tay giao chân

(3) : **Cái Dao**

5.- **Cái Đỉnh** : 2 tai 3 chân



Cái Đỉnh : 2 tai 3 chân

5.- **Kiến trúc nhà cửa**: 3 gian 2 chái, 5 gian 2 chái, Cổng Tam quan, Đền thờ :3 nhà Thượng, Hạ, Trung.

(2 tai không phải để xách, số 2 chỉ là con số biểu tượng)

6.- **Áo dài 5 thân**

7.- Bài hát vui với số 3 và số 2 (Lợn Con / Lợn Sề ; Đi / về: số 2: Dịch lý)

3 bà đi bán lợn Con, bán Đi chẳng được lon ton chạy Về

3 bà đi bán lợn Sề, bán Đi chẳng được chạy Về lon ton .

*Đây là cấu trúc của Di sản Văn Hóa mà Tổ Tiên chúng ta đã cất dấu không cho Hoa Hán tước đoạt. Hán Nho chỉ cướp được cái Vỏ mà mất Ruột số 2, tức là Dịch lý : “ **Vi Ngôn đại Nghĩa** “.*

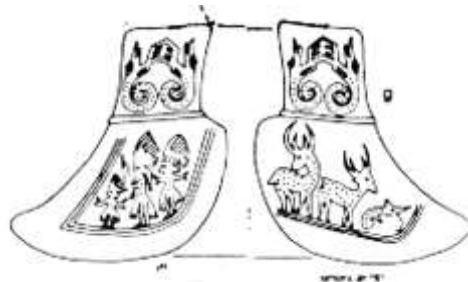
Bản chất của Dịch lý là cuộc biến hoá bất biến luôn có hai chiều nên luôn được tiến bộ và cân bằng, Tàu tuy có Dịch, nhưng chỉ có độc Dương, nên luôn dùng Bạo lực để gây Chiến tranh Cướp bóc và Bành trướng suốt dòng Lịch sử Trung Hoa 4716 năm, kể từ Thuỷ Tổ Hiền Viên Hoàng Đế.

Việt Nhân

Tham Khảo

(1).

CÂY PHỦ VIỆT



*Phủ Việt là cây Búa Việt. Cây Búa Việt mang **Danh tinh Việt** và **Thể tinh Việt** tức là Văn Hóa Việt, đó là **Bộ Huyền số 2 – 3. 5** (2 + 3 = 5),*

*Mặt Trên cây Phủ Việt có hình **2 giao long** ‘ Cài Hoa kết hoa với nhau tức là giao thoa hay Lương nhất. Mặt Dưới thì có hình **3 người mang lông chim** trên đầu đang múa như hình trên Trống Đồng và hình **3 con Nai lộc** (Lộc Tục ?)*

1.- Hình Cây Việt với bộ số 2 - 3

Cây Việt (chính là phủ Việt) tìm được ở Đông Sơn có khắc 5 hình, chia ra 2 tầng : trên 2 giao long đang giao chỉ (giao tay), dưới 3 người mang lông chim (hay 3 con vật) . Lưỡi Việt cong xéo. Nét cong là nét đặc trưng của Việt tộc nằm giữa Vuông và Tròn cộng lại

thành nét cong. Tuy ban đầu nước ta không gọi là Việt, nhưng Cây Việt mang dấu tính Việt là Tiên Rồng, thì còn hơn danh hiệu.

2.- Nét Cong của cây Việt



Một phủ Việt khác đã trút hết hình nhưng điểm đặc trưng là nét cong thì nổi bật. Nét cong do hình vuông ở sống vuông và lưới phủ Việt sắc (chỉ đường thẳng thay cho tròn) làm thành, nét cong lại là cái cung (cong) cung đọc là phủ, một thứ hình thêu vào áo tể.

3.- Hình Thao Thiết là hình Thần Rồng

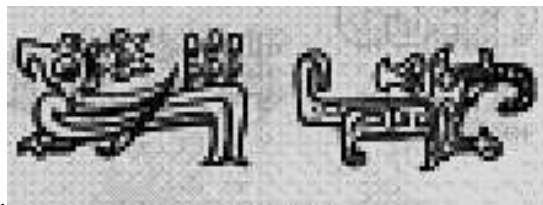
Thao Thiết là đồ đồng đời Thương. Chính ra là hình thần Rồng (giao long) gặp được ở nhiều đảo Thái Bình dương đan bằng một thứ cây mềm, thành hình cá Sấu có mang lông Chim, miệng mở rất lớn để nuốt lọt người được điểm Đạo vào bụng để được tẩm nhuận linh lực (Mothers trang 323 ; Kopiravi), khi truyền vào đất liền thì được đúc thành đồ đồng. Sau đó lại biến ra Văn Quý long, rồi cuối cùng ra Chim và Rồng, tức Tiên Rồng hòa hợp rồi lại phân cực.



Hình Thao thiết

4.- Thao thiết nửa Chim nửa Rồng: Văn Quý Long

Văn Quý long biến từ Thao Thiết thành một thứ nửa Chim nửa Rồng . Là Rồng nên có chân trước chân sau, là Chim nên có cánh.



Văn Quý long

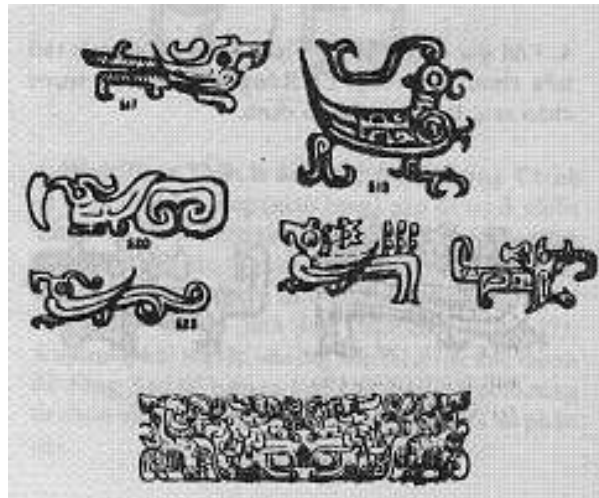
5.- Giao Long và Xà Long thành Rồng

Thao Thiết đang biến trở lại thế Rồng, có lẽ đây là nơi phát xuất ra con Rồng ngày nay: nơi Giao long góp 4 chân với Xà long góp cái mình dài. Các nhà nghiên cứu gọi đây là

nghệ thuật sông Hoài, vì có lẽ vụ biến thể nọ xảy ra ở miền đó. Đó là miền hơn kém thuộc Giang Tô trước kia có Châu Từ quê hương đồ sứ, quê hương Nữ Oa thái mẫu và Phục Hi.



Giao long và Xà long hóa Rồng



6.- Chim hóa Tiên, Tiên hoá Chim

Vài hình người hóa Tiên tức là mọc cánh Chim, nên Chim là Tiên, Tiên là Chim.



Tiên là Chim, Chim là Tiên. (Vũ hóa)

7.- Bánh Dầy bánh Chung

Hình Vuông Tròn biểu thị bằng bánh Chung bánh Dầy. Đây là Tròn Vuông diễn bằng cách xếp các quẻ Kinh Dịch, hình Tròn Vuông diễn bằng số Lẻ, số Chẵn : 3 - 2 trong Cây Việt , tàng ẩn trong 2 Giao long và 3 Người.



Giao Long (3 – 2)

Cán cái Qua (3 -2 : 5 người trên – 2 người dưới)

2.- **Hoàng Nho.** Thời Tam Hoàng có **Bộ sách: Tam phần Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu** . Khi quả đất âm dần, nước biển dâng cao, làm ngập khu cư dân tại Thái Bình Dương, nên họ di cư vào Trung nguyên bên Tàu mà lập nên nước Văn Lang.

(2). **Huyền thoại Tane**

Tāne: God of the Forest

Perhaps, it is safe to say that no other atua is more aspired and revered than Tāne. His relevance to us has remained throughout the generations and his character continues to inspire us in our daily lives. All the more, we need to pass on the stories of his unmatched persistence and his level-headed disposition.



The Origins of the God of the Forest



In the Māori creation story, Tāne is one of the many offsprings of Papatūānuku (earth) and Ranginui (sky). In his frustration amidst living in the darkness, he led his siblings to push their parents apart. Eventually, they escaped the darkness and let the light into the world.

As the trees stretch from the grounds to the clouds, we believe that the trees in the forest hold the earth and sky apart just like how Tāne held Papa and Rangi apart. Consequently, this makes the forest (ngahere) the realm of Tāne.

The Relevance of Tāne

Tāne is an indispensable character in the Māori culture because the ngahere is an essential source of food, shelter, and tools. He is the atua-god/guardian of mankind, birds, trees. In stories, we aspire to his level-headedness and persistence. His “big” job is to maintain the lush and diverse resources of the earth.

With these attributes, he became an example to many of us. His persistence and determination is unmatched, as it emanates in the narrative of **how he pushed his parents apart**. The story of his bravery and boldness inspires us, especially in the story of how **he acquired the three baskets of knowledge in spite of all the challenges and obstacles**. **He inspires us to maintain harmonious relationships amidst differences in order to achieve a common goal**. Tāne illustrated this in his cooperation with his brother Tāwhirimātea to defeat the insect-like demons even though they had their BIG differences (separation of their parents).

Even the largest tree in the whole of Aotearoa – Mahuta – is named after him. It is an outstanding **symbol of strength and stature**. Ultimately, he is the atua that we aspire to be like.

Tāne in Iwi Traditions

Tāne is a figure of great importance in iwi traditions. First, **he separated earth and sky and brought this world into being**. **Also, he fashioned the first human. Furthermore, he adorned the heavens, and brought the baskets of knowledge, wisdom, and understanding down from the sky to human beings**.

When the ancestors of Māori arrived in New Zealand, they found it was very different from their Polynesia. They had been primarily seafaring people. However, on these larger, colder islands, they also needed to know about the bush and its inhabitants. Eventually, these experiences led to the realisation that understanding the forest was vital to life. As Māori explored and learned about the forests, Tāne, the god of the forest, found an important place in tribal consciousness and traditions. Therefore, people developed a reverence for and knowledge of Te Waonui-a-Tāne – the great forest of Tāne.

The Many Names of Tāne

In the Māori culture, Tāne has different names to reflect his different roles. He is Tāne-mahuta as god of the forest, Tāne-te-wānanga as the bringer of knowledge, and Tāne nui-a-rangi as bringer of higher consciousness. His [various names](#) suggest someone who can defeat adversaries, and who is true, loyal, and authentic.

If you are keen to find out about his **many other** names here is a [scholarly article](#).

THE NAMES OF TANE

The titles of this personification, as given by various tribes, differ considerably, and thus his list of names is an extended one, as shown below:—

- (1.) Tane-nui-a-Rangi.
- (2.) Tane-te-waiora.
- (3.) Tane-te-po-tiwaha.
- (4.) Tane-te-wananga.
- (5.) Tane-te-hiringa.
- (6.) Tane-matua.
- (7.) Tane-i-te-mahara.
- (8.) Tane-te-wananga-a-rangi.
- (9.) Tane-i-te-kapua.
- (10.) Tane-ue-ha (*or ua-ha*).
- (11.) Tane-ue-tika (*or ua-tika*)
- (12.) Tane-tuturi.
- (13.) Tane-pepeke.
- (14.) Tane-tuoi.
- (15.) Tane-mahuta.
- (16.) Tane-te-waotu
- (17.) Tane-mataahi.
- (18.) Tane-tikitiki.
- (19.) Tane-toko-rangi.
- (20.) Tane-ruanuku.
- (21.) Tane-tahu-rangi.
- (22.) Tane-puhau-rangi.
- (23.) Tane-te-aparangi.
- (24.) Tane-tauru-rangi.
- (25.) Tane-torokaha.
- (26.) Tane-whirikaha.
- (27.) Tane-turere.
- (28.) Tane-kunawhea.
- (29.) Tane-wheo.
- (30.) Tane-akaaka-matua.
- (31.) Tane-maikiroa.
- (32.) Tane-te-whawhanga.
- (33.) Tane-wainui.
- (34.) Tane-waipatato.
- (35.) Tane-waikokina.
- (36.) Tane-takoto.
- (37.) Tane-kupapaeo.
- (38.) Tane-mimi-whare.
- (39.) Tane-wharoro.
- (40.) Tane-te-matatu.
- (41.) Tane-tutaka.

18

Ngā mihi Victoria University

These are only a few of the numerous reasons why Tāne remains to be relevant in our times. It is only rightful that we tell our learners stories to to inspire them to be like him.

As young as they are, our learners can start aspiring to be brave, humble, and cooperative, just like the atua of the forests that guard us and the birds that hover over us.
Ko Aotearoa tēnei!

For more related resources:

[Tāne and the Three Baskets of Knowledge](#)

[The Māori Creation Story](#)

[Māori Gods Concertina Book](#)

[Karakia mō te Kai Concertina Book](#)

[Māori Story Posters](#)

(2) . THÁM QUẠT NHỮNG CỔ MỘ VÙI SÂU CỘI NGUỒN VĂN HÓA VIỆT TỘC

(Trích trong cuốn “ Nền Văn hóa Đông Nam của Việt Nhân “

A .- Ý nghĩa chữ Hoàng và Hoàng Việt

(Hùng Việt sử ca: 8.- Ý nghĩa chữ Hoàng. . . Kim Định)

“ Ý nghĩa chữ Hoàng tìm thấy trong hai văn kiện quan trọng nhất của Việt Nho: Một là Hoàng Cực (trong lược đồ ngũ hành) quen dịch là sự hoàn hảo cao trọng nhất (la perfection royale). Thứ đến là trong huyền thoại Tam Hoàng là Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông. Đó không là nhân vật lịch sử mà là những dạng thức tối sơ của một đạo lý mà sau này Nho sẽ công thức hoá thành thuyết Tam tài: Thiên, Địa, Nhân.

Thiên đại biểu trong vai Phục Hy có họ Phong là gió (Trời). Địa trong vai Thần Nông đầu bò để cày ruộng Đất. Nhân trong vai Nữ Oa đang bồng trong tay thập tự nhai để chỉ con Người đại ngã được định nghĩa là đức của Trời cùng Đất. Trời nét dọc, Đất nét ngang làm thành thập tự nhai (+) trong tay linh mẫu Nữ Oa.

Đây là cơ cấu uyên nguyên của nền Nhân chủ, một nền triết đã giải thoát con người khỏi những trăn trở của dị đoan để con người hiện thực được quyền làm người, tự làm chủ vận hệ mình, tìm được đủ túc lý ngay nơi mình để làm người khỏi cần đến ngoại

viện, nhưng đường đường một đấng trượng phụ. Đó là đại đề ý nghĩa chữ Hoàng, nó chỉ mức độ cao hơn hết của chí thiện y như trong nước thì vua là cao trọng hơn cả, một thứ cao cả toàn bị không cần đến tha lực. Bây giờ ta **xem chữ Hoàng Việt có liên hệ nào chẳng với chữ Hoàng trên**. Thừa rằng là có lắm, đó là liên hệ họ máu hàng dọc. Chúng có là thời khai sáng nước Văn Lang, **Lạc Long quân đã diệt Hồ tinh, Mộc tinh, Ngự tinh**. Đó là loại danh chỉ các thứ dị đoan đã không chế giam giữ con người khắp nơi trong cảnh vong thân không để cho ngoi lên được bậc Nhân chủ. Trái lại nhờ vua cha đã phá hết mọi trở ngại nên vua con là **Hùng Vương** đã có thể kiến tạo một nền Nhân chủ toàn triệt có tầm vóc lớn như vũ trụ, được biểu thị bằng cặp bánh Trời Đất với ẩn nghĩa là con người sẽ tránh được nạn vong thân bằng học nền nhân đạo nọ. Nhờ vậy mà con cháu có những mẫu người như **Thánh Dóng** làm những việc đáng mặt là “ Xung Thiên thần vương ”; với **Cô Liên nói Trời cùng Đất** trong truyện Trầu Cau : Cau đứng thẳng chỉ lên Trời, Đá Vôi nằm dưới Đất; Cô Liên hoá thành giầy leo xung quanh liên lạc cả hai lại thành hình đồ thắm. Đó là mấy nét chấm phá vẽ lại cái sơ đồ Đạo Việt khi mới xuất hiện, sau này nó sẽ lu mờ đi hầu như tắt hẳn, đến nỗi ai cũng cho Phục Hy, Nữ Oa là người Tàu. “

B.- Phan phui một đạo văn khổng lồ trong lịch sử Văn học Việt Nho.

“Đó là một sự lầm truyền kiếp đã gây ra tự đời nhà Chu, đầu nhà Hán do những người nặng óc thần tiên đề cao Đạo Lão, rồi tôn vinh Hiên Viên làm Tị Tổ văn minh Tàu. Từ Mã Thiên đã mở đầu sử nước Tàu với Hiên Viên Hoàng Đế mà không với Nghiêu Thuấn như Kinh Thư. Tuy rất nhiều Nho gia đã bài bác Tư Mã Thiên về điều đó, nhưng vì sự phê bình không thấu triệt, nên cuối cùng bộ ba Tam Hoàng bị Tàu hoá. Vì thế ở đây phải dùng phương pháp huyền sử để phan phui một đạo văn khổng lồ trong lịch sử văn học Việt Nho: Vụ đó mở đầu bằng Hiên Viên được gán cho tên là Hoàng Đế bằng cách xóa bỏ tên Nữ Oa đi để đưa Hiên Viên vào với danh hiệu Hoàng Đế. Đây là một việc đánh tráo mà dọc dài 25 thế kỷ không một ai ngờ, mãi cho tới nay mới có một số học giả hé nhìn thấy, nhưng lại bị chính quyền như Tưởng Giới Thạch đã làm vào quãng năm 1920 khi cấm phát triển phong trào thu thập những truyền kỳ cổ tích thần thoại Tàu. Vì qua sự phân tích các huyền thoại về khai quốc chính quyền nhận thấy sự nguy hại cho hào quang vinh hiển vẫn bao quanh những trang sử Tàu, khi các tên tuổi như Phục Hy, Nữ Oa. . . đều được nhận ra là thần tượng hay vật tổ của các bộ lạc thổ trước. Ấy là lúc cuộc khai quật của các học giả mới ở đợt văn học, cổ sử chưa đi tới đợt triết mà đã vậy (xem thư tịch số 10. 12).”

I.- Hiên Viên là Đế chứ không phải là Hoàng

“ Hôm nay chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc trên bằng **dùng phương pháp huyền sử và cơ cấu. Trước hết hãy xét tên Hoàng Đế**. Đó là một mâu thuẫn, tố cáo sự chiếm đoạt, chữ Hiên Viên chỉ là Đế không thể là Hoàng. **Chữ Hoàng đi với Hoàng Cực, là sự trọn hảo cùng cực, mà cho được thế phải vượt qua các đợt vòng ngoài (to have) để nhập trung cung (to be). Trung cung cùng với Thần là một, mà Thần vô phương không đầu không có, cần chi phải chiếm đoạt, phải lập đế quốc, mà vẫn làm được các việc lớn lao có tầm vóc vũ trụ, như Tam hoàng biểu lộ rõ rệt, không hề xâm chiếm của ai. Trái lại Hiên Viên xuất hiện với đạo quân hổ, báo, hùng, bi, đã giết Thần Nông, diệt quân Li Vưu ở Trác Lộc máu chảy hàng trăm dặm, hoàn toàn là**

Đế (quốc) có chi là Hoàng đầu mà nói Hoàng Đế ? Nói Đế là lòi cái đuôi Đế quốc ra rồi đó.

Sau này vì Tam Hoàng bị Tàu hoá, nên chữ Đế được dùng nhiều đến độ lấn át chữ Hoàng. Thay vì nói Hoàng Đạo thì người ta nói Đế Đạo. Nói Hoàng Đạo thì dễ bị lộ, vì có Hoàng Việt đó, nó sẽ hỏi tại sao Hoàng Đạo lại không là của Hoàng Việt mà là của Tàu. Vì thế mà chữ Đế được thịnh hành trong bộ ba: **Đế Đạo, Vương Đạo, Bá Đạo. Gọi thế là đã bị làm theo óc Đế quốc chiếm đoạt của Hiên Viên đẩy Nữ Oa ra khỏi bộ Tam Hoàng.** Thế là đi đòi Tam Hoàng. “

II.- Độc Dương bất sinh

“ Vì Hoàng Đạo cũng là Hoàng Cực mà cho được vậy thì ngoài Dương phải có Âm trong, Âm đây biểu thị bằng Nữ Oa, đóng vai nguyên lý Mẹ cách huy hoàng với những tác động có tầm vóc vũ trụ (vì vậy mới đáng tên nguyên lý Mẹ) , nay bị đẩy ra **đưa Hiên Viên đực rựa vào thì còn chi là Đạo**, mà chỉ có một thứ duy nào đó, ở đây là duy Dương, thiếu nước, vì Đạo Hiên Viên đi với Nữ Thần Bạt là thần coi về đại hạn: **thế là Hoàng Việt bị đoạt mất hồn.** “

III.- Tẩy xóa vết tích: Đổi chữ viết

“**Đây là một vụ xâm chiếm lớn lao đến nỗi Thượng Đế cũng bị luân.** Các sách sau này khi viết chữ Hoàng Thiên Thượng Đế thì toàn viết chữ Hoàng (bạch + vương : 皇), mà không dám viết viết Hoàng (黃 : cộng + điền) lúa chín. Đó là một tội phạm thượng tày Trời, vì dám đẩy Thượng Đế ra rìa phía Tây (**bạch Đế trấn Tây thổ**) để chỗ cho Hiên Viên, lấy cớ rằng Hiên Viên cai trị theo thổ đức, nên phải viết Hoàng trung cung (thổ là trung cung của ngũ hành). Thôi thì cũng tạm cho qua, vì ở vào cung Thượng Đế mong để được nhờ hồng phúc của trời. Đàng này vào được rồi, hạ luân cả Trời, bắt Trời phải mang áo của Bạch Đế tức bắt Trời coi có góc Tây của Trời. Ấy chưa nói chữ Hoàng, Bạch vương lúc xưa còn bị xấu lây vì nó giống chữ tội xưa.

Sau này Trần Thuỷ Hoàng không chịu được, bắt lập ra chữ tội mới (罪 : tứ phi) thay cho chữ tội cũ giống chữ Hoàng (Need I. 28). Trời mà còn bị xử tệ đến thế, huông chi Hoàng Việt thì sức mảy mà được viết với chữ Hoàng Cực, hoàng trung cung màu lúa chín với “ ruộng công ” theo lược đồ chữ tinh (井) tức là giếng của Việt, thế là người xưa khi viết Hoàng Việt lại phải hạ chữ Hoàng, Bạch Vương.

Vậy là Việt bị mất Tổ mà không ai dám nghĩ tới, dù chỉ thoáng qua rằng Tam Hoàng là Tị Tổ của Hoàng Việt.

Vì thế, ngày nay muốn phanh phui vụ này thì cần phải dùng phương pháp thử máu của huyền sử và cơ cấu luận mới xong.”

IV.- Thử máu

Trong bài trước ta đã mở xẻ văn hoá của Việt, thấy rằng đó là loại máu T.R (Tiên, Rồng). Chúng tôi đã chứng minh bằng cả khảo cổ lẫn một số huyền thoại để chúng ta rằng loại máu T . R không phải một sự ngẫu nhiên hoặc chỉ là câu chuyện văn chương phù phiếm, mà chính là cái gì căn cốt nhất ví như khí huyết đang đem lại sự sống mạnh liệt cho văn hoá Việt.”

1.- Phục Hy, Nữ Oa

“ Bây giờ muốn biết **Nữ Oa , Phục Hy có phải là của Việt chẳng thì chỉ cần thử máu** : Hễ cùng dòng máu T. R là đúng Việt. Trước hết **Phục Hy** thì dễ thấy, vì tên tự của Phục Hy là **Thanh Tinh** nghĩa là **Rồng xanh**, tức là máu họ R , không thể chối cãi được.

Nữ Oa thì có phần khúc mắc một chút, nhưng tìm kỹ thì cũng thấy bà thuộc loại loại máu T. Ta biết Tiên được biểu thị bằng chim, vậy mà **Nữ Oa sinh ở Đồ Sơn cũng có tên là Vũ sơn**, chữ vũ (: 羽) là lông chim trong châu Phượng Tường (phượng là chim phượng). Nhiều sách nói Đồ Sơn chính là Cối Kê, kinh đô Việt Chiết Giang. Nhưng trong phạm vi huyền sử không cần xác định nơi cho bằng xem ẩn nghĩa, lúc ấy ta sẽ thấy Vũ Sơn, Phượng Tường cũng là một loại tên chung như Bạch Hạc ở Phong Châu của Âu Cơ Nghi Mẫu. **Như vậy Nữ Oa là bà nội cùng dòng máu họ Tiên**; rõ hơn nữa là khi **bà hoá ra chim Tinh Vệ tha đá lấp bể Đông** , có sách nói là để hạ giận, vì bể làm bà chết đuối. Nói vậy là làm theo **Hiên Viên tìm cách triệt hạ uy tín của bà** để nhẹ cái tội chiếm đoạt của mình chứ làm sao mà bà chết đuối được, bà thường xuyên xuống biển để gặp rồng xanh, nên đuôi đã thành cá hoặc rắn (Rồng) sức mảy mà chết đuối, chỉ vì mối tình vô cùng thâm hậu với rồng xanh nên khi chết không nở để cho rồng xanh cô độc, nên hoá ra chim tha đá bỏ xuống biển để cho hai mối Trời (đá) Đất (biển) được giao thoa.

Nói cụ thể là để bảo vệ con người đại ngã được biểu thị trong quả Kiền của Kinh Dịch là long đứ, thành ra chim Tinh Vệ nghĩa là chim (bảo) vệ Tinh tức là Thanh Tinh (Rồng xanh).

Vậy chim Tinh Vệ tha đá lấp bể Đông chỉ là một hình ảnh đầy thi vị để cụ thể hoá thập tự nhai được bông trong tay Nữ Oa lúc sinh thời (lúc đang quấn đuôi bà đuôi ông).

Với Phục Hy thì Nữ Oa là vợ mà đồng thời cũng là em. Đây lại là một bằng chứng Phục Hy Nữ Oa là người cổ Việt vì anh em lấy nhau là mô dạng huyền thoại của Đông Nam Á, mà dấu vết còn sót lại nơi dân Môn Khmer, bên ta có tích nàng Tô Thị lấy anh đến khi anh bỏ đi thì Tô Thị ở nhà chờ mong biến thành đá. Bên Nhật anh em Izanagi và Izanami. Bên Ấn Độ là cặp đôi Yama và Yami.

Vậy khi thử máu xong, ta thấy Nữ Oa và Phục Hy đều cùng một loại máu T. R (Tiên Rồng) như Âu Cơ và Lạc Long quân, nên kết luận được rằng Phục Hy Nữ Oa chính là Tị Tổ của Hoàng Việt.

Tuy nhiên cần đẩy xa hơn nữa để nghiên cứu về động ứng và tác hành xem “ mang máu anh hùng con cháu có khỏi làm hư máu anh hùng ” = có còn giữ được tính chất tinh tuyền của Tam Hoàng Tị Tổ không ? Xin nhắc lại Hoàng là giai đoạn an vi nguyên thủy, nó ở tại đặt căn để trên con người tự lực tự cường, biết hiện thực các chiêu kích của con người Đại Ngã Tâm Linh được biểu thị bằng những tác động lớn lao như vá trời lấp biển. Vậy ở đây trong dòng dõi Việt cũng thấy những tác động xứng đáng họ Hoàng như các Không Lồ Việt, ông thì chống Trời, ông thì san Đất, cán núi, húi sạch rừng . . . , không thiếu gì những việc mênh mông như Trời cùng Đất. Đó là những việc tạo ra cho con người một hình ảnh Đại Ngã Tâm Linh của mình, xứng đáng đứng ngang hàng với Trời cùng Đất để nói được :

**“ Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất, Ta đây đủ Hoá Công ”**

Nói được là con cháu không giống lông cũng giống cánh: không một cử động nào làm phải hổ người. Đó quả là một nền nhân chủ trọn hảo.

Vậy mà nền nhân chủ an nhiên tự tại ấy ta được thấy vẽ lại trong văn hoá Việt với họ Hồng Bàng, với Lạc Long quân lấy Âu Cơ tức máu hàng dọc của loại máu T . R đặt nền trong con người. Nhưng sau này khi văn hoá Tàu thành hình hẳn ở nhà Chu, thì nền tảng đặt sang Thiên mệnh và Thiên chí. Vậy là mở đầu nguy cơ có thể đặt nền ra ngoài con người rồi đó. Nhưng rồi những người ý thức đã phản pháo lại trong câu nói : “ Thiên mệnh chi vị tính ” với ý nghĩa rằng: Thiên mệnh đây không nên hiểu lên Trời hay dưới Đất, mà Thiên mệnh chính là tính con người.

Vì lý do đó mà tôi đã ghép chữ Nho vào Việt thành ra Việt Nho, vì trong những điểm nền tảng thì Nho nguyên thuỷ đã duy trì được Việt Đạo như thí dụ câu nói mở đầu sách Trung Dung vừa trung ở trên (Thiên mệnh chi vị tính). Theo Chu Nho thì Thiên mệnh ở trên Trời và đã ban cho vua để mang lại đức chính thống. Việt Nho cãi lại rằng : Thiên mệnh không ở trên Trời , nhưng nằm ngay trong con người, nơi sâu thẳm nhất, cốt cách nhất , đó là tính con người (xem Sứ Điệp chương bàn về Nho công thức hoá nội dung Việt). Xem xét Nho nguyên thuỷ rồi sẽ thấy rõ toàn bộ cuộc cách mạng của Nho ở tại **phục hoạt tinh hoa của Hoàng Việt, một Đạo lý đem lại cho con người tính cách an nhiên tự tại vì đã khám phá ra nguồn suối muôn sự lành ngay nơi lòng mình, gọi bóng là Việt tinh, khỏi cần đi chinh phục ở ngoài.** Tất cả những điều này được bàn dài trong Kinh Hùng cho nên có thể nói là đã được minh chứng tạm đủ để phân thượng tầng cơ cấu gồm Phục Hy, Nữ Oa. Bây giờ tới hạ tầng cơ sở là Thần Nông .

2.- Thần Nông

Huyền sử nước ta được nói với Tam Hoàng bằng truyện cháu 3 đời vua Thần Nông là Đê Minh tuần thú phương Nam gặp Vũ Tiên trên núi Ngũ Lĩnh . . . Nhiều người nay kỵ Tàu đến cực độ nên cho đó là cái lầm truyền kiếp do các cụ xưa có ý móc sử nước nhà vào với Tàu cho nước mình được oai lây. Nhưng xem lại thì oan cho các cụ và chính sự đổ oan đó mới là cái lầm truyền kiếp, cái lầm vong bản.

3.- Hậu Tắc

Ai đã nghiên cứu về cổ sử Tàu cũng sẽ nhận ra rằng văn hoá Tàu mới có từ đời Chu (thế kỷ 12 tr. c. n.) nhưng rồi vì tự ái dân tộc quá khích, nên đã tạo ra nhân vật Hoàng Đê để cướp ghế diên tổ của Thần Nông để dâng cho ông Khí, được nâng lên bậc thần, gọi là Hậu Tắc (the Lord of millet). Thế là từ đây Hậu Tắc ăn hót cái tên tuổi lẫn tế tự của Thần Nông, vì từ nhà Chu, Tàu chỉ tế có Hậu Tắc mà không tế Thần Nông nữa. Xã tắc chiếm chỗ Thần Nông ở nông thôn: Thần Nông chịu lẫn quá trong hai cặp chữ Thổ Thần và nông thôn đó.

Vậy Tắc là chi ? Thừa là một thứ lúa (panicum) nên cũng là nông nghiệp, nhưng thuộc loại ruộng khô (loại thiếu nước như Hoàng Đê), chỉ phát triển nhiều ở vùng Tây Bắc nước Tàu (Cam Túc và Thiểm Tây), nơi có đất vàng (loess), còn phần rất lớn nước Tàu (đến 80 % , 90%) là ruộng nước với lúa mềm, chữ Nho kêu là đạo. Khi kể về ngũ cốc thì bao giờ cũng nói đạo đầu trước hết (ngũ cốc : đạo, thừ, tắc, mạch, thực).

Thừ cùng một loại với tắc (panicum) cũng như thực là một loại của mạch. Thứ tự đó bao hàm ý rằng Thần Nông mới là chính, còn Hậu Tắc vừa nhỏ bé vừa đến sau mới xía vào mà lại còn đòi độc chiếm y như Hoàng Đê xưa đã xía vào chiếm ghế Nữ Oa.

Chỉ phân tích sơ sơ như thế, đủ thấy Tam Hoàng là của Hoàng Việt, hoặc nói cho thanh nhã là Tổ chung của cả Việt lẫn Tàu cổ sơ, thế nhưng vì óc đê (quốc) chiếm đoạt che lấp

nên các đời sau không thấy được nữa cái vai trò sáng lập của Thần Nông. Trong văn hoá lưu truyền có câu : “ **Thần Nông nhân miêu nhi giáo** ”; Thần Nông thiết lập giáo hoá trên nền tảng cây mạ, tức trên nền tảng ruộng nước, vì thế xưa kia bộ canh nông gọi là Tu Đồ cũng là bộ giáo dục luôn.

Nói vậy nghĩa là văn hoá Tàu phần gọi là Nho hoàn toàn phát xuất từ nông nghiệp ruộng nước, trải ra trên 80, 90% nước Tàu, nhất là miền Đông Nam kể hai lễ trọng đại nhất là Phong Thiện (tế Trời Đất) biểu thị cho nét song trùng sơ thủy, nói là có từ đời vô hoài tức là lâu đời không còn nhớ tên vị sáng lập được nữa , nhưng cũng phát xuất từ núi Thái Sơn với ruộng nước. Vậy thì nền văn hoá phát xuất từ ruộng nước đó là của ai nếu không phải là của Việt tộc, nhất là Lạc Việt, nên nhớ rằng trong cái nõi chữ Việt xưa chính là chữ mễ, mà mễ là kết tinh của lúa ruộng nước. Sau này chữ Việt với bộ tẩu với nghĩa là siêu việt thì không có gì nghịch lý hết.

Vì văn hoá nông nghiệp đã có sức siêu lên tận bậc tâm linh, y như Nữ Oa có thể bay lên trời, mà còn vá trời nữa, siêu việt đến thế là cùng. Thiết tưởng bàn như vậy đã tạm cho thấy nội dung chữ Hoàng là chi, và biết đại khái nó thuộc về Việt như thế nào.

C.- Lý do phan phui

Tuy nhiên vì nói kiểu cơ cấu và huyền thoại Nữ Oa, Phục Hy sợ rằng nhiều người sẽ hỏi tại sao đang lúc nước mất nhà tan cần phải lo cứu gấp đồng bào , nghĩ đến việc phục quốc mà lại phí thì giờ đi tranh luận xem Nữ Oa là người Tàu hay Việt.

Xin thưa rằng trên đây không phải là vấn đề chỉ có tầm mức hàn lâm sách vở dành cho những lúc trà dư tửu hậu, mà chính là vấn đề có liên hệ đến vận mệnh quốc gia dân tộc, bởi vì nếu không giải quyết vấn đề này (Nữ Oa là Việt hay Tàu) thì khó thể kiến tạo được nền chủ đạo hữu hiệu. Bởi vì Nữ Oa đây là nguyên lý Mẹ, mà thiếu nó thì triết lý đóc ra duy Dương rồi sẽ Duy vật hiện chúng ta đang là nạn nhân. Chính vì vậy mà mất nước, và mai đây nói đến phục quốc mà thiếu một chủ đạo thì rồi lại chỉ lẩn quẩn ở tầm mức chính trị vọng ngoại thiếu căn bản thâm sâu của dân tộc thì cuộc phục quốc chưa trọn vẹn. Vì thế muốn có chủ đạo thì phải thiết lập được một nền quốc học. Bỏ qua chữ Nho mà đòi lập nổi quốc học là thì chỉ là điều mơ mộng.

Có người ở bậc Đại học viết báo thắc mắc tại sao thời buổi quốc tế này mà còn nói tới Nho vốn là cái gì cũ trích, sao không nghiên cứu các nền triết lý trên thế giới để kiến tạo cho mình một nền quốc học tân tiến ? . . . Tôi không buồn trả lời, vì thực tế đã trả lời rồi đó cho những ai biết quan sát : Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh đã thiết lập xong quốc học có tính cách quốc tế hẳn hoi rồi đó, quốc tế quá xá đến độ cần quét cái học của tiền nhân của dân tộc: nên cũng đi vào lối Hiên Viên đây Nữ Oa ra ngoài để trở thành đực rựa duy Dương, tức tẩy sạch mọi tình người . Hậu quả đã trở nên quá khủng khiếp: cả một vùng Đông Nam Á đã bao đời an bình dưới bóng Nữ Oa nghi mẫu thì nay đang rên xiết với cái học vong bản duy Dương đực rựa . Ngoài ra còn biết bao nhiêu người khác nghiên cứu triết học quốc tế đều đã tận tình tận lực nhưng cuối cùng cũng chỉ đưa ra được vài quyển sách trừu tượng xa môi sinh tinh thần đất nước tức là vô tình đã giúp vào việc bỏ bê dân nước để đi lo nghĩa vụ quốc tế.

Đó là những chứng nhân đang nói lên cách hùng hồn rằng chỉ có con đường hy vọng cho quê nước là trở lại với văn hoá dân tộc mới tìm ra Chủ đạo cân đối: muốn cho cuộc trở về thấu đến gốc ngọn cũng tốt thì không thể không nói đến Tam Hoàng với

Hoàng Việt. Vì thế mà vấn đề nọ mới coi tướng là **Cổ** mà hoá **Kim**, tướng là quái **đần** mà hoá **thiết thực**, cái thực nóng bỏng của quê hương đang quần quai trong **muôn trùng thống khổ** rất cần được **giải phóng** khỏi cái chủ đạo thiếu tình người **biểu thị bằng Nữ Oa, Âu Cơ**, nên đã làm **sụp mất Trời che Đất chở**.

Vì thế cần phải mời Nghi mầu mau mau trở lại nấu đá Ngũ hành để trát lại Trời nghiêng, kê lại Đất lệch cho con cháu được nhờ . “

D .- Bàn về cổ sử Tàu

(*Hùng Việt sử ca: 9.- Cổ sử Tàu. Kim Định*)

I.- Đường hướng tìm về cổ sử Tàu, Việt

“ **Tiền sử nước ta** diễn ra mãi tận bên **Tàu**, lẫn lộn cả với **nguồn gốc nước Tàu**, nay muốn nghiên cứu về **nguồn gốc văn hoá Việt** không thể không nhìn qua **cổ sử Tàu**, nhưng cũng không thể nào chấp nhận y nguyên các **pho cổ sử** do người **Tàu chép**, chẳng hạn như **bộ Sử Ký Tư Mã Thiên** hay **bộ Tiền Hán Thư của Ban Cố**, mà phải xét lại toàn bộ dưới ánh sáng **khoa khảo cổ**, cũng như các **khoa tân nhân văn: dân tộc học, xã hội học, cổ thuật học . . .** để từ đó kiến tạo lại một **cổ sử Tàu** theo **lối sinh thành (génétique)**, khác hẳn lối **tính chỉ** từ trước tới nay ở **tại lấy cái khung đời Tần Hán chiếu ngược lên** thời khai sinh, **trái lại cần phải điều chỉnh toàn triệt**, có vậy mới thấy rõ hơn **nguồn gốc văn hoá nước nhà**.

Nhưng đó là một việc làm dài hơi không ai đủ khả năng làm một mình, mà cần sự **cộng tác của nhiều nhà chuyên môn** mới có thể đi vào chi tiết và chính xác được. Sau đây là cái nhìn tổng quát về một số **điểm đề gợi ý** :

II .- Tên nước Tàu

Tôi chưa gặp được bài nào nghiên cứu về **nguồn gốc danh hiệu này**, vì người **Tàu** hình như không bao giờ rớ tới cái **tên Tàu**, với họ phải là **Trung Hoa, Trung Quốc**, hoặc là người **Hán, Đường . . .** kia . Tìm trong **cổ sử** chỉ thấy có hai chữ coi được như **gốc tích**: Một là chữ **Đào Đường** có nghĩa là **nung đồ gốm** và là **tên đất phong của vua Nghiêu**, mà theo **Kinh Thư** thì **Nghiêu là thuỷ Tổ**.

Như vậy chữ Tàu do Đào Đường Chăng ? Người Tàu đọc Đào là Tào, rồi ta biến ra Tàu?

Vì chỉ có một chữ **Tào** chỉ nơi nuôi súc vật như **ngựa** mà ta đọc là **tàu ngựa** (một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ). **Bách Việt** cũng có tên **Bách Bộc**, là đất ở **Nam Kinh Châu**, có thể vì sự lân cận đó mà người **Việt** gọi lân bang là người **Tàu** hay **nước Tàu**, y như sau này vì lân cận với **nước Ngô** mà ta gọi **Tàu** là **Ngô**, chứ **Tàu** không bao giờ nói mình là **Ngô** cả.

Gánh vàng đi đổ sông Ngô.

Trong ca dao đôi lần nhắc đến chữ **tào**:

**“ Sa cơ mới phải lụy Tào,
Nhưng so tài sức thì tao kém gì .”**

Câu trên có thể thoát ra **khẩu khí**, những vị như **Hung Đạo** hay **Quang Trung** đánh cho **Tàu** chạy có cờ, mà rồi vẫn phải **sai sứ đi cống**. Bề ngoài **cống** nhưng trong **bụng** nói:

“ nhưng so tài sức thì tao kém gì ”. Chữ tào làm liên tưởng tới chữ Tào Khê trong ca dao:

**Đêm đêm tưởng dạng ngân hà,
Bóng sao tinh đấu đã ba năm tròn,
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy lòng còn trở trở.**

Câu này đọc lên nghe lòng hiu hắt như đang ở mạn Bắc lòng đầy những mối tiếc thương một cái gì, một mảnh quê hương đã mất, những mong lấy lại được liên, mà nay đã ba ngàn năm tức lâu rồi mà vẫn chưa. Tuy vậy không sao quên được. Tào này có lẽ ở mạn Tây Nam Sơn Đông (C. A. 81) và là tên xa xưa . Còn một Tào Khê nữa ở huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng Đông có chùa bảo Lâm, nơi tổ Huệ Năng hoàng pháp, có thể là tên di cư của Tào Khê gốc cũ chăng? Đó là đại để vài tên liên hệ với chữ Tàu, người Hy Lạp viết về Tàu thì ghi là Tauga, nhưng có người bảo không do Tàu mà do Tabghaj cách phiên âm Ả Rập của chữ Thất Bạt (Need I . 169).

Khi nghiên cứu về cổ sử, tôi ưa dùng tên Tàu vì ngoài vụ tên đó có hơi hướng với du mục do hai chữ : tàu là tàu ngựa, và đào là lò nung gốm, nó còn liên hệ với sự bé nhỏ của nước Tàu mới như mọc. Sự bé nhỏ này cần để trước mặt, nếu không sẽ bị cái hình ảnh khổng lồ đời Tần, Hán làm hoảng sợ, rồi cái gì rõ là của nhà cũng không dám nhận.

Nước vua Nghiêu chỉ quảng một làng một tổng của ta, cùng lắm là một huyện. Vì sau này mãi tới đời Thương mà nước cũng mới bằng một phủ rộng độ một hai trăm dặm (Civ. I . 85) Sau này mới chinh phục mở rộng ra dần.

Nhân tiện, xin nói ra chữ Chine, mà Âu Mỹ dùng để chỉ Tàu. Chữ này gần với chữ Tàu hơn vì nó lên nước Tần. Tần cũng là một ba trong ngũ bá. Thứ đến cũng nói lên óc du mục đế quốc. Nói vậy không có ý bỏ hai chữ Trung Quốc hay Trung Hoa vẫn phải giữ lại cho bộ ngoại giao cùng lắm thì khi viết về sử Tàu từ Tần Hán trở đi.

Còn nói về cổ sử thì tên Tàu vẫn nên dùng vì nó có phần đúng nhất với thực trạng: nó nói lên sự bé nhỏ và lân cận với nước Việt cổ đại vươn mình mãi tận Bắc kinh.

III .- Trời trụt niên hiệu Niên để mốc nổi

Niên hiệu đích xác nước Tàu mới có từ năm 721 năm khai mở sách Xuân Thu, sau đó người ta tính ngược lên tới Nghiêu Thuấn, rồi sau tới cả Hoàng Đế nữa, cuối cùng lại ngược lên nữa tới cả Thần Nông năm – 2737 (lưu truyền cho là năm – 3320), Phục Hy – 2852 (lưu truyền - 4480). Sự tính ngược này có nhiều điều vô lý. Trước hết là Trúc Thư Kỷ Niên (viết vào thế kỷ thứ 3 trước rồi lạc mất sau tìm ra được trong một số cổ mộ) đưa ra niên hiệu khác với Kinh Thư sụt đi suýt soát 200 năm.

Thứ đến là các niên hiệu gán cho Phục Hy, Thần Nông quá muộn, khảo cổ tìm ra dấu vết văn hoá lối 4, 5 ngàn năm tr. c . n . Ở cả hai di chỉ Long Sơn và Ngưỡng Thiều đều đã lâu 5000 năm là ít, nay lại mới tìm ra đọt trước cả Ngưỡng Thiều và Long Sơn hơn 3, 4 ngàn năm như văn hoá Đại Bôn Khanh có liên hệ với Hoà Bình tỏa ra ở Quảng Tây lên đến Đài Loan (xem The archeology of ancient China by Kwang Chih Chang 3 rd, edition Yale univ. Press 1978 p. 152).

Thứ ba là gây bỏ mất một lưu truyền dài hàng nhiều ngàn năm thuộc thời mà một hai học giả gọi là Sinic, còn tôi gọi là Viêm Việt, chứ Bách Việt cũng còn là muộn vì ban đầu chỉ có những tên Tam Miêu, Cửu Lê, Cửu Di, Tứ Di, Nhung, Địch, Man, Di.

Thế nhưng tất cả lại có những nét văn hoá giống nhau như Tả nhậm (Tứ Di tả nhậm), xâm mình, đeo lông chim khi múa. . . và tất cả thuộc nông nghiệp lúa mễ (lúa Tắc [1] chỉ là thiếu số). Vậy mấy nét ấy nằm rõ trong tên Việt cổ viết với bộ mễ (粵). Nền nông nghiệp này cũng như thói tả nhậm và mặc lông chim được ghi trong Trống Đồng mà sử sách Trung Quốc đều công nhận chủ nhân là Lạc Việt, cũng như nơi phát xuất chính của Trống Đồng được phát hiện ở nước Việt.

[1].- *Lúa Mễ ruộng ướt miền Nam . Miền Bắc ruộng khô, lúa Tắc tên chung chỉ là lúa mì, miến . . . của Tàu mạn Bắc .* Vì thế tôi gọi lưu truyền xa xưa đó là của Việt tộc và đề nghị phải dùng niên hiệu lưu truyền cho Phục Hy, Thần Nông chứ không để các nhà khoa học hạ thấp xuống rồi móc nối vào cổ sử Tàu, nó chẳng khoa học chút nào cả: nhận nó chỉ là giúp vào việc chôn táng nguồn gốc văn hoá Việt tộc mà thôi. Nói cơ sở thế để thấy rằng đem huyền số cơ cấu để lịch sử hoá thì chỉ là bày bịa vô nền. Đây cũng là lý do tại sao các nhà nghiên cứu người Tàu ngày nay không còn dám nói đến “ ngũ thiên niên sử ”.

Trong cuộc cách mạng văn hoá do Trần Độc Tú và Hồ Thích khởi xướng vào năm 1920 thì có nhóm rút sử của họ xuống 4000 năm.

Cố Hiệt Cương cho rằng nếu gạn lọc cả những điều đáng nghi trong các sách gọi là sử chính thức (không phải ngụ thư), thì có lẽ chỉ 2000 năm. Đó có thể là lập trường quá đáng y như ngũ thiên niên sử.

Chính sử Tàu chỉ có từ năm 721 tr. c . n . Còn văn hoá Tàu được thai nghén từ đời nhà Thương tức từ thế kỷ thứ 17 tr. c . n . trên nữa không có chứng tích gì bảo đảm, chỉ còn một mớ truyền thuyết như Bàn Cổ, Phục Hy, Thần Nông thì hầu chắc là lấy của Việt tộc như đã bàn trên và những chương dưới . Ngược với Việt Nam, nói 4000 năm văn hiến là còn ít vì căn cứ vào họ Hồng bàng với lối múa đeo lông chim làm cứ để tìm ngược lên thì thấy xa lắm, nói được là cho tới Phục Hy, Nữ Oa đều có chứng từ khảo cổ. Không hiểu câu 4000 năm văn hiến xuất hiện lúc nào chứ nếu xuất hiện vào đời Trung Triệu cũng không sợ bị cải chính, và nếu thế thì nay phải nói 6000 năm văn hiến. Sáu hay hơn nữa cũng chẳng sao miễn tìm ra ấn tích để chứng minh cho nội dung ấy, mà nét đó tìm được ở văn hoá Bắc Sơn lối 5000 tr. c . n .

III .- Người Tàu là ai

1.- Người Tàu không là một chủng tộc riêng biệt

Chưa biết là ai, nhưng điều quan trọng cần phải thải bỏ là cái quan niệm thông thường cho người Tàu là một chủng tộc riêng biệt, rõ rệt khác với Tứ Di xung quanh. Đó là điều ngày nay không một nhóm nghiên cứu nào dám nhận nữa, mà chỉ coi Tàu là tập hợp bởi rất nhiều sắc dân với những tên dị biệt như Tam Miêu, Cử Lê, Di, Địch, Man, Nhung, Việt. . . rồi sau thêm Mông, Mạn, Tạng, Kim, Hồ . . . nhưng nói chung thì là cổ Việt hoặc nói theo các nhà nghiên cứu thì Cổ Tàu là Sinic. Trong quyển *Chine antique* (17) ông Henri Maspéro cho Tàu chỉ là những người Cổ Việt ở mạn Bắc và nay nằm trong danh xưng Hán, khi nhà Hán mới lên còn tổ Tổ của Việt là Sĩ Vụ, và cũng có lúc xưng mình là Hán Man, là Viêm Hán như kiểu Viêm Việt.

Tuy nhiên vào quảng nhà Hán thì Viêm Việt đã bị đồng hoá quá nhiều không còn ai nhận ra được nữa. Muốn nhận diện phần nào phải vượt lên quảng nhà Chu và

Thương. Khi Võ Vương nhà Chu giao chiến với vua Trụ thì Kinh Thư nói quân nhà Thương gồm toàn Di (Thụ - tên vua Trụ - . Hữu ức Di nhân . Thái Thệ . câu 16). Còn bên Chu cũng thế với quân mang các tên Dung, Thục, Khương, Mâu, Vi, Lữ, Bành , Bộc (Mục Thệ câu 3). Đó toàn là Việt mang những tên khác nhau vì thuộc chi khác.

Đừng tưởng đó toàn là quân lính, còn cấp chỉ huy là người Tàu, đó là ý nghĩ sau này, chứ càng về trước càng không thấy có kỳ thi. Khi ông Thái Bá (bố Văn Vương) đi xuống miền sau này sẽ là nước Ngô thì ông không ngần ngại cắt tóc xâm mình, đóng khố. Không hề có kỳ thi, mãi tới sau này mà các vua tuyển cung phi hoàng hậu cũng chỉ lấy sắc đẹp làm tiêu chuẩn, chứ không hề kể đến sắc dân.

Tân Văn Công lấy một phát 4 người vợ toàn người Nhung (tức là Di). Còn thế lực các bà thì khỏi nói, đưa người nhà vào các chức quan trọng.

Bố Tân Thuỷ Hoàng xưng là Tứ Sở vì mẹ nuôi là người nước Sở. **Nhiều nhà nghiên cứu đã đi đến kết luận rằng cho đến nhà Thương thì Tàu còn là Việt .** Nhà Thương mới vừa ra khỏi trình độ bộ lạc và mới lập thành nước Tàu về chính trị và văn minh như quân đội, chữ viết, thành thị, nhà nước. **Còn về văn hoá chưa có đóng góp gì đặc biệt . Tất cả lập lại của Việt tộc.**

2.- Nhà Chu: Khởi đầu văn hóa Hán Nho

Còn thực đóng góp về văn hoá thì phải kể từ nhà Chu, một nhà phát xuất từ miền Thiểm Tây mang ít nhiều máu Tục đã chinh phục miền Cổ Việt mà sử gọi là nhà Thương. Vậy nên việc chinh phục này rất quan trọng, nó cũng xảy ra một trật với vụ Ar-yen vào chinh phục Ấn Độ và cả hai đã biến cải văn hoá bản thổ cho ra khác trước (nước Cao Ly cũng được thành lập trong giai đoạn này). Cho nên ông Trương Quang Trục viết trong quyển The Archeology of Ancient China rằng nhà Chu chiến thắng nhà Thương kể như Tây Hạ thắng Đông Di vậy (p. 383 , 3 edition. New Heaven 1978).

Văn hoá Tàu chỉ hiện rõ nét từ nhà Chu: vì chất du mục được đưa vào Nho làm cho Việt Đạo đóc ra Hán Nho sau này.

3.- Khác nhau giữa nền văn hoá Hán Nho với Việt tộc

Hán Nho tuy mạnh nha ở nhà Thương nhưng phát triển mạnh từ nhà Chu; gồm mấy nét đặc trưng như thiên về quân đội, đề cao vua, đưa ra quan niệm thiên mệnh để thành thánh hoá giòng họ. . . Như vậy là đã đưa đặt quyền bính lên Trời rồi.

Với Việt tộc xưa thì quyền bính thuộc về người có đức, có tài cán, có uy tín. Nay nhà Chu đưa thiên mệnh ra thay thế tức bỏ uy tín cá nhân để đặt nền tảng sang uy quyền dòng tộc, thiên mệnh.

Đó là tìm nền tảng bên ngoài con người và do sự liên hệ nằm ngầm sẽ cai trị theo lối du mục là dùng pháp luật nhất là luật hình vì nó tiêu biểu lối du mục hơn hết.

IV .- Luật hình

Ở đây xin nói tới Chu Mục Công như được ghi lại trong cuốn “ Mục Thiên Tử Truyện ”. Các nhà khoa học ngày nay đều cho đó là một quyển tiêu thuyết không có giá trị lịch sử, nhưng với triết thì nó lại có giá trị văn hoá.

Yếu tố nổi nhất trong truyện là **vụ Mục Công đến châu Tây Vương Mâu.** Tây Vương Mâu tuy có tiếng là con trời nhưng mang trong mình đầy yếu tố du mục như có **răng hàm đuôi báo, coi về các bệnh dịch hạch,** vậy mà Mục Công xướng họa thơ với bà (bà

hay ông) thì hẳn rằng những bài thơ đó phải mang âm hưởng du mục chuyên chế. Ta đoán được thế vì Kinh Thư có ghi lại trong thiên “ **Lữ Hình** ” nói về hình luật do Mục Công thực hiện. Mở đầu thiên bằng những lời **lên án nặng nề Si Vưu** vì đã dùng ngũ hình một cách tàn bạo. Tưởng là nói vậy rồi bại bỏ hay ít ra rút nhẹ, ai dè Mục Vương đã đưa ra vô số tội phải chịu cực hình lên tới 3000 nỏ. Trong đó có:

500 trường hợp bị chặt chân

300 trường hợp bị hoạn

200 trường hợp bị giết

1000 trường hợp bị cắt mũi hoặc thích chữ vào mặt.

Chính vì sự tàn khốc như vậy nên ngày nay nhiều học giả đặt vấn đề tại sao một thiên sách đặc mùi du mục tàn bạo đến thế lại được Khổng Tử đưa vào Kinh Thư. Có người hồ nghi cho là không phải Khổng Tử đưa vào sách, mà do lúc Tần đốt sách rồi lúc Hán lập lại thì cho vào. Dù sao thì gốc tích thiên ấy là do nhà Chu không ai chối cãi (về rất nhiều điển nữa đã bàn nơi khác, xin miễn lập lại).

Như vậy phải lấy nhà Chu làm khởi điểm cho văn hoá Tàu, nhà Thương là thời chuyển tiếp như biến thôn làng hoà bình thành ra thị xã hiếu chiến. . ., còn trước nữa chỉ là Việt, tuy đã có những làn sóng du mục tràn vào được dán nhãn hiệu là Hoàng Đế, là Nghiêu, là Vũ, thì đây là những liều lượng du mục nhỏ, nên tất cả bị Việt tộc cải hoá, chưa đủ sức làm ra một dân tộc mới. Điều đó chỉ xảy đến đời Thương Chu, và chỉ có tự Chu mới thực sự có Tàu xét như một dân tộc đối với Việt.”

E.- Tại sao Việt lại bị chinh phục?

I.- Mạn Bắc nổi về quân sự

Thưa có nhiều lý do, trước hết là do du mục xâm chiếm, nắm được quyền hành nên đoạt thâu dễ dàng, đó là sự thường đến nỗi luật chung làm như hai nhịp thay đổi làm nên lịch sử nhân loại, một bình, một loạn. Thời bình học thuật phát triển, thời loạn chiến tranh phát triển (Civ. 117). Ông Will Durant đã viết: “ **nổi về quân sự là mạn Bắc**: Aryen đổ xuống Dravidiens, người Archeans và Dorians xuống chinh phục Cretans và Egeans; người Germans đổ xuống Romans; người Lombards xuống Italians; người Anh đổ xuống thế giới.

Mãi mãi thế, phương Bắc sản xuất người thiện chiến và cai trị, phương Nam sản xuất nghệ sĩ và thánh nhân và kẻ hiền lành ăn tự trời ” (Civ.I 379). Luật chung đó cũng xảy ra ở đất Tàu, người Tàu là Bắc, người Việt là Nam.

II.- Chữ Nho trở thành yếu tố Thống nhất kinh khủng

Đã vậy người Tàu có được một công cụ hết sức hiệu nghiệm, đó là chữ Nho, một chữ tượng ý không những đẹp nhất và thành công nhất hoàn cầu, vì mỗi chữ đọc khác nhau tùy mỗi nơi, nhưng trông vào lại hiểu nhau liền. Vì vậy chữ Nho trở thành yếu tố thống nhất kinh khủng, không một nền văn hoá nào bì kịp. Các nhà nghiên cứu về Tàu đều phải công nhận rằng nước Tàu mà còn đến ngày nay và to lớn thống nhất như vậy là nhờ có chữ Nho. Đây là nói về mặt ngoài “ tượng ý ”. Còn ý đó là chi thì lại là nền nhân bản của Hoàng Việt đã được thành lập cách huy hoàng và trung thực đến độ đáng xưng là nhân chủ.

III.- Chữ tượng ý của Nho hội nhập được nền Nhân chủ của Hoàng Việt

Vậy mà chữ Nho đã hội nhập được nền nhân chủ nọ nên mang trong mình một uy tín bất dịch giúp cho Tàu vừa được thống nhất, vừa được tiếng là chủ nhân ông của chữ Nho. Đang khi đó Việt tộc bị tước đoạt, mất chữ Nho, không còn cách nào ghi chép thành ra một mình Tàu ghi chép sự kiện xa xưa thì tất nhiên bao sự kiện đều trở nên của Tàu hết trội. Đó là kẻ sơ qua vài ba sự kiện bó buộc chúng ta phải làm lại cổ sử của Tàu, vì nó là việc cần thiết trong việc tìm hiểu về nguồn gốc và sự chính truyền của nền văn hoá Việt tộc. Bài này cũng là để trả lời một vài ông tiến sĩ non nớt mới du học về nước dịp tới cho ra quyển Việt Lý Tố Nguyên đảo ngược các điều tin tưởng trước, mấy vị đó phàn nàn tại sao tôi lại làm hư thiếu niên, nói những điều trái với sách vở xưa nay như vậy.”

G.- Vụ hiếp dân lịch sử lớn nhất chưa được tuyên án.

(Hùng Việt sử ca: 10.- Vụ hiếp dân. . . Kim Định)

I.- Văn hóa và Văn minh

“ Bàn về văn minh Hy Lạp, ông W. Durant có mở đầu một câu:

“ **Khó có thể thiết lập một nền văn minh mà không cướp phá, cũng như khó có thể duy trì văn minh mà không phải dùng đến nô lệ** ” (Civ.II . 10). Đó là câu đáng ghi nhớ, vì nó thực cho hết mọi nền văn minh. Chữ văn minh ở đây xin hiểu theo nghĩa chuyên biệt ngược lại văn hoá.

Văn hoá đi với nông nghiệp vốn tính hiền dịu và tổ hợp theo lối thôn làng được cai trị bằng tục lệ. Văn minh trái lại đi với thành thị, quân đội, nhà nước, pháp luật.

Phân biệt này tỏ ra rất thuận tiện trong việc tìm về nguồn gốc, nhất là trong khảo cổ, nên được dùng nhiều trong bộ triết lý An Vi.

II.- Mẻ cướp lớn: Hoàng Đế hiếp Nữ Oa Thái Mẫu

Hôm nay xin nói về một vụ cướp đoạt lớn nhất mà văn minh Tàu đã phạm đối với văn hoá Việt: đó là vụ Nữ Oa Thái Mẫu bị Hoàng Đế hiếp.

1.- Những cột cái của Văn hoá Việt

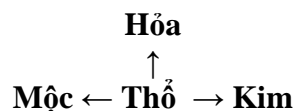
Sự vụ rất phiền toái cần được một lần phanh phui để thấy rõ cổ sử Tàu ra sao, Việt bị ăn hiếp như thế nào ?

Ta biết 3 cột cái của Việt là số 2, 3, 5, Nho công thức thành Âm Dương, Tam tài, Ngũ hành.

Đó là những ý niệm bao la trừu tượng đã được cụ thể hoá bằng đặt ra cho những tên huyền sử:

Tam tài trở nên Tam Hoàng là Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông đại diện cho Trời, Đất, Người. Người chỉ bằng Nữ Oa trong tay cầm cái quy (⊕) cũng gọi là thập tự nhai thành bởi hai nét ngang dọc, nét ngang chỉ đất, nét dọc chỉ trời, nghĩa là thiên địa chi đức.

Còn **Ngũ Hành** được cụ thể hoá bằng Ngũ Đế là Thái Hạo, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Trong bảng Ngũ Hành, **hành Thổ** quý nhất do địa vị trung ương được xếp như sau :



↓
Thủy

Đó là lối xếp cơ cấu với ý nghĩa siêu hình dành cho Thổ, địa vị siêu lên khỏi bốn hành chung quanh để chỉ **con Người Đại Ngã làm chủ vũ trụ**. Đó là lý tưởng còn trong thực trạng ngũ hành cũng như âm dương đã bị lạm dụng theo nghĩa ma thuật dị đoan.

2.- Móc nối với Tam Hoàng, Ngũ Đế

Ngũ hành cũng được dùng vào lịch sử để làm dáng cho triều đại, bắt họ với những Tổ huy hoàng, theo đó quý nhất là Tam Hoàng, thứ nhì là hành Thổ, thứ ba mới đến 4 hành chung quanh.

Con Người ai chẳng sinh làm đẹp cho dòng tộc, người Tàu cũng theo luật đó, nhưng đã nổi bật trong vụ này vì có thuyết Tam Hoàng, Ngũ Đế trợ lực: gia phả quý nhất là móc nối được với Tam Hoàng, nếu không được thế cũng phải cố níu lấy một Đế nào đó mới chắc có Thiên mệnh trước mặt dân chúng vì các Đế kế tiếp theo thứ tự thiên tiên Ngũ hành, nên móc nối dòng tộc vào được Ngũ đế là chứng minh được Thiên mệnh cho dòng tộc. Triều đại nào lên ngôi đứng vào hành Thổ thì sang vô cùng. Vậy ta hãy xem các triều đại xếp đặt theo thứ tự các hành, các hành theo thứ tự các mùa như sau :

Mộc chỉ mùa	Xuân	màu xanh
Hỏa chỉ mùa	Hạ	màu đỏ
Thổ chỉ mùa	Tứ Quý	màu vàng
Kim chỉ mùa	Thu	màu trắng
Thủy chỉ mùa	Đông	màu đen.

Đó là thứ tự vòng sinh: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ. **Ngũ Đế** đầu tiên xếp theo vòng sinh này mở đầu bằng Thiếu Hạo gọi là Kim Thiên. Ngược lại thứ tự khắc: Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ. **Cuối đời Chu đã bắt đầu đặt gia phả triều đại, nhà nào cũng cố móc nối với một ông lớn như Nghiêu, Thuấn, Chuyên Húc, Hoàng Đế. Tư Mã Thiên có lẽ vì nể đạo Lão đã dùng vòng kháng, vòng khắc đặt Hoàng Đế lên đầu ở hành Thổ, ông Granet gọi đó là tội gian lận bắt được quả tang đối Huyền thoại ra Sử ký.**

Theo bảng này nhà Chu ở vào hành Hỏa, dùng màu đỏ (màu Chu), nhà Hán kế tiếp Chu phải là hành Thủy (Thủy khắc Hỏa) nhưng hành Thủy tầm thường không xứng với **nhà Hán đã mở mang bờ cõi rộng chưa từng có trong lịch sử Tàu, vậy phải xoay trở thế nào cho được hành Thổ. Thế là nhà Hán diệt Tần nhận hành Thổ**, đúng điềm triệu xuất hiện khi lên ngôi trong đó có sáu đất (Thổ) vô kể !

Tuy sự tráo trở đó gọi được là xuôi, vì thứ tự Ngũ Đế chưa được phổ biến lắm, nhưng cũng không qua mắt được một số Nho gia trong đó có Lưu Hâm và con là Lưu Hưởng đã lập lại bảng sinh với hai điều đổi mới: Một là đẩy xa hơn: **các người trước như Trâu Diễn, Tư Mã Thiên chỉ đi đến Hoàng Đế là tận cùng. Trái lại cha con Lưu Hâm gồm cả Thần Nông và Phục Hy vào nữa.**

Hai là thêm vào một ít triều đại tùy bằng “ hành Thủy đậm ” để xếp chỗ ngon cho thần tượng của ông như sau :

Hành	Nhà cai trị
Mộc	Phục Hy
(Thủy đậm)	Cung Công

Hỏa	Thần Nông
Thổ	Hoàng Đế
Kim	Thiếu Hạo (Kim Tân)
Thủy	Chuyên Húc
Mộc	Đế Cốc
(Thủy độn)	Đế Chí
Hỏa	Đế Nghiêu
Thổ	Đế Thuần
Kim	Hạ Vũ
Thủy	Thương
Mộc	Chu
(Thủy độn)	Tần
Hỏa	Hán
Thổ	Vương Mãng

Theo bảng trên Hán bị mất ghế Thổ phải ra ngôi ghế Hỏa, làm sao được Hán triều hoan nghênh, Lưu Hâm suýt bị thiệt mạng là thế. Nhưng khi Vương Mãng lên nắm chính quyền liền tuyên dương bảng trên vì mình được vào trung cung hành Thổ (Hỏa Hán sinh Thổ vương Mãng), thế là sang hơn nhà Hán: không thêm móc nối với Đế Nghiêu như nhà Hán nữa, mà với Hoàng Đế tức lên một bậc: từ Đế nhảy lên Hoàng! Hoàng Đế trị theo Thổ đức, Vương Mãng trị theo Thổ đức màu vàng chói.

Nay ta phân tích thì thấy rõ sự giả tạo, nhưng xưa ít ai nhận ra, nhất là khi Vương Mãng đổ thì lưu truyền đã ăn sâu lại được biên cả vào Tiên Hán Thư, thế là bảng trên được công nhận chính thức, được tin tưởng cho đến đầu thế kỷ 20 không một ai đặt vấn đề. Trong bảng trên ta thấy Hoàng Đế được tôn vinh cùng cực: vừa lên bậc Hoàng, còn Đế thì ở địa vị Thổ.

Không thể tôn vinh Hoàng Đế hơn được nữa. Hoàng Đế được tôn vinh tức dân Tàu được lên theo, được tôn vinh đến cùng tột, nên Lưu Hưởng có đổi bảng khắc ra bảng sinh, có đưa thêm vào nhiều cải cách, cũng vẫn theo Tư Mã Thiên dành chỗ tốt nhất cho Hoàng Đế.

3.- Vết tích ăn cướp không thể cạo sửa.

Điều đó không lạ: dân nào cũng có thể làm thế, nhưng ở đây sự tôn vinh kéo theo một sự ăn hiếp là đẩy Nữ Oa ra để có chỗ trống cho Hiên Viên được tham dự vào đợt Hoàng, nhưng đây là vụ ăn cướp không kịp cạo số. Vì theo huyền thoại Tàu không bao giờ có tên Hoàng, mà chỉ có Việt mới gọi là Hoàng Việt. Việt bắt đầu bằng Hoàng kỷ, Tàu khởi ở Đế kỷ. Vậy chữ Hoàng thêm vào cho Hiên Viên là giả tạo, đồ nghề giả tạo là thuyết Tam tài, Ngũ hành. Đó là điểm một.

4.- Đánh mất tính đối xứng của Âm Dương

Điểm hai là sự giả tạo trên làm mất tính chất cân đối Âm Dương ở bộ ba đầu là lưỡng Long châu nguyệt : Nguyệt là Nữ Oa làm nguyên lý Mẹ ngự giữa hai long là Phục Hy và Thần Nông theo luật Kinh Dịch “ Quả vi chủ : ít làm chủ ” được biểu thị bằng quẻ Li của Việt tộc. Phục Hy và Thần Nông là hai hào dương phải nhường ngôi chủ tịch cho Nữ Oa ở giữa. Cả ba đều là Việt. Theo phương pháp phân tích máu văn hoá thì Phục Hy Nữ Oa đều là họ Tiên Rồng. Phục Hy có họ Phong (gió : liên tưởng tới chim) cũng có tên là

Thanh Tinh tức là rồng xanh, cũng họ Rồng như Lạc Long Quân. Còn Nữ Oa sinh tại Đờ Sơn tên cũ của Cối Kê, kinh đô Việt Chiết Giang, lúc qua đời thành chim Tinh Vệ (cùng họ Tiên (chim) như Âu Cơ). Huyền thoại nói: chim Tinh Vệ tha đá “ lấp bể Đông ” vì đã chết đuối ở bể. Đó là nói liêu, vì Nữ Oa có nghĩa là loài ở dưới nước (nhái, ốc, cá), ta gặp hình bà đầu người mình rắn, hoặc cá . . . làm sao chết đuối được; bà tha đá bỏ xuống biển là dấu nhớ thương Phục Hy, nhớ thương Thanh Tinh. Chữ Tinh Vệ nói lên sự muốn duy trì bảo vệ mối liên hệ với Thanh Tinh, tức là Rồng xanh, vì đó là liên hệ nền tảng. Huyền sử nói bà là em hoặc vợ của Phục Hy, cả hai chữ chỉ tỏ mối tình thâm thiết, đồng thời nói lên mẫu đề huyền thoại một số dân Đông Nam Á anh em lấy nhau.

5.- Tính chất duy Dương của Văn minh Tàu

Thêm một lễ Nữ Oa thuộc văn hoá Đông Nam của Việt tộc. Mối liên hệ thâm thiết ấy bị Hoàng Đế phá vỡ, đẩy Nữ Oa ra ngoài, tức văn minh bỏ nguyên lý Mẹ, để trở nên duy dương du mục. Đó là tính chất nổi trong văn minh Tàu. Tàu thờ Hậu Tắc (lord millet) làm điền tổ. Tắc là lúa ruộng khô (panned millet) đối với mẽ (oriza sativa) ruộng nước mà điền tổ là Thần Nông. Thần Nông bị đẩy do Hậu Tắc (thành ra xã tắc) thì vào ẩn ở nông thôn. Nông thôn là tổ của văn hoá, duy trì nguyên lý Mẹ. Còn văn minh tinh thành chú ý nguyên lý Cha. Văn minh du mục thắng thì nguyên lý Mẹ bơ vơ mất chỗ đứng, chỉ còn cách bù trừ bằng lương tri : nói bóng là gửi những viên đá xuống biển đối với việc đội đá vá trời. Đá chỉ nơi ở của chim Tiên ở trên núi (đá) tức ở giữa Trời cùng Đất để làm mối liên hệ với cả hai: cả Trời (đội đá vá trời) cả Đất chỉ bằng nước bằng hình trên Trống Đông, chim Âu (Cơ) lao xuống trên miệng Rồng đặt cái hôn sâu thẳm, cái hôn giao cấu để sinh ra 100 con đang nhờ như múa hát trên thuyền.

Vậy thì Tinh Vệ không có y lấp bể Đông mà là cố nối lại phần nào mối liên hệ đầm thắm cũ, nó phảng phất 4 câu thơ do tìm thức cộng thông kinh húng qua ngọn bút tài tình của thi bá Nguyễn Du:

**“ Ngọn triều non bạc trùng trùng
Với trông con nước bóng hồng lúc gieo,
Tinh thương bể thẳm lạ điều
Mà hồn Tinh Vệ biết theo chốn nào ”**

Đó ! Hồn tinh Vệ không tha đá lấp bể, mà gửi cánh hồng về thăm chồng để phần nào có duy trì “ tình thương bể thẳm ” là nguyên lý Mẹ. Nhờ sự cố gắng tha đá bỏ bể đó mà văn hoá Việt Nho chưa đến nỗi độc ra đực rựa, tức còn giữ được phần nào nguyên lý Mẹ như sự mềm dịu, nhu nhả đi với tình người.

Còn văn minh do Hoàng Đế lãnh đạo vì đẩy Nữ Oa ra thì Tam Hoàng trở nên đực rựa: ba cái đực rựa thì quá duy dương, nên văn minh trở nên du mục, võ biên, chuyên chế.

6.- Càng sửa càng sai

Người lập ra bảng này cũng cảm thấy có sự bất ổn nên thêm tên Cộng Công tuy dòng dõi Thần Nông nhưng đã làm nứt Trời, khổ công Nữ Oa phải vá đi vá lại, nên phải kể là Việt gian không thể thay thế Nữ Oa được. Vả Cộng Công là đực rựa thêm vào thì ra 4 góc: mất cả chữ Ba cao trọng của Tam Hoàng. Vì thế bảng trên không được công nhận khắp hết.

Ta thấy trong các sách Tàu kể thứ tự Tam Hoàng Ngũ Đế không hợp nhau.

Ngũ Đế có Huỳnh Đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Tam Hoàng thì có Toại Nhân, Phục Hy, Nữ Oa. Mỗi sách có bảng riêng (1) . Đây là bài tổng quát không

tiện đi vào chi tiết, chỉ cần biết có sự khác biệt trong các sách để không ngạc nhiên khi nghiên cứu.

7.-Vụ ăn hiếp gây tai họa ngàn đời

Sự dị biệt chỉ nói lên chứng tích của vụ ăn hiếp. Cần ghi nhận nữa là vụ ăn hiếp này có tầm ảnh hưởng vô biên vì nó không là trò chơi gia phả vô tội vạ mà là **đại diện cho trào lưu chung của nhân loại là văn minh du mục đàn áp văn hoá nông nghiệp, và từ đấy đã chôn táng nguyên lý Mẹ mà chúng ta cần phải phục hoạt (xin xem bài còn Mẹ trong Kinh Hùng).** Đó là việc dài hơi.

8.- Huyền thoại và Lịch sử của Tàu

Ở đây ta hãy nhận định tóm lược rằng sử Tàu chỉ đáng tin cậy là tự năm 721, trên nữa thì nhận tạm được đến nhà Thương, ngoại giả đều là huyền thoại, đừng tin là lịch sử, cần phải phân biệt thực hư, vì điều này rất quan trọng đến việc tìm về nguồn gốc văn hoá Việt tộc.

(1) Ông Eberhard có lên số được cả trăm bảng khác nhau như bảng của nhóm Âm Dương, của Hồng Phạm của Trâu Diễn, của Nguyệt Lệnh, của Tố Văn (Hoàng Đế nội Kinh) của Lễ Ký . . . Need. II. 264 .

Việt Nho chỉ có ý bênh vực con người chống lại du mục đã hiện thân vào du mục, và du mục bên Viễn Đông đã bắt tay phần nào với Tàu đã vô tình tư sản hoá những mẫu mực của Việt. Năm 1919 Tàu làm cuộc cách mạng văn hoá tung bùng ở tại dùng tiếng Bách Thoại thường dân làm ngôn ngữ văn học, nhân đó nhiều nhóm nhiều đại học đã đi tìm lại những chuyện cổ tích, những huyền thoại của thôn dân, của các sắc tộc thiểu số, thu thập và in ra nhiều ngàn truyện xưa, nhưng sau **Tướng Giới Thạch đã chặn đứng trào lưu đó,** một trong các lý do có lẽ ‘chính cốt là sự tìm kiếm đó làm lu mờ hoặc phá huỷ hẳn những trang đầu oai nghi của “ Ngũ thiên niên sử Tàu ”, vì các Hoàng Đế cao cả bị ánh sáng khoa học soi vào thì chỉ còn là những anh hùng thần thoại nghĩa là giả tạo (Hoàng Đế, thí dụ) hoặc là những vật tổ của các bộ lạc Man Di (xem chi tiết trong quyển Folktales of China by Wolfram Eberhard . The University of Chicago 1965 p. XXXIV).

9.- Cần nói chí vua Quang Trung để phục Việt

Vua Quang Trung xưa có giấc mơ đòi lại hai tỉnh Lương Việt đã bị gọi bằng tên không liên hệ đến chủ quyền cũ, nay đổi ra Quảng Đông, Quảng Tây. Ta cần nói chí Quang Trung trong lãnh vực tinh thần là **thâu hồi lại chủ quyền các truyện huyền sử đã bị coi là của Tàu: như truyện Bàn Cổ, Tam Hoàng . . .**

Hiện bầu khí rất thuận lợi vì được sự trợ lực của các khoa học Tân nhân văn: khảo cổ, dân tộc học, nhân tộc học, xã hội học, cổ sử, cổ nghệ, cơ cấu luận.

Do đó từ năm 1970 năm xuất bản quyển “ Việt lý tổ nguyên ” tới nay tôi đã viết rất nhiều, quan trọng nhất là “ Sứ Điệp Trống Đông ”. Nhưng xem lại thấy lực bất tòng tâm: cánh đồng mênh mông, mà phương tiện và sức không đủ, nên chỉ xin coi các sách trên đây là mấy tiếng kèn ra trận gửi đến các nhà chuyên môn mai hậu để hợp lực viết lại những trang sử thời sơ khai của nước nhà, những trang sử đầy ứ chất văn hoá cao cả mà bấy nay chưa được khai quật đúng cung cách. Hiện thế giới đang có những cố gắng khai quật như vậy, nhưng sự việc không được sai trái

như đối với Việt Nho, bởi văn hoá Việt đã có lâu đời được thành lập vững bền trước khi Hoàng Đế xâm nhập, nên đã để lại ấn tích sâu đậm trong dân gian, nhờ đó mà nghiên cứu được nhiều tiêu điểm đánh dấu bước đường truy căn.

10.- Cần Phân biệt Tả và Hữu nhậm

Sau đây xin đưa ra tục Tả nhậm làm thí dụ : **Tả nhậm** nghĩa siêu hình là hướng theo Trời, là chỉ “ tình thương bề thăm ” Kinh Thư nói : “ **Tứ Di tả nhậm** ” : Bốn Di theo tục tả nhậm . Bốn Di cũng là **tứ hải**, theo sách Nhĩ Nhã là 4 dân quanh nước Tàu tức là Việt tộc. Tiên nhân cát nhà có lễ “ **Thượng đôn đông** ”, lấy hướng Đông làm trọng (tức là Tả nhậm) .

Con gái ở phòng Đông, con trai ở phòng Tây, đó là theo lúc Nữ Oa còn làm nội tướng. Các điển chương như Lạc Thư, Trống Đồng đều tả nhậm (tiến theo vòng tay tả) .

Kinh điển Nho chứa đầy lộn xộn, khi đề cao tả, lúc đề cao hữu (như đã bàn trong Việt lý tổ nguyên), nhưng sự lộn xộn đó là những ấn tích quý hoá cho việc truy tầm nguồn gốc.

Đại để ban đầu Hoa tộc đề cao bên hữu, khinh dễ bên tả, gọi là trái (tay trái) là hèn (tả đạo là tà đạo), nhưng sau bị Việt cảm hoá dần dần: coi trọng bên tả, khi tiếp khách thì để khách bên Đông tức bên tả là có ý trọng kính.

Đi đường đàn bà bên tả, đàn ông bên hữu (nam tử do hữu, nữ tử do tả Lê Ký II . 515) . Sau còn coi trọng bên tả bên Đông đến độ dành phòng Đông cho Thái tử kế vị gọi là Đông cung Thái tử. Nay ta nói: “ **Nam tả nữ hữu** ” là vô tình đi theo Hán Nho.

Chứ theo Lạc Thư thì về ngay bên hữu . “ **Nam tử do hữu** ”, chàng ràng bên tả chi đây, chực theo đóm Hoàng Đế ăn tàn du mục hay sao?

Tóm lại vì văn hoá Việt xuất hiện lâu đời trước, đã để lại những rễ lớn như Lạc Thư, Trống Đồng, tục tả nhậm, gái ở phòng bên tả . . . , nên nguyên Lý Mệ vẫn còn hoạt động phần nào. Huyền sử chỉ bằng tích:

Nữ Oa đội đá vá trời, tha đá lập bể.

Âu Cơ nghi mẫu lâu lâu gặp Lạc Long Quân trên cánh đồng Tương.

Ngưu Lang Chức Nữ mỗi năm có hội . . .

Do vậy “ **phục Việt** ” trở thành một ngành nghiên cứu đầy hứng thú có bằng chứng thi vị mà vững chắc. Hơn nữa đó cũng là làm việc đóng góp tích cực vào nền văn hoá loài người đang cố gắng làm sống lại nguyên lý Mệ để tầm nhuận cho nền văn minh hiện đại đượm thêm tình người .” (Hết trích)

H.- Vụ hiệp dân lịch sử : Hai lão, ba cô với một trò

(Hùng Việt sử ca: 11.- Hai lão. . . Kim Định)

“ **Một trò** là Hiên Viên Hoàng Đế

Hai lão là Lão Bành hay Bành Tổ và Dung Thành

Ba cô là Tổ Nữ, Thái Nữ , Huyền Nữ.

Còn giáo trình là **quẻ Ký Tế** để dạy cách làm tình sao cho được trọn hảo. Hậu quả của bài học dục nọ sẽ ra sao ? Đó là ba tiết mục được bàn sau đây:

Trước hết bàn về người học và thành phần giáo sư :

I.- Người học là Hiên Viên (1)

Một khi Hiên Viên chiếm được chỗ trung cung của Nữ Oa xong liền tự phong cho mình chức Hoàng Đế, rồi một trong những việc đầu tiên là lo hội nhập nền văn hoá của Nữ oa. Muốn học thì phải đi rước Thầy: Thầy đó là “ hai lão ba cô ”. Đây là một trang huyền sử hay nói một cách khác là một huyền thoại được đặt ra quảng cuối nhà Chu nhằm đề cao Hoàng Đế, nhưng dưới tiềm thức thì trái ngược, đó là nói lên việc Hoàng Đế nhận văn hoá của Viêm Việt.

Điều này được ghi lại bằng nhiều truyện đã nhắc đến trong quyển “ Việt lý tổ nguyên ”, nhất là câu:

“ **Tích nhật Hoàng Đế dắc Si Vưu nhi minh ư Thiên Đạo** ” : “ ngày xưa Hoàng Đế được Si Vưu thì sáng ra (hay biết được) về Đạo Trời ”. Nói Đạo Trời là cái gì lạ với Hoàng Đế mới chỉ biết có Đạo Đất. Nói khác đi Hiên Viên thuộc **văn hoá du mục ngầm chỉ trong tên Hiên Viên** (Hiên : 軒 : xe của quan Đại Phu ; Viên : 轅 : Tay xe) là một thứ xe, nên cả hai tên đều viết với bộ xa, xe đi với Công thương bên Du mục, cũng như “ Sĩ nông “ bên Viêm Việt. Hiên Viên còn biểu lộ tính chất Du mục trong số 4 khi chiến Si Vưu : **Hiên Viên dẫn đạo quân có 4 con ác thú : hổ, báo, hung, bi** (Leg. III . 108). Thời sau người Tàu đặt lễ **giỗ Hiên Viên là ngày mùng 4 tháng 4**, hẳn có liên hệ tiềm thức với vụ con số 4 này, con số ruột của Hiên Viên . Đó là những căn cứ để gọi Hiên viên là Du mục. Đến nay thêm một bằng chứng chói chang khác trong **vụ Hiên Viên rước thầy về học Kinh Dịch**, tất cả đều nói lên rõ sự vụ là văn minh du mục của Hiên Viên được văn hoá nông nghiệp của Viêm Việt tẩm nhuận ra sao. Điều đó được **hàm tàng ngay trong thành ngữ “ vài ba ”** : vài là hai lão, ba là ba cô.

II.-Hai Thầy (2): Lão Bàn hay Bàn Tổ với Dung Thành

Cả hai tên đều ngầm chỉ Viêm Việt. **Chữ Bàn** cùng họ với Bàn (Hồng bàn), Bàn (Lộ Bàn), Bà , Ba (hồ Bà Dương cũng đọc là Ba Dương).

Còn Dung là Trung Dung diễn bằng số 2 – 3 giữa hai thái cực chỉ bằng số 1 và 4 . 4 và 1 không thể gặp nhau, vì có 2 , 3 ở giữa. Còn 2 với 3 thì liền ngõ và ở giữa, nên chỉ đạo Trung Dung, tức đứng giữa hai thái quá là 1 và 4. Trong hai lão có một vị tên Dung Thành, ta đoán được đó là tên tiêu biểu để chỉ người hiện thực được đạo Trung Dung, là đạo lý ruột hay lý tưởng của Việt Nho. Dung Thành đôi khi cũng mang tên là Thái Bá, thì đó chẳng qua cũng là Bá, Ba , Bà, Bàn, Ban như đã nói trên. Trong quyển sách thuộc “ Hoàng Đế nội kinh ” hoặc “ Hoàng Đế tổ vấn ” hay nhắc đến Thái Bá, coi như phát ngôn nhân của Tổ Nữ. Đây nói hai lão hay vài lão, vì số lão có vẻ uyển chuyển không hẳn hai mà vài, vì có lúc thêm Thái Bá: có phải người thứ ba hay chỉ là một tên khác của Bàn Lão hay Dung Thành ? Không rõ lắm, nhưng địa vị các ông kém các bà thì rõ, vì các ông chỉ là phụ giáo, còn giáo chính ngạch là 3 cô.

III.- Ba cô (3): Tổ Nữ, Thái Nữ, Huyền Nữ

Vì thế, các khoá trình lưu lại phần lớn mang tên 3 cô như: **Tổ Nữ Kinh, Huyền Nữ Kinh Diệu Pháp, Tổ Nữ Diệu Luận**. Ba cô đây chẳng chỉ khác hơn là **nguyên lý Mẹ** chỉ bằng những tên huyền sử là:

**Tổ Nữ
Thái Nữ
Huyền Nữ.**

H. Maspéro dịch **Tổ Nữ** là “ fille de simplese ”. Ông Van Gukik (105) đề nghị “ fille de candeur ”, **Thái Nữ** dịch là fille choisie ”, **Huyền Nữ** “ fille aux Cheveux de Jais ” (tóc đen nháy) , (Gulik 107) .

Con số hai lão (2) ba cô (3) biểu thị Văn hoá Viêm Việt. Viêm số 2 chỉ lửa đỏ hay quẻ Li (Li là mặt trời) nên cũng gọi chung là Xích đạo chỉ phương Nam. Còn Việt là số 3 (tự 2 vượt lên 3, màu xanh, hành Mộc, số 3 chỉ phương Đông. Cả hai dồn lại thành Đông Nam, nói bằng số là 3 – 2 hay 2 – 3. Dân Viêm Việt thường có tục “ Điều đê ” vẽ trán. Một lưu truyền rằng nhiều chi vẽ trán xanh đỏ, gọi là “ xích văn lục tự ”, nghĩa là văn thì đỏ, chữ thì xanh, nếu thế chắc họ đã vẽ theo bộ **chữ kỳ** (示 : 2 nét ngang trên, 3 nét dọc dưới) . Điều đó làm liên tưởng tới hai lão và ba cô ở trên. Tóm lại đây là lần đầu tiên được ghi lại về việc du mục Tây Bắc tiếp thu văn hoá nông nghiệp Đông Nam. Vì là lần đầu tiên nói quá ư “ huyền sử ”, nghĩa là hàm tàng một cách âm u.

Ta có thể kể một vài lần nữa về sau như **vụ ông Vũ đức 9 đỉnh** tức đức hai văn hoá lại một : **Văn minh du mục số 4 với Văn hoá Đông Nam (2 + 3 = 5) số 5 thành ra con số 9, nên gọi là 9 đỉnh.**

Ông làm được vậy là nhờ có bà thầy, gọi bóng là “ lấy được vợ Việt ”. Thực ra sách nói là lấy vợ ở Đồ Sơn: “ thú vu Đồ Sơn ” (Kinh Thư. Ích Tắc, câu 8 Leg . III . 85) . Nhưng Đồ Sơn trước nữa gọi là Côi Kê hoặc nữa đều ở vùng Châu Từ miền Hoài Giang, cũng là quê bà Nữ Oa, vì vậy nói lấy vợ Việt cho giản tiện . Lần thứ ba nhắc đến **việc Du mục tiếp thu văn hoá nông nghiệp là khi Văn Vương nhà Chu rước thầy Dục Hùng là người đứng đầu đất Kinh tức Kinh Man, địa bàn của Bộc Việt, Lạc Việt.**

Đại để đó là những trang huyền sử nói lên vụ văn hoá Đông Nam của Viêm Việt biến cải văn minh Tây Bắc của Hiên Viên ra sao.

IV.- Bài dạy: Chữ Dục = Làm Tình

Bây giờ bàn đến bài vở xem “ **Hai lão ba cô** ” dạy gì? Thừa dạy chỉ có một bài là **dục** , nói cho văn vẻ một chút là làm tình. Nói xiết chặt hơn nữa là “ quẻ Ký Tế ” trong Kinh Dịch. Đó là quẻ thứ 63 áp chót kếp bởi quẻ Khảm và quẻ Li. Ký Tế thường dịch là “ đã xong ”, làm trọn, còn ở đây có nghĩa là dạy sao để việc giao cấu được trọn hảo. Học giả Van Gulik dịch là l’union parfaite (Gulik 63) và nhận xét thêm: **các sách vở về dục tình đều tựa trên quẻ này, hơn nữa nói được quẻ này là nền tảng tư tưởng của Tàu, tức của Việt Nho. Vì đây là nền tảng minh triết của Việt Nho, nên ta hãy đưa ra ít hình ảnh quen dùng để ghi đậm nét .**

Trước hết là hình I (mượn từ Van Gulik 66) về quẻ Ký Tế.

Hình quẻ Ký Tế.

☵ ☲ Bảng có đề 4 câu chữ Nho rằng:

**Khảm tượng lai điền Li quái thành ách
Thiên Địa định vị : Phản bổ hoàn nguyên.**

Hai câu cuối tương đối dễ hiểu mà ý lại cao xa, tức là nói chuyện giao cấu mà cuối cùng dẫn tới “ Thiên Địa vị yên ” thì vạn vật được trở về nguồn cội. Còn hai câu trên rắc rối ở chữ điền và ách. Điền là làm cho đầy, hoặc động cựa êm êm. Còn ách (1) là cái ách quàng cổ con vật kéo xe, kéo cày. Tiếng Latinh là jugum. Hôn phối là conjugum. Chữ

“ con “ chỉ cùng. Conjugum là cùng kéo ách. Quẻ Khảm chỉ con trai thứ nên đại diện cho Nam, còn quẻ Li chỉ thứ Nữ nên đại diện cho Nữ. Nhưng đôi khi ta thấy lộn ngược, Khảm Nữ, Li Nam là tại xét cái đức, cái power. Khảm là nước, còn Li là lửa. Nên nghĩa giao thoa như vậy là truyện thường trong Kinh Dịch.

(1) .- *Bản khắc không được rõ. Có thể là chữ loát hay ách. Tôi chọn chữ ách xem ra hợp hơn .*

Bài học còn được minh họa bằng đồ biểu : Long hổ giao cầu đồ, cũng mượn từ Gulik 118.

Hình Long hổ giao cầu đồ.



Bạch diện lang quân kị bạch hồ
 Thanh y nữ tử khóa thanh long
 Duyên hồng đỉnh biên tương kiến hậu
 Nhất thời khai tỏa tại kỳ trung .

Nghĩa :

Chàng mặt trắng cỡi bạch hồ
 Nàng áo xanh cỡi rồng xanh
 Chì sa bên đỉnh sẽ thấy quả
 Một thời khai mở ở bên trong.

Chì : con trai, đan sa (mercury): con gái . Chữ mặt trắng thêm vào để chỉ màu trắng phương Tây cũng như bạch hồ tượng trưng Tây Bắc. Hành mộc màu xanh là nguyên lý Mẹ, phương Đông. Hoặc một hình ảnh khác là Nữ Oa Phục Hy quấn đuôi nhau .

Hình Nữ Oa Phục Hy

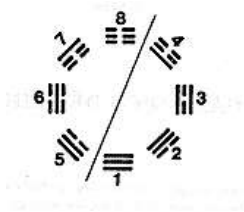


Nữ Oa cầm thập tự nhai cũng gọi là quy. Phục Hy cầm thước vuông gọi là củ.

Còn nếu nói thanh cao nữa cho hợp câu” Thiên Địa vị yên ” thì hình Bát Quái do vua Phục Hy vạch ra gọi là Tiên thiên Bát quái.

Hình Tiên thiên Bát quái .

1. Kiền 2. Đoài 3. Li 4. Chấn 5. Tốn 6. Khảm 7. Cấn 8. Khôn
 Xem hình trên ta thấy mỗi quẻ đối nhau chan chát: 1-8; 2-7; 3-6; 4-5.



Đó là bản tóm Kinh Dịch, vì 64 quẻ đều thành bởi hai quẻ đơn chồng lên nhau: một nằm trên “ **khom khom cật** ”, một nằm dưới “ **ngừa ngựa lòng** ”.

V.- Ý nghĩa của bài học: Âm Dương hòa

Bây giờ bàn đến hậu quả của bài học “ kỳ cục ” nọ. Đây là chỗ các người thanh giáo có thể đặt câu hỏi nghiêm nghị rằng : Kinh với sách gì mà toàn nói tầm bậy vậy cả ?

Cả một đoàn giáo sư chọn lọc kỹ lưỡng để đưa đến triều đình dạy một vị Hoàng Đế cao cả, mà đem chuyện bù cù ra nói là cái nghĩa chi ?

Các cụ chữ cũng có lý do vì thế “ **bên trong còn lăm điều hay** ” hay hơn nhiều mà tôi không dám nói tới, chỉ xin nói sơ qua về hậu quả của bài học (**duyên hồng đỉnh biên tương tiến hậu**). Có một điều mà các học giả quốc tế hầu như đồng thanh công nhận là đang khi các văn minh đồng thời với Tàu thì hoặc đã chết ngóm từ lâu như Sumer, Babylon, Egypt, Greece, Roma, hoặc đã biến đổi nhiều như Ấn Độ, Âu Tây, chỉ có Tàu còn y nguyên về nền tảng và vẫn thịnh đạt, vẫn vươn lên, với một nền văn hoá có sức quy tụ đặc sắc, vậy xin hỏi bí quyết đó tự đâu?

Ông Gulik cho người Tàu đã khéo léo duy trì được sự cân bằng giữa yếu tố Nam và Nữ và điều đó ngay từ đầu kỷ nguyên của chúng ta (Gulik 412 414).

Câu nhận xét đó quả là đúng, nên chúng ta đào sâu thêm. Trước hết là câu **giữ được quân bình từ đầu** thì rất đúng thì rất đúng vì chúng ta đã thấy ngay từ đầu một **đoàn giáo chức đã biểu lộ sự quân bình ngay trong thành phần của mình là 2 Nam 3 Nữ**, tức con số vài ba của Việt tộc đó. Thứ đến là **đề tài đưa ra hàm chứa một sự quân bình không đứt đoạn, tượng trưng bằng quẻ Ký Tế. 63 quẻ kia cũng đều là nét song trùng như thế : tức một quẻ trên, một quẻ dưới, nghĩa là bài học không bao giờ rời xa cái vụ làm tình. Đây chính là Đạo Trời Đất đã xuất hiện ngay từ thuở khai thiên lập địa có bao giờ bị đứt quãng đâu. Nếu đứt quãng thì chúng ta đâu có ở đây để mà kể viết người đọc.**

VI.- Việt Nho lập Đạo ngay chỗ cho là hư hỏng đó

Việt Nho nhằm ngay vào cái chỗ đó để lập Đạo, sau này sách Trung Dung (câu 12) tuyên bố “ **Quân tử chi Đạo, tạo đoan hồ phu phụ** ” Đây là điều kỳ lạ: Đạo gì mà bắt đầu ngay từ chỗ lồi thối nọ.

VII.- Ai phải ai quấy

Quả là kỳ lạ vì hầu khắp thế giới ít ra hai nền văn hoá lớn là Âu Tây và Ấn Độ không nói tới vụ đó nữa, Âu còn cho đó là hư hỏng, nói đến là hèn hạ, là tội lỗi? Ai đúng ai sai ? Đây là chỗ mà nhiều triết gia và dân tộc học đang bù đầu tìm lý do tại sao cơ quan sinh dục ban đầu được hết mọi dân cổ sơ thờ lạy mà đến nay mới nói đến thì đã đổ mặt cho là không đứng đắn để khỏi nói là hư hỏng!

Nhưng ai đây mới thật là hư hỏng ? Có phải những người bị lên án là hư hỏng hay chính những người lên án mới đích thực là hư hỏng tức làm đảo lộn trật tự thiên nhiên: cái được tôn thờ lại bị đảo ngược thành cái huỷ kỵ! Tại sao vậy ?

VIII.- Lý do hư hỏng: Lật ngược trật tự thiên nhiên

Người ta đưa ra đủ giả thuyết, rằng triết lý An Vi thì thấy đó là tại thiếu nét Song trùng tức không biết nhìn toàn bộ, mà đã vội ngưng tụ lại ở một điểm nào đó.

Hãy lấy một thí dụ nhỏ nằm trong trào lưu lớn nọ là con rùa: xa xưa ngay tự đời Ân, người Tàu cũng tôn thờ rùa như một trong tứ linh. Thế mà tại sao từ đời Minh về sau thì lại coi là tục. Không còn gì thoá mạ cho bằng gọi ai là rùa đen. Đó là lời chửi tục tui nhất (bên Nhật cũng như bên Việt không bị vạ nên vẫn kính rùa). Riêng vụ này có lý do lịch sử là tại người Mông Cổ khinh tất cả những gì của Tàu, đã vạ còn đẩy que Ký Tế đến chỗ thái thậm.

Sự vụ xảy ra đại lược như sau: Quân Nguyên theo Phật giáo Tây Tạng, bên đó có lối thiên bằng giao cấu. Người ta tạc tượng Nam thần đang giao hợp bằng cách ôm vào lòng một Thần Nữ, các tượng đó gọi là Yab Yum. Tàu dịch là Lạc Phật. Các đôi tân hôn cưới xong thì đến đánh lễ rồi lên sờ vào cái nút của Phật để học bài “ sinh dục ” (Gulik 324). Quá đáng là thế, nên một khi người Tàu lấy lại được độc lập liền phản đối đập phá om sòm.

Do sự phản động quá mạnh đó mà mắc vào cái lỗi xem nhìn một phần thay vì cái nhìn thanh thân an vi cách bao trùm. Nếu nhìn bao trùm toàn thể sự vật, ở đây toàn thể con rùa cả mu lẩn chân thì có thể vươn lên ý nghĩa mu tròn chỉ Trời, 4 chân (vuông) chỉ Đất. Còn nhìn theo lối chấp ý thì chỉ chú mục vào có cái đầu, rồi nghĩ cái dương vật lúc này đã bị tục hoá. Thế là có màn đảo lộn” tự vật thánh ra vật tục”, rồi kinh tởm tục, rồi bỏ hẳn. Cũng may nhờ bài học thâm sâu của “ hai lão với ba cô ” nên tuy cũng mắc bệnh, nhưng mới là sốt rét vỡ da, chưa đến nỗi nhập lý gây nên bệnh trầm trọng cả tâm lý lẫn siêu hình là chọn một bỏ một tức sự nghiêng hẳn về những cái bé nhỏ, khiến cho văn hoá trụt mất bên âm cũng gọi là nguyên lý Mẹ, mà trở nên duy dương đục rữa, gây nên tại họa tày trời cho nhân loại ngày nay.

Riêng văn hoá Tàu vẫn còn giữ được phần nào sự cân đối giữa âm và dương, nên vẫn trường tồn không cần thay đổi nền tảng.

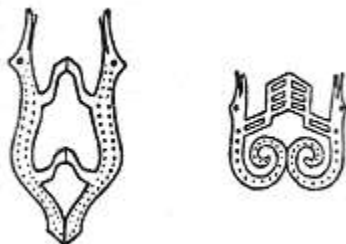
Bí quyết phải tìm ở đâu ? Hãy trở lại với cái phallus để tìm căn do: hỏi tại sao bên Tàu không bao giờ bị hạ bệ, tức không bao giờ nó bị gọi là “ củ tội ” mà vẫn giữ tên là “ chày ngọc ” (ngọc hành) với sự cao quý ? Tôi cho rằng bí quyết nằm trong chữ viết, nghĩa là Việt lên, siêu vượt. Chứ ban đầu trong giai đoạn tôn giáo Phong nhiêu thì que Ký Tế cũng được thực hiện đậm nét lắm, như ta thấy tỏ trên cái nắp thạp Đào Thịnh (tỉnh Yên Bái), bốn đôi đang làm tình cách trọng thể với dương vật to quá cỡ thợ mộc.

Hình thạp Đào thịnh (tỉnh Yên Bái)



Nhưng rồi nhờ Việt tính nó đã biến thể nhiều cách như hai giao long đang Giao Chi (giao hai tay).

Hình Giao Long



Hoặc như hình Nữ Oa phục Hy quấn đuôi nhau để rồi biến dần ra thanh thoát hơn nữa như (cặp đối cực: opposite term) :

Cá nước / Chim trời

Số Chẵn / số Lẻ

Gạch Đứt / gạch Liền.

Rồi những gạch chồng lên nhau thành quẻ đơn, rồi cứ hai quẻ đơn chồng lên nhau thành ra 64 quẻ kép. Rồi biến thể lần nữa thì ra thập tự khai thẳng (十) hay thập tự khai chéo (×). Thập chữ chéo này hóa ra chữ nghệ (义), chữ nghệ làm nền tảng cho chữ văn (文) trong Văn Lang hay giao (交) trong Giao Chi, rồi vô số biểu tượng khác cũng như lược đồ tự phiên toái như Hà Đồ, Lạc Thư, Minh Đường, Nguyệt Lệnh cho đến vòng Con Giáp và bao danh từ như vũ trụ, núi sông, nước lửa, Tiên Rồng. . . tràn ngập vào nền văn hoá Việt Nho đến độ trở nên cơ cấu uyên nguyên của nền văn hoá đó đem lại cho nó một sự cân bằng siêu tuyệt.

Đang khi hầu hết các văn hoá vì thiếu chữ Dịch (易), chữ biến thể, cứ để phallus nguyên con mà thờ thì đến một lúc nào, con người bị chi phối vì một ý niệm tư riêng nào nên coi sự thờ phallus là chướng liền bỏ tuột, thế là trở nên duy dương đục rựa. Không duy tâm thì cũng duy vật. Xem thế đủ biết ba bài học của hai lão ba cô thực là quan trọng vô cùng, nó là tinh hoa của Kinh Dịch, nền móng của văn hoá Đông Nam.

Nhờ đó là âm dương vẫn được duy trì, nhiều khi còn đem treo cả bên cạnh bàn thờ để tôn kính mà chẳng ai lấy làm lòng, vì nó đã được biến thể, có thể nói là trở nên trừu tượng để thanh thoát vươn lên làm đà tiến đến chỗ cao siêu cùng cực như Đất Trời, rồi cuối cùng đến chỗ chỉ Có với Không tức đi đến quân bình siêu linh.

Nói khác là từ chỗ “rất thấp” nam nữ giao hợp mà bò lên tấp tít tới chỗ siêu hình Có Không, Không Có: Hữu Vô tương sinh”: Vô là Âm, Hữu là Dương, tức là nét song trùng ở đọt sâu xa nhất bao trùm cả vũ trụ hơn hết. Đó là nhờ tác động Việt. Chính nhờ tác động Việt nọ mà Tàu duy trì được sự quân bình nền tảng, làm cho văn hoá trở nên trường tồn. Đó là đại để khóa trình “hai lão ba cô với một trò”, nó vừa muốn chứng tỏ sự vụ văn hoá Viêm Việt đã cải tổ nhuần nhả hoá văn minh du mục Bắc phương, vừa nói lên sự hiệu nghiệm ơn ích của bài học, mới coi trông như trò đùa mà kỳ thực là đặt căn bản trên nền móng cực kỳ vững mạnh. Nhờ đó mà văn minh Tàu còn giữ được chất nông nghiệp với nguyên lý Mẹ đến 60 %, còn Việt đến 90 % là do bà thầy (đội tên Nữ Thần Mộc) dạy làm nhà chữ Đinh (丁) thanh hơn quẻ Ký Tế một độ.” (Hết trích)

I.- Ba vụ trộm rùa

(Văn Lang vũ bộ: 17.- Ba vụ trộm rùa. Kim Định)

I.-Rùa: Huyền sử tóm lược Đạo lý của Việt tộc

“ Rùa đây là Đạo Người thành bởi Đạo Trời Đạo Đất. Xuyên qua cả huyền sử lẫn lịch sử, nước ta đã xảy ra ba vụ ăn trộm rùa, cả ba lần đều gây ra đau thương cho quê hương đất nước.

Vì vậy hôm nay, chúng ta bàn về ba vụ đó mong tài bồi cho Đạo Người ngày thêm vững mạnh để bảo vệ con Người. Con Người được Việt Nho quan niệm như sự tổng hợp của đức Trời đức Đất. Khi hai chí Trời Đất giao thoa đúng liều lượng thì đó là con Người chân nhân. Tiên nhân đã dùng rùa làm biểu hiệu Người vì nó có lưng tròn tượng trưng Trời, mình vuông tượng trưng Đất. Do biểu hiệu như thế, nên kê nó vào một trong tứ linh: **Lân, Ly, Quy, Phượng**. Quy đặt ở giữa Ly và Phượng chính là cơ cấu hoá biểu tượng Tiên Rồng: **Tiên là Chim (Phượng); Rồng Là Ly (rồng biển) sinh ra con là Quy, nên Quy chính là hình ảnh Người. Người Việt là con của Mẹ Tiên, Cha Rồng, nên Rùa cũng được coi như bản tóm lược được Đạo lý của Việt tộc. Vì nền Đạo lý này xuất hiện rất sớm mãi ở thời tiền ngôn, tiền niệm, tức thời chưa có văn tự cũng như chưa có lý thuyết, nên**

Đạo lý được gửi vào những huyền thoại.. Về sau con cháu mất ý thức nên gọi là chuyện hoang đường.

II.- Đạo Người với sứ mệnh Dân tộc

Vì muốn trả lại cho các truyện kể trên ý nghĩa thâm sâu của nó, nên tôi gọi là huyền sử. **Như vậy Huyền sử chính là sử trình của Đạo Người nhưng được ghi lại bằng những nét u linh huyền ảo.** Bởi đó là điều đã xuất hiện rất sớm ngay từ thời hồng hoang. Vì xuất hiện rất sớm nên cũng rất căn bản quan trọng. Hễ người giữ được thì hạnh phúc, mà lỗi Đạo thì khổ lụy. Chính vì thế nên sử trình của Đạo Người gắn liền với sứ mệnh của Việt tộc tức Việt tộc thịnh hay suy là tùy thuộc vào mức độ giữ được Đạo Người nhiều hay ít.

III.- Huyền sử với những cuộc hưng vong

Sau đây là mấy huyền sử nói lên những cuộc hưng vong đó:

1.- Truyện trộm rùa thứ nhất ở Bột Hải

a.- Câu chuyện Long Bá câu rùa

Truyện đầu tiên ghi lại **trong sách Liệt Tử về một vụ ăn trộm rùa** như sau: Ở phía Đông trong Bột Hải có một vực thẳm không đáy, gần đó nổi lên 5 đảo, tên là: Đại Dư, Viên Kiều, Phương Hồ, Doanh Châu và Bồng Lai. Mỗi đảo cao 3 vạn dặm, rộng 9 ngàn lý, các đảo cách nhau 7 vạn dặm. Nhà cửa trên đảo làm bằng vàng ngọc, chim muông thân thiện với người, cây cối tốt tươi, hoa thơm quả ngọt, ăn vào làm cho không già không chết. Vì vậy mà sống trên đảo toàn là thánh, mỗi ngày bay qua lại thăm nhau nhiều lần. Chỉ phiến là các đảo cứ trôi nổi theo nước thủy triều. Thượng Đế sợ một ngày kia các đảo sẽ trôi sang Tây, nên truyền cho thần Trung Cương liệu lý. Thần này sai khiến những con rùa khổng lồ đội đảo trên lưng, cứ mỗi đảo là 3 con, 5 đảo thành 15 rùa, nhờ vậy mà các đảo trở nên vững như bàn thạch. Không may ngày kia có người khổng lồ

tên Long Bá từ miền Bắc đến câu mát 6 con đưa về lấy mu rùa dùng vào việc bói toán. **Thế là 2 đảo Đại Du và Viên Kiều trở nên bồng bênh, dạt trôi về biển Bắc, rồi chìm mất, chỉ còn lại 3 đảo Phương Hồ, Doanh Châu và Bồng Lai.**

b.-Nước Văn Lang được hạnh phúc nhờ giữ được đảo 3 rùa

Trên đây quả là một trang huyền sử. Bột Hải hay Việt Hải cũng thế. Có thời nhiều chi Việt cư ngụ trên sông Bộc, nên Bách Việt cũng có tên là Bách Bộc.

Còn những con số toàn là huyền số quen thuộc của Việt tộc: số 3 chỉ Đạo Ba, số 9 là “Cửu thiên huyền nữ” (nguyên lý Mẹ), số 15 là $3 * 5 = 15$, 15 bộ nước Văn Lang.

Dân Văn Lang là những người giữ được Đạo đó nên sung sướng như tiên thánh: thức ăn đầy đủ, đối với nhau bằng tình ái, trong nước không có cảnh chủ nô, đấu tranh giai cấp. Thần Trung Cương là cương vị của đạo Trung Dung tức Đạo Người, Đạo Trời, Đạo Đất hợp lại mà thành, nói bóng là đảo được chở bởi 3 con rùa, không cho trôi lên mạn Bắc hay sang Tây, vì đó là hai miền trái đạo Trung Dung. Bắc số 1, Tây số 4, cả hai nhà những số chỉ sự thái quá (bộ số giữa là $2 - 3$), nên là miền chưa vượt được bái vật (bói rùa) hoặc ý hệ (ăn trộm tức chinh phục). Long Bá là Bá đạo ưa dùng số chẵn, số 6 (trong 6 con rùa bị câu) là số duy vật “Con sông Lục đầu nước chảy xuôi một dòng, tức là duy nào đó, (duy vật hay duy tâm đều là nước chảy xuôi một chiều cả), nên cũng làm chìm mất Đại Đạo. Còn lại được 3 đảo: **một đại biểu đức Đất là Phương Hồ** (hồ vuông), **một đại biểu đức Trời là Doanh Châu** (Doanh là tròn đầy ngầm chỉ số 3 Trời. **Bồng Lai là cộng hai đảo kia mà thành, nên rất đầy đủ.**

Ta quen nói: “Bồng Lai tiên cảnh” là do tích này. Đó là hình ảnh xa xôi diễn tả cùng một ý như **bánh dầy bánh chưng tức đạo làm Người**. Hễ giữ được thì đạt hạnh phúc gọi là được “Thiên sinh

Địa dưỡng: vạn vật dục yên” (mọi vật đều được hưởng nhờ), ngược lại là trầm luân khổ lụy, như được chứng minh bằng hai truyện trộm rùa sau:

2.- Truyện trộm rùa thứ hai: Trọng Thủy

Truyện trộm rùa thứ hai là Trọng Thủy mà ai trong chúng ta cũng đã biết là nó đã gây ảnh hưởng quyết liệt vào nước ta. Trọng Thủy cũng từ Phương Bắc như Long Bá, đánh lừa My Châu là tiêu biểu nguyên lý Mẹ (lúa mễ: My hay Mễ là một), nên nước Văn Lang bị tan tành, văn hoá Việt tộc bị Hán Nho che phủ.

3.- Truyện trộm rùa thứ ba: Hegel, Karl, Marx

Lần trộm rùa thứ ba xảy ra khi Hegel lấy hứng từ Kinh Dịch để đưa ra Biện chứng pháp. Tuy không chỗ nào Hegel nói là mình đã lấy hứng từ Kinh Dịch, nhưng người ta có quyền suy đoán như thế do hai lẽ sau:

4.- Kinh Dịch với Leibnitz, Hégel và Marx

Trước hết là Kinh Dịch đã được Leibnitz (1646 – 1716) giới thiệu với Âu châu trước Hegel (1770 – 1831). Hai là những luận đề của Hegel đều tương tự với luận đề Kinh Dịch, như dùng biện chứng động thay vì danh lý cứng đờ: dialectic thay vì logic. Đồng thời thuyết “phiếm thần tương tự với thuyết “Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể”...

Tôi nói tương tự mà không nói y hệt, vì nếu Hegel cũng như Cộng sản mức được chính đạo của Dịch Lý thì đã là đại phúc cho con Người rồi, nhưng đảng này chỉ lấy

được có cái vỏ. Học giả Armauryde Riencourt gọi Hegel là con hoang Á Châu (xem The soul of China. Harper ; Colophon book, 1964 , từ trang 166).

Theo Dịch pháp thì mọi sự biến động đều tự nội giữa hai đối cực âm dương, nói bằng biểu tượng là giữa Trời cùng Đất mà Trung Đạo là con Người.

Khi nào người đánh mất một cực thì cũng là mất ý thức về sự biến động tự nội như trường hợp triết học Tây Âu chỉ là một chiều hoặc duy vật hay duy tâm nên là triết học im lìm làm bằng những ý niệm cứng đờ. Mãi cho tới Hegel mới nhận ra sự sai lầm đó, nên đánh đổ danh lý, tức là lý luận căn cứ trên những ý niệm im lìm để đưa ra Biện chứng pháp thay vào. **Biện chứng có hai điều mới đối với logic cũ : một là nó động , hai là sự động nằm ngay trong nội tại sự vật. Sự vật nào cũng biến động do đó mang trong mình yếu tố mâu thuẫn. Hegel gọi đó là quyết đề và phản đề, khi giải hòa được quyết đề và phản đề thì có tổng đề. Rồi tổng đề trở nên quyết đề mới hàm chứa phản đề mới và cả hai lại hoà giải trong tổng đề mới nữa Sự vật cứ thế mà tiến mãi cho tới tinh thần tuyệt đối.**

a.- Luận đề của Marx

Karl Marx đã học được Biện chứng pháp với Hegel. Nhưng Marx chê Hegel là sai lầm, vì đặt biện chứng trong ý niệm, mà lẽ ra phải đặt trong sự vật, trong nhân sự, vì chính vật chất quyết định tinh thần, tư tưởng chỉ là phản ảnh của sự vật. Chính sự vật là đầu mối tư tưởng. Tư tưởng tiến theo biện chứng là vì sự vật tiến theo biện chứng như thấy được trong các đợt kinh tế: kinh tế đòi phong kiến bị phá vỡ do bourgeois. Bourgeois bị phá vỡ do tư bản rồi tư bản sẽ bị phá vỡ do phản đề của nó là vô sản. Hiện tư bản đang mang trong mình mâu thuẫn sắc bén là giới vô sản của thợ thuyền, vì sự sản xuất có tính cách công cộng do vô sản làm ra, thế mà quyền sở hữu lại nằm trong tay mấy chủ nhân tư bản. Đó là mâu thuẫn nội tại, nên thế nào rồi tư bản cũng sụp đổ theo luật duy vật biện chứng mà tiến trình xảy ra đại khái như sau: giới thợ thuyền càng ngày càng đi lên đến chỗ nghèo khổ cùng cực, nên càng đoàn kết lại mạnh, càng được tổ chức chặt chẽ có kỷ luật, đang khi giới chủ nhân càng ngày càng trở nên thiếu số thì càng không đủ sức điều hành guồng máy sản xuất. . . thế là sụp đổ. Chính giới tư bản với máy móc ngày càng tinh vi đang tự đào lỗ chôn mình để nhường lại quyền hành cho giới thợ, cho giới vô sản, từ đó sẽ thực hiện được chính sách ” **tam vô, nhị các** ” Tam vô là :

Không Tôn giáo, không quốc gia, không gia đình, còn nhị các là ai cũng sẽ làm tận khả năng của mình và dùng theo sự cần dùng (các tận sở năng, các tận sở nhu) , nhờ đó sẽ chấm dứt cái nạn “ kẻ ăn không hết , người làm không ra ”.

b.- Sai lầm của Marx

Đó là những lời hứa hẹn đầy sức quyến rũ, được truyền bá mạnh giữa lòng thế kỷ 19. Nhưng đến nay thì ai cũng đã thấy những dự đoán của Karl Marx đều xảy ra trái ngược hẳn lại.

Thứ nhất : **thợ thuyền không ngày càng nghèo cực mà trái lại đời sống càng ngày càng lên cao, có nơi lên tới 20 lần so với thời Karl Marx.**

Thứ hai: **Tư bản đã không sụp đổ, mà lại ngày thêm lành mạnh** do những cải cách mới như thuế lũy tiến và chế độ an sinh phân phối lợi tức quốc gia cho mọi người được hưởng .

Thứ ba : **Thuộc địa không là nơi kéo dài cuộc sống tư bản** thêm lâu như Lénine nói, trái lại các nước tư bản đã nhả hết thuộc địa, đang khi Nga chiếm thêm đất đai còn rộng hơn các thuộc địa cũ của các nước tư bản.

c.- Sai lầm căn bản trong Biện chứng pháp

Tất cả những dự đoán trật đó bày tỏ sự sai lầm căn bản nằm trong biện chứng pháp là duy tâm hoặc duy vật.

Biện chứng là sự động giữa hai hạn từ, nay bỏ một thì còn đâu là động nữa, vì chỉ có biện chứng khi có sự biến động, nhưng hề nơi nào Cộng sản cướp được chính quyền là tuyệt đối cấm đoán thay đổi, cấm đoán mâu thuẫn với chính quyền. Thế là diệt mất căn do của tiến bộ, tức cũng là diệt mất biện chứng. Ta thấy rõ điều đó trong tính chất độc hữu và bất tương dung của cộng sản. Chúng khai trừ đối lập : không chịu nhận bất cứ ý kiến nào trái ngược với hệ tư tưởng của chúng.

d.- Đối đáp giữa Proudhon và Marx

Điều này đã xuất hiện ngay từ Karl Marx. Marx đã dùng những lời thô bỉ tục tằn để mạt sát đối phương, thí dụ Proudhon, một nhà xã hội học nổi tiếng của Pháp cùng thời với Marx, được Marx hết sức ân cần mời mọc nhiều phen để cùng cộng tác, **Proudhon đã trả lời đại để:** “ Chúng ta nên tìm hết cách để cộng tác với nhau đừng tìm ra luật xã hội, tìm ra con đường tác động của những luật lệ đó, nhưng không bao giờ chúng ta được đưa ra những lý thuyết độc đoán. Tôi hoan nghênh ý kiến phải đưa ra ánh sáng mọi ý nghĩ dị đồng. Chúng ta hãy tỏ ra là những nhà học thức sâu xa với lòng bao dung rộng rãi. Đừng bao giờ trở nên những nhà lãnh đạo cho một sự bất tương dung mới. Chúng ta hãy hoan nghênh và khuyến khích hết mọi lời phản đối. Hãy lên án hết mọi sự khai trừ, mọi huyền thuyết. Đừng bao giờ coi một vấn đề như đã đóng hẳn, hãy bắt đầu lại nếu cần, cả với sự tự mỉa mai chính mình. Trên điều kiện ấy, tôi sẽ thích thú có chân trong hội của ngài, ngược lại thì không ”. Để trả lời Marx viết quyền “ Sự nghèo khổ của triết lý ” chọi lại với quyền “ triết lý của sự nghèo khổ ” của Proudhon.

e.- Các Long Bá: Hégel, Marx, Mao, Hồ đã nhận chìm mất Đạo lý Nhân sinh

Chủ trương của Karl Marx đã là mầm gieo ra những ác quả của bất tương dung không những trong chính trị kinh tế, mà luôn trong tư tưởng, lời nói cũng như cảm tình: tình nhà, tình nước, tình người, đều bị chống đối đến cùng cực.

Mao Trạch Đông đã học được trọn vẹn bài học vô phúc đó trong cuốn sách quan trọng của y nhan đề “ Mâu thuẫn ” theo nghĩa lấy mâu đâm thuẫn, tức chỉ có đối kháng, thiếu mất vòng trong tâm linh của Kinh Dịch, nên hai hạn từ tâm và vật mất đất hội thông hoà hợp, chỉ còn cách chọn một bỏ một, y như duy niệm ngày xưa. Thế là các Long Bá (Hégel, Marx, Mao, Hồ) đã làm chìm mất nền đạo lý nhân sinh của con người Đông phương đầy an vui, để gây nên cảnh đau thương muôn trùng mà người Việt đang cảm thấm thía tận tâm can tì phê. Trong cảnh nước mất nhà tan, toàn dân phải từ bỏ đời sống an vui để đi vào cảnh sống thiếu thốn đến cùng cực, không những về thể xác mà cả tinh thần cũng bị dày vò vì nạn khủng bố rình rập lo âu, đang khi xem về tương lai không thấy một tia sáng nào hết. “

Việt Nho đã tóm tính chất các lối cai trị vào câu sau trong 3 lối cai trị:

IV .- Ba lối cai trị

(Văn Lang vũ bộ: Ba vụ trộm rùa. Ba lối cai trị. Kim Định)

**Nhân giả an nhân
Trí giả lợi nhân
Úy giả cường nhân.**

1 .- Nhân giả an nhân

“ Khi giữ được đạo Nhân hoàn toàn thì như 5 biển ở Bột Hải, của nuôi có đầy trong tầm tay, nói bóng là chim muông thân thiện với người, hoa trái đầy trên cây, người ăn không già, tức không bị lo âu làm cho tổn thọ. Đó là cảnh “ nhân giả an nhân ”, người giữ được đạo Nhân thì làm cho dân nước an vui.

2 .- Trí giả lợi nhân

Thì như Trọng Thuỷ tuy làm lợi được cho phe mình, nhưng lại gây hại cho bên Văn Lang, nước tan mà tình nhà cũng vỡ, cha đành tâm giết chính con mình.

3 .- Úy giả cường nhân

Là các tên chuyên chế, đàn áp con người toàn triệt, nên bị người oán ghét căm thù chỉ mong lật đổ. Chính cái lòng oán ghét của toàn dân làm cho những kẻ thống trị đâm ra nghi ngờ sợ bị lật đổ, vì vậy chúng lập ra đủ phương thế để kiểm soát không những trong phạm vi công cộng mà còn xâm nhập vào gia đình, vào cả đời sống tư riêng làm tan biến trọn vẹn cảnh an nhiên thư thái, chỉ còn lại một bầu không khí nồng nực làm bằng lo âu sợ sệt.

V.- Bài học của Huyền sử

Mấy điều trên chứng tỏ rằng những trang huyền sử của ta chứa đựng những chân lý bất hủ, đời nào cũng thực, cái thực thiết thân đến nỗi hễ ly lia thì lâm vào những cảnh đau thương thống khổ. Như vậy nói truyện cổ mà hoá ra kim, nói chuyện xưa mà hoá nay, đủ biết sự học về đạo lý, về đạo làm người là điều phải được coi trọng vào bậc nhất trong đời vậy. Từ bài học đau thương vừa rồi, chúng ta cần rút ra một kết luận là phải làm thế nào cho chút đạo lý mà người Việt tỵ nạn còn giữ được không bị mất cắp nốt, trái lại được nuôi dưỡng cho ngày thêm to lớn để mai sau về ràng buộc lấy nước Việt Nam, không cho trôi sang Tây Bắc, đặng gây an vui hạnh phúc cho toàn dân.

Bài học xưa đã để lại: đó là biến rùa thành sách rùa, biến Quy thành Quy thư, tức phải đem cái tinh thần văn hoá còn mập mờ để làm sáng tỏ và truyền bá đến hết mọi người tỵ nạn khắp nơi. Làm được như vậy thì rùa sẽ không bị ăn trộm nữa mà còn được lớn lên cho 15 bộ nước Văn Lang nhất định sẽ hưng phục”. (Hết trích)

K.- Những bí ẩn trong hai bản Kim và Cổ văn

(Tinh Hoa Ngũ Điển: VI.- Những bí ẩn trong . . . Kim Định)

I.- Gốc tích Cổ văn Kim văn

1.- Kim Văn

“ Năm 213 tr. c . n . Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn Nho. 4 năm sau ông qua đời: đế quốc của ông lung lay, và 3 năm sau thì sụp đổ (206 tr. c. n.) Vì nhà Tần cai trị trong một thời gian ngắn, nên còn có thể tìm ra được những học giả nhớ thuộc lòng Kinh Điển. Trong đó có Phục Thắng tiên sinh quen gọi tắt là **Phục Sinh nhớ được 28 thiên. Triều đình cho quan đến ghi lấy và sau chép ra bằng thứ chữ gọi là Tiểu truyện do Lý Tư đề nghị ra, nên gọi là Kim văn, và mọi người phải học theo đó .**

2.- Cổ văn

Nhưng đến năm 96 tr. c. n. đời Hán Vũ Đế người ta tìm ra được Kinh Thư viết trên thẻ tre (trúc giản) lấy trong vách nhà **Khổng Tử**, viết bằng chữ hình nòng nọc gọi là Khoa đầu, vốn lưu hành trước đời nhà Tần, nên gọi là **Cổ văn do Khổng An Quốc** (154 – 74 tr. c. n.) tìm ra và sắp đặt lại, được cả thảy 60 thiên.

3.- Cuộc tranh luận kéo dài

Thế là từ đây **nảy ra vấn đề cổ bản và tân bản tranh luận** xem bên nào là chính truyền. Cuộc tranh luận kéo dài rất nhiều đời, nên muốn viết lại lịch sử là công việc rất phiền toái. Nếu như đó chỉ là vấn đề văn học suông thì không đáng cho chúng ta đề cập, nhưng đằng này cuộc tranh luận lại **bao hàm một sự tranh chấp giữa hai chủ trương triết**, và rất nhiều học giả vì không để ý đến, nên vấn đề dừng lại ở văn học, mà không nhìn thấy bề sâu.

II .- Hai bản văn, hai nền Triết

Nhưng so sánh kỹ sẽ nhận ra được rằng có một chủ trương triết lý nằm ẩn trong đó giải nghĩa được thái độ của vương triều thiên hãn về tân văn. Nếu vậy thì cổ văn và kim văn không còn là vấn đề văn học suông nữa, nhưng nó tàng chứa một chủ trương triết lý.

Có truyền thuyết cho rằng lúc ấy Phục Sinh đã 90 tuổi, nói không rõ nữa, phải nhờ con gái làm thông ngôn cho quan chép lại, vì ngôn ngữ bất đồng nên để mất đi 30% và như thế Kim văn đã bị cắt xén từng ấy.

Ta có quyền ngờ rằng đây lại là vụ xén bớt Kim văn theo lối “ Gác Thạch Cừ ” vào đời nhà Hán.

Càng có quyền ngờ vực hơn nữa là thái độ ngoan cố của Vương triều không đếm xỉa đến **Cổ văn** và những lời minh giải của **Khổng An Quốc**. Năm thứ 5 tr. c. n. khi **Lưu Hâm vận động để Vương triều nhìn nhận Cổ văn** thì suýt bị hại (Xem Tiền Hán Thư, Sở Nguyên Vương, truyện đệ lục). Có lẽ nhờ ông mà trong **trào Vương Mãng Cổ văn được nhìn nhận** một thời ngắn, rồi người nối tiếp gìn giữ Cổ văn là **Khổng Hy** cũng thuộc dòng họ **Khổng**. Đến đời **Tam Quốc có Vương Túc (221, 256) vận động**, nên đến đời **Tuỳ**, Vương triều mới chịu nhìn nhận là trong công hàm có hai bản Cổ lẫn Kim. Đời **Đông Hán có người tên là Đỗ Lâm** tìm ra được một bản Cổ khác viết trên thẻ tre sơn nên gọi là “ **Tất Thư Cổ văn** ” thêm được 13 chương, và có được 3 nhà chú giải là:

Giả Quỳ giải nghĩa rộng

Mã Dung chú thích

Trịnh Huyền chú giải bình luận.

Và tự đáy Cổ bản tuy không được Vương triều chấp nhận, nhưng các học giả vẫn có người theo; kẻ nghiêng về bản “ **Tất Thư** ”, người nghiêng về bản của **An Quốc**, cho tới

nhà Đường, triều đình mới chịu ra lệnh cho Khổng Đĩnh Đạt (574 , 648) làm bản tổng hợp, tất cả tân bản lẫn cổ bản gọi là

Khổng Đĩnh Đạt Đẳng Thượng thư chính nghĩa ” ghi lại rất nhiều chú thích xưa. Nhờ vậy mà chú giải của Khổng An Quốc cũng như Mã Dung và Trịnh Huyền còn giữ lại được tới nay.

Đến đời nhà **Tống Chu Hy** (đại diện phương Bắc) đặt lại vấn đề và tỏ ý nghi ngờ Cổ bản cũng như lời giải của Khổng An Quốc. Nhưng ông cho là sách Thượng Thư quá khó, kể cả tân bản của Phục Sinh. Vì thế, ông chưa kịp làm và phải giới lại cho môn đệ là **Thái Trầm** thực hiện, dặn phải phân biệt ra Cổ bản và Kim bản. **Thái Trầm đã làm việc 10 năm mới xong gọi là “ Thư Tập Truyện ”.**

Khi sách vừa ra mắt thì liền được rất nhiều người tán thưởng cho là quyển bàn về Kinh Thư lớn nhất từ trước tới nay, có lời văn chương sáng sủa duyên dáng, sách được ví với văn Chu Hy và từ đó “ Thư Tập Truyện ” đã trở thành cổ điển cho tới ngày nay. Tuy Chu Hy không nói rõ nhưng thế giá ông đề nặng, khiến người ta vẫn cảm thấy ông nghi ngờ Khổng An Quốc. Vì thế **mới nghi ngờ** đó lớn dần qua những người như **Ngô Trưng đời Minh** và nhất là đời **Thanh có Diễm Nhược Cự (1636 , 1704) và Huệ Đông** , cuối cùng là **Khang Hữu Vi (1889 ?)** . Ông này không còn là Khổng An Quốc ngụy tạo nữa, mà chính là Khổng Tử đã “ thác chế ” (giả thiết có như vậy) và tự đây là sô học giả hồ nghi Cổ bản đông hơn.

III .- Cải cho Cổ bản

Tuy nhiên lý chứng của họ không đủ vững, nhất là không giải nghĩa ổn thỏa được tại sao cổ bản được trung dẫn trong rất nhiều sách như Tả Truyện, Lễ Ký, Mạnh Tử , Tuân Tử . . . Vì thế có **nhều học giả vẫn bệnh Cổ bản** như J.Legge, Vol. 3 tr. 15 , 46 hoặc vấn tắt hơn nơi Lin Yu Tang. The wisdom of China tr. 152 , 159; chỉ **nhận xét điểm này là những ý tưởng then chốt về dân chủ gặp được nhiều hơn trong cổ văn như Thái Thệ, Ngũ Tử ca, Thái Giáp, Thương Cáo, Thiệu Cáo, Hàm Hữu nhất đức.**

Thí dụ phương trình nổi nhất của Kinh Thư: **Trời là Dân, tiếng Dân là tiếng Trời**, gặp trong thiên Thái Thệ. Do phương trình đó để đi đến nguyên lý khác “ **Dân là nền của nước** ” gặp trong Ngũ Tử ca. Vì thế mà cứu cánh của chính quyền phải lo cho Dân được hạnh phúc (Thương Cáo), nếu lo không nổi thì mất Thiên mệnh. Nên Thiên mệnh bất thường, đổi thay từ tay này sang tay kia . . . Ý tưởng này được nói lên rõ nhất trong Thiệu Cáo và Hàm Hữu nhất đức.

Đó là những ý tưởng dẫn đạo, vì sách nói đến 3 nhà thì cả 3 đều vì đức mà lên, rồi vì thất đức mà bị lật, lên hay xuống đều không vì dòng họ mà vì tài đức: rõ ràng là chủ trương Việt No khác với Hoa tộc chủ trương dòng tộc. Xem qua như thế ta thấy phần cổ văn phong phú nhất về ý tưởng dân chủ.

Và không lạ gì những sách đứng về phe dân trung dẫn cổ văn nhiều hơn, chẳng hạn Tả Truyện trung Kinh Thư 68 lần, thì 25 lần theo Kim văn, còn 43 lần theo Cổ văn. **1Nhu thế sự bệnh vực Cổ văn cũng là tranh đấu cho Việt Nho.**

Mặc dầu vì lâu ngày các học giả không còn ý thức điều đó, nhưng ta có quyền nói đại cương như thế.

Những nhận xét trên sẽ soi rọi vào việc học hành Kinh Điển những tia sáng mới, giúp nhìn ra trận tuyến giữa tự do con người một bên và bên kia là những mưu toan đặt ách nô lệ lên nó.

Đó là trận tuyến liên tục diễn ra liên tục trong lịch sử nhân loại. Nhưng ở đây có sự khác biệt các nơi là phía tự do con người đã không đến nổi khuất phục nhiều như ở các nền văn minh khác. Và do đó nó đã mang nhiều tên và trải qua nhiều trận địa mà ta có thể gọi là:

**Nông nghiệp chống du mục
Thần Nông chống Hoàng Đế
Viêm Việt chống Hoa Hán
Việt Nho chống Hán Nho
Cổ văn chống Kim văn
Vương đạo chống bá đạo
Đức trị chống pháp trị
Quốc gia chống Cộng sản . . .**

“ Trận Trác Lộc đến nay vẫn chưa hưu chiến ” và sẽ chẳng bao giờ hưu. Biết sao được, đời là thế. Sống là chiến đấu như triết Tây nói : La vie est un combat.

Còn triết Đông nói : Sống là hoà, nhưng không là thứ hoà ba phải nên cũng cần chiến đấu cho phe tự do để mãi mãi nó còn được góp mặt trên đời.” (Hết trích)

L.- Vụ Gác Thạch Cừ

(Cửa Không: Chương III: IV.- Hán Vũ Đế . . .Tr 68. . .Kim Định)

1.- Hán Vũ Đế: Quan Thầy của Nho giáo

“ Nhiều Nho gia đã ca ngợi Hán Vũ Đế, coi như quan Thầy của Nho giáo, vì đã có công đưa Nho giáo đến chỗ toàn thắng. Nhiều học giả Tây phương coi Hán Vũ Đế như Constantin của Công giáo hoặc như Acoka với Phật giáo. Điều đó chỉ là cái đáng đáp bên ngoài. Còn chính nội dung thì khác. .

2.- Nhà Hán với Nho giáo

Nhà Hán đã kế tiếp nhà Tần không những trong di sản chính trị là tập quyền trung ương và luôn cả óc độc chuyên. Thực ra óc độc chuyên không cần cho thể chế trung ương tập quyền.

Nhưng cứ sự, nó đã đi đôi ở đời Tần, và nhà Hán thừa tự thể chế trung ương tập quyền thì cũng kế tiếp óc chuyên chế của nhà Tần nữa, như Đồng Trọng Thư đã dám cả quyết nhiều lần. Thế là Pháp Gia và Lão gia vẫn nắm then chốt trong guồng máy chính quyền ở đầu nhà Hán.

Đó là điều thuộc sử sách không ai nghi ngờ. Vì thế mà lệnh “ Cấm thư ” mãi cho đến đời thứ hai mới được “ bãi ” (Huệ Đế 194-187 tr. c. n.) nghĩa là mới chịu công nhận một việc đã rồi. Tuy bị triều đình cấm đoán nhưng Nho giáo vẫn được truyền dạy ở ngoài dân gian và càng ngày càng thâm nhập.

Khi Tần Thủy Hoàng “ đốt sách chôn Nho ”, thì Thái tử Phù Tô đã can rằng : “Chư sinh đều học và bắt chước Khổng Tử, nay lấy trọng pháp mà bắt tội, tôi sợ thiên hạ không yên” (Kim: Nho). Câu đó chứng tỏ rằng ngay lúc ấy Nho giáo đã lan rộng lắm. Cho đến đời Hán Vũ Đế thì càng ăn sâu hơn vào trong dân chúng.

Khi Hán Vũ Đế lên ngôi lúc 13 tuổi, tuy có vời mấy Nho gia vào triều để gọi là tham khảo ý kiến, nhưng sau bị bà Đậu Thái Hậu đẩy đi. Đến khi bà qua đời, thì lòng sùng Nho đã nhạt xuống một độ, mới lại vời Nho vào triều và bắt đặc dĩ nghe lời Đồng Trọng Thư mà tuyên dương Nho giáo.

Nói bất đắc dĩ vì **thật ra Hán Vũ Đế không ưa gì Nho giáo, bởi tự trong bản chất, Nho giáo vốn chống đối óc độc tài chuyên chế và vốn đề cao “ Ý dân là ý trời ” (vox populi, vox Dei)**.

Còn Hán Vũ Đế tuy có nói là tuân theo ý trời trong việc cai trị, nhưng ý trời thì không tìm trong ý dân, mà lại đi tìm qua điềm trời, sấm vĩ, bốc phệ theo thuyết Âm Dương Gia, Mặc Dịch. . .

Chính vì Đồng Trọng Thư giải nghĩa Xuân Thu theo lối tai dị đó như “ vua đi đâu có rồng theo ”, . . . nên mới được Hán Vũ Đế chấp nhận và nghe lời ông mà đặt ra nhà Đại học với 50 chức bác sĩ.

Làm việc đó bề ngoài Vũ Đế có vẻ ủng hộ Nho giáo lắm, nhưng thực ra là tại Nho giáo đã lan quá rộng, không thể gạt bỏ được, nên tìm cách kiểm soát sự giải nghĩa Kinh sách và uốn nắn cho hợp với ý của mình : cố biến Nho giáo trở thành dụng cụ cho lối “ trung ương tập quyền chuyên chế ”, chứ không phải thành thực đề cao Nho giáo.

3.- Dã tâm che đậy

Riêng về Đồng Trọng Thư, Vũ Đế chỉ muốn hại đi, nhưng lại sợ mang tiếng, nên lập kế mượn tay người khác hại thay: tức là tuy có đặt Đồng Trọng Thư làm quan nhưng **đầy ra giữ chức phụ tướng giúp Địch Vương cai trị đất Giang Tô.**

Địch Vương là anh Vũ Đế rất kiêu căng và thích vũ dũng. Nhưng vì Đồng Trọng Thư khéo xử, nên không những không bị hại, lại còn cảm hoá được Địch Vương khiến Địch Vương rất kính trọng ông.

Thấy không đạt đích, Vũ Đế **lại sai Đồng Trọng Thư đi giúp một người anh khác dữ tợn hơn nhiều.**

Đó là **Giao Tây Vương, tính rất rộng rãi cần rõ hay giết các quan đại thần.** Không dè ông nghe tiếng Đồng Trọng Thư là người hiền, nên xử đại rất trọng hậu. Tuy vậy, sợ ở lâu có thể sinh nguy biến, nên Đồng Trọng Thư xin cáo bệnh giải chức về hưu.

Đến khi Hán Vũ Đế có gọi Thư đến hỏi ý kiến, nhưng chẳng qua là để che đậy dã tâm đã muốn mưu hại ông, chứ thực không có bụng dè, bởi ông tuy có theo tai dị, nhưng tâm trí còn quá nặng óc Nho. Ông nhân mạnh điểm vua phải bắt chước trời mà yêu dân và cực lực phản đối việc cho người nộp nhiều thóc lên làm quan và làm quan lâu được thăng chức. . . Ông xin lấy tài đức làm tiêu chuẩn, và không cần phải làm việc lâu, miễn là có tài nhiều thì được thăng chức lớn. . .

Tóm lại những nguyên tắc của Nho giáo, Đồng Trọng Thư còn duy trì được khá nhiều nên không bao giờ Hán Vũ Đế dè ông, mà chỉ dè một người khác là Công Tôn Hoàng làm Tể tướng.

Ông này trước bị tội giáng xuống coi heo, sau nhờ giỏi sách Xuân Thu mà được thăng chức theo lệnh Hán Vũ Đế: “ Hễ kẻ nào thông được một nghệ (trong lục nghệ) trở lên thì đều được có chức cao ”. Trong bài điều trần của Hoàng có 8 khoản thì hai khoản cuối cùng nói về hình với luật. Vì thế, Nho gia xếp xuống cuối cùng trong một trăm bài thi. Khi Hán Vũ Đế soát lại thấy Hoàng khá nặng óc luật, đã thăm nhuần Hán Phi Tử và Lý Tư nên mới xếp lên hàng đầu.

Chính vì đó Tư Mã Thiên cho Hoàng là “ vô Nho mà ruột luật ”, ngoài đại lượng mà trong mưu mô.

Hoàng tuy có công trong việc vận động lập ra Đại học, nhưng Đại học cũng chỉ là bung xung. Sự thực thì Vũ Đế cũng còn cho Hoàng là “ quá Nho ”, nên chỉ dùng làm tiêu biểu.

Còn chính thực quyền thì trao cho các Luật gia như bọn Tăng Hoàng Dương, người ác cảm với Nho giáo ra mặt. Vì thế mà Học Hiệu trở nên cái lò của Pháp gia biến chế Nho giáo theo ý muốn độc quyền của họ.

4.- Nho giáo bị uốn nắn

Hán Vũ Đế còn nghe Đổng Trọng Thư mà bãi bỏ Bách Gia Chư Tử. Điều đó làm cho nhiều người công phần với Thư, và đổ cho Thư là mở đường cho Nho giáo đi đến chỗ độc tôn.

Sự thật thì không phải bỏ Bách Gia chi hết, mà chỉ là kế hoạch chính phủ dùng để vừa lấy lòng dân vẫn sùng Nho giáo, vừa chiếm độc quyền kiểm soát chú sớ Kinh sách và cả đến “san định” lại các Kinh Truyện đã bị thất lạc sau vụ “đốt sách chôn Nho” của Tần Thủy Hoàng. Do đó mà Lưu Hâm được sai ra làm sách Ngụy Kinh của cổ nhân, gọi những sách bí thư trong Góc Thạch Cù của riêng chính phủ, tư nhân không ai có.

Ở cái thời mà sách vở làm được rất khó khăn, chính phủ lại độc quyền tư hữu, những nhà thái học chôn kinh đô đều phải dùng sách ở góc Thạch Cù, làm sách Thái Sử coi như gia pháp . . . thì việc uốn nắn cho Nho giáo trở thành công cụ của óc độc tài chuyên chế có thể thi hành cách êm thấm.

Vì thế trải qua bao đời mà rất ít người nhận ra, hay có nhận ra đôi chút, nhưng chưa bao giờ nghĩ tới việc gạn lọc cho Nho giáo trở nên tinh ròng. Hầu hết chỉ thấy “Tử viết” thì cho là lời của Khổng Tử rồi lôi ra để hoan hô hay đá đảo tùy khuynh hướng, mà không nghi ngờ gì đến sự kiện lịch sử lớn lao trên đây. Do đó ta có thể cho việc bãi bỏ Bách Gia này là một cú chí tử đánh trúng tim gan Nho giáo, đem đặt vào miệng Khổng Tử những điều ông đã kích, để môn đệ ông phải chấp nhận và từ đấy Nho giáo biến ra Hán Nho.

5.- Thứ tự đảo lộn

Bây giờ đi vào kinh sách tức là Nho hay Tàu cũng không thiếu tang chứng tràn ngập. Ở đây chỉ nói hai sách nền tảng là Kinh Dịch và Kinh Lễ.

a.- Kinh Dịch

Xây trên Âm Dương tức là thứ tự của Việt (lady first). Theo thứ tự này thì phải Khôn Càn như còn truyền lại tới đời nhà Thương và sau ở nước Tống, con cháu nhà Thương. Khi Khổng Tử đến nước Tống nghiên cứu về Lễ Nhạc thì còn thấy nói khôn càn, mà không càn khôn : “Thị cố chi Tống . . . ngô đắc khôn càn yên” (Lễ Ký VII 10, 5).

Thứ tự Càn Khôn có từ nhà Chu là nhà đã đưa vào kinh văn rất nhiều yếu tố du mục, đề cao ông trên bà , dương trên âm, vua tôi trên vợ chồng . . .

b.-Kinh Lễ

Với Kinh Lễ thì ấn tích của thứ tự Việt nhiều hơn một cách không ngờ: hầu hết nói cha con trước vua tôi. Ở đây xin trưng ra một ít chứng từ trong chương Hôn Nghĩa, câu 3, sẽ thấy ảnh hưởng Việt Nho còn rất mạnh trong Nho. Trước hết nói đến nghĩa vợ chồng. Kinh Lễ nhắc đến phu phụ trước hết : đại ý rằng phải có phu phụ trước mới có phụ tử (cha con) sau. Cha con có thân thì sau mới có vua tôi (quân thần). Vì vậy hôn lễ (lễ cưới cho có vợ chồng) là lễ bản gốc.

Phu phụ hữu nghĩa nhi hậu phụ tử hữu thân
Phụ tử hữu thân nhi hậu quân thần hữu chính

Cổ viết: hôn lễ giả, lễ chi bốn dã.

Rõ ràng luân cha con đặt trước vua tôi. Đã vậy còn thêm một câu: hôn lễ là căn bản, hợp trọn vẹn với câu : ” **Quân tử chi Đạo, tạo đoan hồ phu phụ** ”. Nhất khi đọc câu sau đây thì không còn hồ nghi được.

Phù lễ, thủy ư quan

Bổn ư hôn

Trọng ư tang tế

Tôn ư triều sính

Hoà ư hương xạ.

“ Này lễ khởi từ lễ quan (Lễ gia quan là lễ đội mũ). Bổn gốc ở hôn phối. Trọng đại ở tang tế. Tôn quý ở triều sính. Hoà hợp trong lễ bản tên ở xã thôn ”. Xem câu trên rõ ràng thấy luân vợ chồng đặt trước vua tôi (triều sính)

Còn điểm nữa là giữa phu phụ thì thấy hay dùng chữ phu thê, chữ thê bao hàm ý bình đẳng. “ **Thê giả, tề dã** ”: Thê là bằng nhau. Đó là chữ hay được dùng nơi dân gian.

Trong Kinh Lễ, vợ vua gọi là hậu, vợ chư hầu là phu nhân, thứ dân là thê. (Lễ Ký chương I, phần 2, câu 28). Do đây thê đối với vua cũng có, nhưng là hàng thứ gọi là thê thiếp. Tuy nhiên sau này chữ thê lên bậc và dùng cho tất cả như khi nói : “ **Thú thê bất thú đồng tính** ”: Lấy vợ, đừng lấy người cùng họ (Chương I phần 2, tiết 3, câu 31). Đó là danh từ, còn về nội dung ta thấy đầy đủ trong câu nói về lối chồng đối xử với vợ như sau : “ **Kính, thận trọng, chính nhi hậu thân chi** ” : hôn nghĩa là lấy sự kính nể, thận trọng làm đầu, rồi mới đến thân cận. Ngoài ra khi lấy nhau còn có **lễ giao bái**: hai bên bái lạy nhau, chứ không còn một bên được bái, còn bên kia phải bái.

Lễ giao bái còn được tăng cường bằng **lễ hợp cẩn**: cùng ăn một đĩa thức ăn, uống trong cùng một chén làm bằng quả bô đôi, mỗi người một nửa. Cùng nhau hưởng chức tước cao thấp.

Người ta hay đưa ra hai chữ Tam tông ra để chứng minh Nho giáo hạ đàn bà. Điều đó có thực, nhưng là trong Hán Nho. Ngoài ra nên nhận xét có những cái tông rất thú vị như câu: “ **Phụ nhân vô tước, tông phu chi tước** ” : Vợ không có tước, thì kể theo tước chồng, chồng là tướng, vợ cũng tướng luôn. Bây giờ xét đến **nội dung** xem có dấu vết đó chăng. **Nội dung đó là tất cả Nho chỉ là đạo Nghiêu Thuấn.** Vậy của Nghiêu Thuấn chẳng qua là hiếu đễ, tức là đặt trên Nhân luân. Xin hỏi luân nào trước? Ông Cổ Tẩu là cha vua Thuấn rất khó tính, đến độ muốn hãm hại ông, nhưng ông ở hết lòng hiếu thảo, nên được trời đất bang trợ. Tiếng thơm nhân đức của ông bay tới triều đình, vua Thuấn muốn nhường ngôi cho ông. Trước hết gả con gái mình cho Thuấn mà không hỏi ý Cổ Tẩu. Phần ông Thuấn cũng kết hôn mà cũng không lãnh ý mẹ cha. Đó là điều trái với chữ hiếu, tức là điều tối quan trọng, vì đạo của Nghiêu Thuấn chẳng qua là hiếu đễ.

“ **Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hĩ** ” (Mạnh Tử VI, b. 3). Đó là một vấn nạn nghiêm trọng nên đã được Vạn Chương đặt ra với Mạnh Tử (V.2) rằng Kinh Thi có nói: “ **Thú thê bất cáo phụ mẫu** ”: lấy vợ phải hỏi ý cha mẹ. Tại sao ông Thuấn là gương mẫu đạo hiếu lại không theo như thế ? Mạnh Tử trả lời : “ Nếu lĩnh ý, thì cha mẹ ông Thuấn chắc chắn không chịu để cho ông lấy được vợ. Thế mà nam nữ lấy nhau là mối liên hệ lớn của con người, nếu báo cáo thì phé mất đại luân đó, lại còn làm phiền cha mẹ (vì không có cháu nối dõi tông đường), vậy nên không báo cáo ”.

Vạn Chương hỏi tiếp : “ về Thuấn đã vậy, còn vua Nghiêu khi gả con cho Thuấn cũng không hỏi ý ông bà Cổ Tẩu là nghĩa sao ” ? Trả lời rằng : “ vua Nghiêu biết rõ nếu báo cáo thì không thể gả con cho Thuấn được ” Đoạn sách trên nói lên mấy điểm sau đây:

trước hết **luân vợ chồng là quan trọng hơn hết**, gọi là đại luân, trên cả luân cha con. Điều đó làm cho nhiều nhà chú giải Hán Nho sợ, nhưng nó hợp tinh thần Việt tộc được biểu lộ trong truyện **Tiên Dung công chúa đã tự ý lấy Chử Đồng Tử** ngoài quyền của vua cha. Việc đó tuy có lỗi, nhưng là lỗi nhỏ, vì có thể giải nghĩa theo thuyết nhân chủ coi trọng tự do mọi người như được nói lên trong lễ Thành Đình của Việt và lễ Gia Quan của Nho. Tuy nhiên nhân chủ không bỏ phần dân tức là con người phải lệ thuộc vào mối nhân luân, nên lý tưởng là duy trì được cả hai: vừa theo ý mẹ cha mà vẫn bảo tồn được quyền tự quyết của mình. Theo cơ cấu : “ Tham thiên lưỡng địa ”, thì báo cáo cha mẹ quan trọng 2, còn độc lập của mình 3, có vậy mới hoàn hảo, còn khi bắt đắ dĩ thì phải quyền biến như Thuần, Nghiêu, Tiên Dung. Một điểm nữa cần ghi nhận là cái nét đặc trưng của Việt khác Tàu. Tàu thì “ **Nam nữ thụ thụ bất thân** ” và nữ thường là thuận theo, không dám đưa sáng kiến. Việt thì trái lại, gái lại đưa sáng kiến nhiều hơn như vụ Tiên Dung với Chử Đồng Tử đã nói lên và sau này tuy bị Hán Nho tràn ngập, nhưng tinh thần Việt không mất hẳn bản sắc, **nên gái ve trai** vẫn không gây ngạc nhiên:

**Anh về, em nắm cổ tay,
Em dặn câu này anh chớ có quên.**

Đó là đạo nhân luân, mà luân khởi đầu là vợ chồng. Trước khi là vợ chồng thì phải mở cuộc ngoại giao, tiếng Tây gọi là “ faire la court ”. Việt Nam nói gọn là “ **ve** ”, nghe nó bình dân, thân mật hơn, nhất là có vẻ chơi mà thật, thật mà chơi, vì ve có nghĩa là dọ thử, mền nắn rần buông: rất uyển chuyển là cái chuyện về về ve bắt ve con nhện, bắt được thì hay, nếu không thì cũng chưa đến nỗi mang tiếng hời mà bị cự tuyệt. Đó là lý do tại sao trong ca dao ta, những câu trai gái ve nhau chiếm phần nổi bật và thường rất bạo, vào đề liền, nhưng bao giờ cũng lịch sự :

**Cô kia khăn trắng tang ai ?
Nhất tang cha mẹ thứ hai tang chồng,
Tang chồng thì vất khăn đi,
Tang cha tang mẹ, ta thì tang chung.**

Giải quyết những khó khăn xã hội đặt ra dung dị là thế, cả đến thiên nhiên cũng không cản trở nổi, cách sông cách núi coi như không:

**Cô kia cắt cỏ bên sông,
Muốn ăn sung chín thì lòng sang đây .
Sang đây anh nắm cổ tay,
Anh hỏi câu này: Có lấy anh chăng ?**

Đầy rẫy như vậy trong ca dao. Điều ấy chứng tỏ “ Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phụ phụ ” là đúng tinh thần Việt tộc. Sách Đại học đặt tề gia trước trị quốc cũng còn theo tinh thần Việt vậy. Có thể nói rằng lâu về xa xưa thì những câu gái ve trai càng nhiều nhất là thời đàn ông còn bị bán seo : Có 3 đồng mà mua được những một mớ. Đưa về chưa kịp thì hoặc để cho kiến nó tha, hoặc cho nhau mượn:

**Của chua ai thấy chẳng thềm,
Em cho chị mượn chồng em ít ngày.
Chồng em đâu phải trâu cày,
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm.**

Đó là vài điểm nhắc qua để nói lên nét đặc trưng của Việt Nho, cũng như ẩn tích Việt còn đậm nét trên Nho, trên ca dao, tục ngữ. Điều này không những cần trong việc truy tầm nguồn gốc văn hoá Việt, nhưng một trật cũng hé mở cho thấy tại sao **Việt Nho còn duy trì được nguyên lý Mẹ** đang khi các nền văn hoá khác đã đánh mất, đã trở thành đực rựa nên đang bị điều đúng .

6.- Chiến tranh tâm lý của Việt Tộc

a.- Truyện sợ Phong Long !

Ta đã biết **Phong Long là tên của Hiên Viên**, thế mà tâm lý chiến của Việt trình bày thế nào khiến các bà mới đẻ rất sợ phong long. Việt Nam có câu : “ **sinh dữ tử lành** ” theo nghĩa các người mới sanh hay mang lại sự không may cho người khác gọi là phong long. Vì thế sau khi sinh đầy cữ phải đi đổ phong long bằng cách mua một vật gì: đồng tiền do sản phụ trả ra có mang theo phong long, tức những sự không may mắn. Nếu giữa đường ai gặp sản phụ thì gọi là “ chạm phong long ”, ngày ấy làm cái gì cũng hỏng, đi thi tất trượt, buôn bán tất ê. **Muốn trút độc tất lại phải đi đổ phong long. Thế là đàn chim Cú trở nên rất xấu xa.** Trong Kinh Thi bài thơ Si Hiêu (số 155 Bân Phong) có câu:

Cú oi Cú hởi
Cú đã bắt con ta
Xin đừng phá nhà ta.

Si Hiêu, Si Hiêu
Ký thủ ngã tử
Vô diệt ngã thất.

Việc có tính cách phá nhà hơn cả là tội bất hiếu, vậy mà **Cú là chim mang tiếng bất hiếu: dám ăn thịt mẹ cha.** Xưa chử ai là Cú là câu thoá mạ, điều đó là do ám chỉ văn minh du mục không coi trọng chữ hiếu. Chính vì sự tuyên truyền bèn bỉ như vậy, nên đến đời nhà Châu không dám coi trọng chim Cú nữa. Nhà vua còn bắt các quan phải ăn cháo Cú lấy cố để tránh tội bất hiếu bất trung (Ông Creel cho tục này có từ đời Hán). Rồi Tàu nhận vật biểu Rồng, còn bao nhiêu vật biểu của Tàu trước như hùm, cú, cá . . đều lần lượt bị đào thải.

b.- Văn hoá Việt chỉ thắng một nửa: Tàu bỏ Cú nhận Rồng

Vậy có nghĩa là kết quả trận chiến kéo dài nhiều ngàn năm với hậu quả là Việt tộc bị mất đất, mất dân, mất tiếng của nhiều phát minh nhưng xét về văn hoá thì Việt có thắng: Thắng được một nửa, nghĩa là Tàu phải nhận Rồng, còn thiếu Chim Tiên (thiếu nguyên lý Mẹ) nên Hán Nho kể là khập khiêng: Có máu R thiếu máu T, chỉ có họ Cha, thiếu họ Mẹ.

Kết luận là chúng ta có bằng chứng cụ thể về Tiên và Rồng. Rồng là Giao long, Xà Long, Bàn Quỷ. Còn Tiên là các loại chim nước mà dẫn đầu là Hồng Hộc với họ Hồng Bàng, nên kể là có tiêu điểm vững chắc để đẩy cuộc nghiên cứu xa hơn sang phần đất Trung Hoa cổ đại: phải nghiên cứu lại toàn bộ cổ sử và tiền sử nước Tàu từ tiên Tần về trước. Tuy đây là việc rất nặng nhọc nhưng bổ công, vì chính đó là nghiên cứu về nguồn gốc của một nền văn hoá nông nghiệp thuần tuý nhất, ơn ích hơn hết cho con người mà Việt Nam lại có may mắn là kẻ thừa tự có bằng khoán

chối chang là Trống Đồng Ngọc Lũ với Kinh Hùng, trong hai lâu đài ấy có đầy đủ ẩn tích về Tiên (chim) và Rồng.” (Hết trích)

M.-Trung Thiên Đồ : Phần Kinh Dịch được dấu kín, không bị chiếm đoạt

Kinh Dịch: Di sản sáng tạo của Việt Nam.

Nguyễn Thiều Dũng, đăng trên trang: “Diễn đàn Chân thuyên”, chúng tôi trích đăng với sự dè dặt.

“ Từ hai ngàn năm trước khi chúng ta bị phong Kiến phương Bắc đô hộ, Tổ tiên chúng ta ở thời đại Hùng Vương đã sáng tạo Kinh Dịch và dùng học thuyết này xây dựng nền tảng cơ bản cho văn hoá Việt Nam, nhờ thế mà suốt một ngàn năm lệ thuộc Trung Hoa, chúng ta vẫn đứng vững không bị đồng hoá như các dân tộc ở Hoa Nam. Người Trung Hoa không biết từ thời điểm nào đã tiếp thu được Kinh Dịch của Việt Nam và họ cũng đã dùng Kinh Dịch để góp phần xây dựng nền tảng văn hoá của họ. Cho nên trong sinh hoạt, chúng ta có nhiều điểm giống họ , sau một ngàn năm mất chủ quyền, ta mất luôn tác quyền Kinh Dịch, và những gì ta nghĩ, ta làm, thấy giống Trung Hoa ta đều tự nhận mình học của Trung Hoa. Kỳ thật không phải như vậy . Người Trung Hoa rất trọng hướng Đông. khi họ tiếp khách ngồi quay mặt về hướng Đông để tỏ chủ quyền. Trong thời lập quốc, họ luôn luôn hướng về biển Đông, những Kinh đô danh tiếng của Trung Quốc đều lần lượt nối nhau tiến dần từ Tây Bắc sang Đông . Ngày nay những thành phố lớn của họ cũng đều tập trung ở bờ Đông. Thế mà trong Kinh Dịch họ phải công nhận hướng Nam là hướng văn minh, mặc dầu trong sử sách họ vẫn cho Hoa Nam là xứ Man Di. Mỗi khi bói Dịch, họ đặt Kinh Dịch trên Bàn thờ cho quay mặt về hướng Nam như hướng ngôi của Hoàng Đế, rồi lạy bái cầu xin. Cử chỉ này cho thấy trong tiềm thức họ không quên nguồn gốc kinh Dịch đến tứ phương Nam, đất nước của các vua Hùng. Trong vòng 60 năm trở lại đây một số nhà nghiên cứu Việt Nam đã trực giác thấy rằng Kinh Dịch là tài sản của Việt Nam, nhưng khi nói như thế, họ chưa thoát khỏi sự ràng buộc của truyền thuyết vẫn thừa nhận Phục Hy là nhân vật sáng tạo. Cho nên không tránh được mâu thuẫn. Ngày nay chúng ta có đầy đủ chứng lý để nói ngay rằng Kinh Dịch là sản phẩm của Việt Nam , do chính Tổ tiên người Việt sáng tạo, trên chính quê hương Việt Nam với nhiều bằng chứng vật thể còn lưu dấu trên đồ gốm Phùng Nguyên, đồ đồng Đông Sơn, Phục Hy, Văn vương chưa từng làm ra Dịch (?)”

I.- Chứng lý vật thể

“ Kinh Dịch xuất hiện tại Việt Nam 1 000 năm trước khi có mặt tại Trung Quốc. Tại di chỉ xóm Rền, thuộc nền văn hoá khảo cổ Phùng Nguyên, các nhà khảo cổ đã đào được một chiếc nôi bằng đất nung (11 tr. 642) trên có trang trí 4 băng hoa văn, mỗi băng này tương đương với một hào trong quẻ Dịch, theo phép đọc Hồ Thử thì đây chính là hình khắc của quẻ Lôi Thủy Giải. Đây có thể xem là chứng tích xưa nhất trên toàn thế giới hiện chúng ta đang có được về Kinh Dịch. Chiếc nôi báu vật vô giá này mang trên mình nó là lời cầu nguyện của Tổ tiên chúng ta về cảnh mưa thuận gió hoà, mong sao được sống một đời an bình không có hoạ thủy tai Lôi Thủy Giải, là mong được giải nạn nước quá tràn ngập (Lũ lụt) hay nước quá khô cạn (hạn hán). Niên đại của văn hoá Phùng Nguyên được Hà văn Tấn xác định : “ Phùng Nguyên xóm Rền đều là các di chỉ thuộc giai đoạn giữa của Văn hoá Phùng Nguyên. Hiện tại chưa có niên đại C14 cho giai đoạn này. Nhưng hiện nay chúng ta có một niên đại C14 của di chỉ Đồng Chỗ là di chỉ mà tôi

cho là thuộc giai đoạn sớm của văn hoá Phùng Nguyên “ 3800+ 60 BP (Bln-3081) tức 1850 + 60 BC (Hà Văn Tấn 1986 : 181 – 182) Như vậy, các di chỉ Phùng Nguyên và xóm Rền phải muộn hơn niên đại này . Nhưng Phùng Nguyên và xóm Rền sớm hơn các niên đại C14 của lớp dưới di chỉ Đồng Đậu. Hiện nay các lớp này có niên đại : 3330 + 100BP (Bln-830), 3050 + 80BP (BLn – 3711) ; 3015 + 65BP (HCMV 05/93) ; 3100 + 50BP (HCMV 06/93) . Nếu tin vào niên đại C14 này thì giai đoạn giữa của văn hoá Phùng Nguyên nằm vào khoảng giữa thế kỷ 17 và thế kỷ 14 tr. c. n. tương đương với văn hoá Thương ở Trung Quốc, thậm chí với giai đoạn sớm của văn hoá này (1 tr. 578 – 579) .

Về phía Trung Quốc, tuy theo truyền thuyết cho là Kinh Dịch do Phục Hy thời đại tối cổ Trung Quốc tạo ra, nhưng trên thực tế không có chứng cứ nào để xác nhận chuyện này. Triết gia đầy uy tín của Trung quốc Phùng Hữu Lan đã khẳng định trong Trung quốc triết học sử ; “ Suốt thời nhà Thương chưa có Bát quái (bản Hồng Kông 1950, tr. 457) . Chưa có Bát quái nghĩa là chưa có Kinh Dịch. Quẻ Dịch xuất hiện sớm nhất ở Trung Quốc là trên sách Tả truyện thời Xuân Thu chiến quốc (772 – 221) . Vào thời kỳ này trên một số lớn trống đồng Đông Sơn ở Việt Nam đã có khắc hình quẻ Lôi Thủy Giải bằng 6 dải băng nghĩa là đầy đủ 6 hào. Vậy là rõ ràng Kinh Dịch đã có ở Việt Nam từ thời các vua Hùng, so với chứng cứ cụ thể của Trung Quốc, Kinh dịch đã có ở nước ta trước Trung Quốc cả ngàn năm.

Chuyện này chẳng khác chi chuyện Tô tiên ta đã biết trồng lúa nước 1000 trước Trung Hoa mà Trần Trọng Kim vẫn viết trong Việt Nam Sử Lược là người Trung Hoa có công dạy dân ta làm ruộng.”

II .- Chứng lý Ngôn ngữ học

“ Một số tên quẻ Dịch là tên tiếng Việt không phải tiếng Trung Quốc: Người ta thường gọi Kinh Dịch hay Kinh Diệc và cứ định ninh Diệc là do Dịch đọc chệch đi, kỳ thật Tô tiên ta nói Kinh Diệc và người Trung Hoa đọc chệch đi, kỳ thật Tô tiên ta nói Kinh Diệc (Xem Khang Hy Từ Điển). Diệc là một loại chim nước, có họ với loài cò. Đây là loài chim quen thuộc với đồng ruộng, với văn minh nông nghiệp, văn minh Văn Lang. Kinh Dịch là kết tinh của văn minh nông nghiệp, các nhà sáng tạo Kinh Dịch Việt Nam lấy hình ảnh con diệc, con cò làm tiêu biểu cho hệ thống triết học của mình là hợp lý, nhưng người Trung Quốc muốn làm biến dạng cho khác đi, cho rằng chữ Dịch là hình ảnh của loài tích dịch một loài thằn lằn hay biến đổi màu sắc theo thời gian chẳng thân thiết gần gũi với người nông dân chi cả. Điều này đã được ghi chú rất rõ trên trống Đồng Đông Sơn về sau sẽ giải rõ .

Tên 8 quẻ : Càn , Khảm, Cấn, Chấn, Ly, Khôn, Đoài đều là tiếng Việt không phải là tiếng Trung Quốc. Các học giả Trung Hoa rất lúng túng khi giải nghĩa nguồn gốc tên các quẻ này, vì họ cứ cho đó là tiếng Hoa, nên tìm mãi vẫn không lý giải được. Ở đây xin dẫn một quẻ để minh chứng. Quẻ Ly không có nguồn gốc Trung Hoa, đây chỉ là chữ ghi âm tiếng Việt, một dạng chữ Nôm dạng giả Tá . Kinh Dịch bản thông hành ghi là Ly, âm Bắc Kinh đọc là Lĩ , nhưng bản Thạch Thư Chu Dịch đào được ở Mã Vương Đồi lại ghi là La, âm Bắc Kinh đọc là Lúo (đọc như lửa) . Rõ ràng đây là hai cách ghi của người Trung Hoa ở hai nơi hoặc hai thời điểm nghe người Việt Nam nói là quẻ Lửa, một người bèn ghi là Lĩ (lửa) , một người lại ghi là Lúo (La) . Còn người Việt Nam viết chữ Nôm lửa thì là dùng chữ Lã làm âm. Cả ba âm : Ly, La , Lã đều là cận âm với âm Lửa , dùng để ghi âm âm Lửa . Như vậy quẻ Ly không phải là quẻ có nghĩa là lìa hay là dựa

như người Trung Hoa nghĩ mà chính la quẻ Lửa tức lá quẻ Hoả như về sau họ đã dịch đúng nghĩa của nó. “

III .- Chứng lý đồ tượng

“ Kinh Dịch Trung Hoa thiếu một đồ hình trọng yếu, trong khi hình đồ này đang được cất dấu tại Việt Nam. Chúng tỏ Việt Nam mới là nước sáng tạo Kinh Dịch.. Đồ tượng và quái tượng (quẻ) là những hình tượng cơ bản cấu tạo nên Kinh Dịch. Cả hai đều có những giá trị bổ túc cho nhau để hình thành Kinh Dịch. Đọc Dịch mà chỉ chú trọng đến quẻ không chú ý đến Đồ là một thiếu sót đáng tiếc vì như thế đã bỏ qua quá nửa phần tinh túy của Dịch. Những ứng dụng quan trọng của Dịch đa phần đều căn cứ trên Đồ , như thuyết trọng nam khinh nữ chi phối sâu đậm nhân sinh quan Trung Quốc thời kỳ phong kiến là ảnh hưởng Càn trọng Khôn khinh của Tiên Thiên Đồ, xem phong thủy, coi Tử vi, học thuyết Độn giáp, Thái Ất phát sinh ở Trung Hoa là do ảnh hưởng của Hậu Thiên Đồ . Y học, võ thuật, binh thư đồ trận lừng danh của Trung Quốc đều từ các Thiên Đồ mà ra. Theo thuyết Tam tài cơ sở để xây nên toà lâu đài Kinh Dịch thì phải có 3 Đồ chính là Tiên Thiên Đồ, Hậu Thiên Đồ và Trung Thiên Đồ, nhưng suốt cả hai nghìn năm nay, Trung Quốc chỉ lưu hành hai Đồ Tiên Thiên và Hậu Thiên. Người Trung Hoa tuyệt nhiên không tìm ra Trung Thiên Đồ, cuối cùng họ đành bó tay, rồi thản nhiên kết luận, không cần có Trung Thiên Đồ. Đã có Tiên Thiên Đồ làm làm thể và có Hậu Thiên Đồ làm dụng là đủ lắm rồi. Đây chính là khuyết điểm lớn nhất của Dịch học Trung Quốc mà cũng là cái may lớn nhất cho ta , để từ chỗ sơ hở này ta tìm ra những chứng lý quan trọng nhất, quyết định nhất để xác nhận tác quyền của Việt Nam. Trung Quốc không có Trung Thiên Đồ, một Đồ quan trọng bậc nhất dùng làm La bàn để viết nên Kinh Văn các lời hào. Việt Nam ta lại cất giữ Trung Thiên Đồ.

Vậy thì ai là chủ nhân Kinh Dịch ? Câu hỏi đã được trả lời, bí ẩn hai ngàn năm đã được trung ra ánh sáng.Tác giả bài này có may mắn là đã thiết lập được Trung Thiên Đồ. Đồ hình quẻ Càn ở phương Nam, quẻ Đoài ở phương Đông Nam, quẻ Tốn ở phương Đông, quẻ Khảm ở phương Đông Bắc, quẻ Ly ở phương Bắc, quẻ Cấn ở Tây Bắc., quẻ Chấn ở Tây, quẻ Khôn ở Tây Nam. Đây chính là đồ thứ ba trong số 3 Thiên Đồ trọng yếu của Kinh Dịch , mà người Trung Hoa không tìm ra. Nếu Tiên Thiên Đồ là Thiên Đồ, Hậu Thiên Đồ là Địa Đồ, thì Trung Thiên Đồ là Nhân Đồ , nghĩa là Đồ nói về con Người. Có một danh họa tài ba nào chỉ trong một hình vẽ có thể biểu đạt 3 hình thái khác nhau về con Người . Điều này chưa ai làm được, ngay cả máy móc tân tiến nhất, hiện đại nhất cũng không thể làm việc này. Thế mà Trung Thiên Đồ cùng một lúc có thể diễn tả 3 trạng thái khác nhau đó: Trung Thiên Đồ có mục đích nói về những vấn đề liên quan đến con Người, cho nên hình Đồ Trung Thiên có thể biểu thị 3 khía cạnh khác nhau của con Người về mặt sinh lý, siêu lý và đạo lý: “

1 .- Con Người sinh lý

“ Quẻ càn tượng trưng cho bán cầu não phải (?) . Quẻ Khôn tượng cho bán cầu não trái. Khi một người bị tai biến mạch máu não ở bán cầu phải thì tay chân bên trái thường bị liệt, ngược lại cũng thế. Vì Càn thuộc dương, nên liên quan đến tay trái gồm hai quẻ Cấn dương và Chấn dương, và vì tay trái đã dương, thì chân trái lại thuộc về âm, nên chân có quẻ Ly âm. Trái lại bán cầu não Khôn âm sẽ ảnh hưởng đến tay phải Trạch âm và Tốn âm cùng với chân Khảm dương. Điều này tương đồng với kết quả thực nghiệm của Leokadia Podhorecka (1986) , trình bày năm 1986 tại hội nghị quốc tế về trường sinh học tại

Zagrev về tính chất bất đối xứng phải- trái trong nhân thể (2 tr. 117) . Hình đồ cũng thể hiện được y lý Đông phương cho rằng Thiên khí tả truyền: Dương khí đi từ bên phải (Càn dương) sang bên trái Cấn Chấn dương. Địa khí hữu truyền : Âm khí đi từ bên trái (Khôn âm) sang bên phải (Đoài Tốn âm) . Con người muốn sống cần phải thở (Càn phế chủ khí) sau đó phải được nuôi dưỡng bằng thức ăn (Khôn, tỳ vị) . Con người khỏe mạnh khi tâm (Ly) giao hòa với Thận (Khâm) , nếu tâm thận bất giao sẽ sinh ra tật bệnh, vị y tổ Việt Nam là Lê Hữu Trác đã phát triển học thuyết này để chữa bệnh rất hiệu quả.”

2 .- Con Người siêu lý

“ Theo trải nghiệm của các hành giả Yoga hoặc Khí công, Thiền, thì cơ thể có 7 trung tâm năng lượng tác động chi phối sự sống của con Người, gọi là 7 đại huyết hay 7 luân xa . Trung Thiên Đồ chính là biểu đồ hệ thống 7 luân xa đó theo thứ tự từ dưới lên : luân xa 1 là Hỏa xa Kundalinê, chính là quẻ Ly hỏa, luân xa 2 là là Mệnh Môn quan chính là quẻ Khâm (Thận thủy), luân xa 3 là đơn điền Ngũ hành sơn chính là quẻ Cấn sơn, luân xa 4 là luân xa tâm gồm hai quẻ Tốn (tâm âm) và Chấn (tâm dương) , luân xa 5 là trung tâm Ấn đường chính là quẻ Đoài, luân xa 6 nằm ở chân mi tóc hay huyết Thượng tinh mà Đạo giáo thường gọi là Kim mẫu chính là quẻ Khôn (Địa mẫu) , luân 7 là huyết Thiên môn Bách hội chính là quẻ Càn Thiên.”

3 .- Con Người đạo lý

“ Trung Thiên Đồ còn biểu đạt một mẫu người đạo lý tâm linh: quẻ Sơn tượng cho tính người tham lam muốn tích lũy như núi (Tham) , quẻ Ly hỏa tượng cho người có tính sân như lửa (Sân) , quẻ Khâm thủy tượng cho người có tính si như nước đổ dồn về chỗ thấp (Si) , ba thói xấu đó sẽ dẫn con người đến chỗ ác tượng trưng bằng quẻ Tốn (Tâm âm, nhục tâm, vọng tâm) , như thuyết tam độc của Phật giáo) . Nhưng nếu con người biết phát triển tâm từ bi như tình yêu của mẹ tượng trưng bằng quẻ Khôn (Địa mẫu, từ bi) khiến tâm thanh tịnh, an lạc tượng bằng quẻ Đoài (vui, hỉ) , lúc nào cũng sẵn lòng cảm thông tha thứ cho người, tượng bằng quẻ Càn (xả) thì con người sẽ đạt được cõi phúc, tượng bằng quẻ Chấn (Tâm dương, chân tâm, Đạo tâm) (như thuyết Tứ vô lượng tâm của Phật giáo) “.

IV .- Phát hiện Trung Thiên Đồ trong truyền thuyết

“ Kinh dịch có 8 quẻ đơn: Càn còn gọi là Thiên có tượng là Trời, là vua, là Cha . Khôn còn gọi là Địa, có tượng là Đất, là Hoàng hậu, là mẹ. Khâm còn gọi là Thủy , có tượng là nước là cá (ngư) . Ly còn gọi là Hỏa có tượng là lửa. Cấn còn gọi là sơn có tượng là núi. Đoài có tượng là Trạch có tượng là đầm (hồ) . Chấn còn gọi là Lôi có tượng là sấm, là con trai trưởng. Tốn còn gọi là Phong, có tượng là gió là cây (mộc) . Khi 8 quẻ chồng lên nhau ta được 64 quẻ kép. Nhưng khi 8 quẻ đơn được đặt trên vòng tròn ta sẽ được 3 Thiên Đồ căn bản . Tiên Thiên Đồ thường được người Trung Hoa gọi là Tiên Thiên Đồ Phục Hy, vì cho là do Phục Hy chế ra, Hậu Thiên Đồ cũng được người Trung Hoa gọi là Hậu Thiên Đồ Văn Vương, vì cho là do Văn Vương thiết lập, ở đây chúng tôi chỉ gọi là Tiên Thiên Đồ và Hậu Thiên Đồ, vì đã chứng minh được Kinh Dịch do người Việt sáng tạo, nên Phục Hy, Văn Vương chẳng can dự gì vào việc sáng tạo (?) các Thiên Đồ . Dịch đồ thứ ba chính là Trung Thiên Đồ đã được Tổ tiên Việt Nam cất dấu trong truyền thuyết Lạc Long – Âu Cơ .

Truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ không chỉ là một huyền sử về nguồn gốc “ Con Rồng Cháu Tiên ”, một thông điệp về tình đoàn kết, nghĩa là yêu thương giữa các dân tộc anh em, đồng bào mà còn chứa đựng một thông tin về di sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam đã được Tổ tiên chúng ta bí mật cất giữ trong đó : Tôi muốn nói đến Kinh Dịch đưa con lưu lạc của Việt Nam đã được Trung Hoa nuôi dưỡng và đã thành danh ở đó. Nếu chúng ta kết hợp các thông tin rải rác trong các truyền thuyết Lạc Long - Âu Cơ , truyện Mộc Tinh, Hồ Tinh, Ngư Tinh ta sẽ thiết lập được một Trung Thiên Đồ mà người Trung Quốc chưa hề biết đến.

Theo Kinh Dịch Lạc Long Quân thường được nhân dân gọi là Bó mỗi khi có việc cần giúp đỡ có thể ký hiệu bằng quẻ Càn, có tượng là vua , là cha Lạc Long Quân, thường sống ở Thủy phủ ký hiệu là quẻ Khảm có tượng là nước. Lạc Long diệt được Hồ Tinh là con cáo 9 đuôi sống hơn ngàn năm ở đầm Xác Cáo nay là Hồ Tây (?) , sự kiện này có thể ký hiệu bằng quẻ Đoài tức quẻ Trạch có tượng là đầm. Đất Phong Châu thời Thượng cổ có cây Chiên đàn sống hàng ngàn năm, chim Hạc thường đến đậu ở đây nên nơi đó còn gọi là đất Bạch hạc (nay thuộc tỉnh Phú Thọ ?) , lâu ngày cây hoá thành yêu tinh dân gọi là Thần Xương Cuồng , Kinh Dương vương và Lạc Long Quân ra sức đánh đuổi, cứu dân thoát khỏi sự bức hại của Xương Cuồng. Sự kiện này có thể ký hiệu bằng quẻ Tốn , còn gọi là quẻ Phong có tượng là mộc. Lạc Long cũng có công diệt Ngư Tinh, con yêu ngư xà ăn thịt người, chuyện này cũng thuộc quẻ Khảm ký hiệu ở trên. Truyền thuyết thường nói chung là Lạc Long Quân (quẻ Càn) diệt Hồ Tinh (quẻ Đoài) diệt Mộc Tinh (quẻ Tốn) , diệt Ngư Tinh (quẻ Khảm) để cứu dân. Từ đó ta có được một vế : Càn – Đoài – Tốn – Khảm .

Theo truyền thuyết Lạc Long Quân nói về Âu Cơ (được tôn xưng là quốc mẫu, là mẹ) ký hiệu là quẻ Khôn (1. tr. 30) . Như thế truyền thuyết đã xác định rất rõ tính cách tương phản giữa Lạc Long và Âu Cơ . Long Quân thuộc Khảm (Thủy) thì Âu Cơ thuộc quẻ Ly (Hoả) . Truyền thuyết kể tiếp : “ Âu Cơ và 50 con lên ở đất Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc) suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương , lấy tên nước là Văn Lang ” Lên Phong Châu là lên núi ký hiệu là quẻ Cấn có tượng là núi, tôn người con cả ký hiệu là quẻ Chấn , vì Chấn có tượng là người con trưởng . Ta lại có thêm vế thứ hai : của Trung Thiên Đồ : Ly – Cấn – Chấn – Khôn. Đến đây ta đã khai quật được Trung Thiên Đồ từ lớp ngôn ngữ truyền thuyết, các quẻ xếp theo thứ tự : Càn – Đoài – Tốn – Khảm – Ly -- Cấn – Chấn – Khôn.”(Theo chiều ngược Kim đồng hồ)

V.- Vai trò Trung Thiên Đồ trong việc hình thành Văn bản Kinh Dịch

1.- Bó cục Kinh Dịch

“ Kinh Dịch có 64 quẻ, 32 quẻ đầu thuộc về Thượng Kinh, 32 quẻ sau thuộc về Hạ Kinh . Nhìn về cách xếp đặt vị trí các quẻ Dịch trong bản Kinh Văn thông hành ta không thể không nghĩ rằng các nhà làm Dịch đã sử dụng Trung Thiên Đồ như La bàn để phân bố các quẻ. Mở đầu Kinh Văn là 2 quẻ Càn, số 1 Khôn số 2 đứng như vị trí Càn Khôn đứng bên nhau trên Trung Thiên Đồ. Cuối Thượng Kinh là 2 quẻ Khảm số 29 và Ly số 30 đứng như vị trí Khảm Ly dưới Trung Thiên Đồ. Mở đầu Hạ Kinh là 2 quẻ Trạch Sơn Hàm số 31 và quẻ Lôi Phong Hằng số 32 đứng như vị trí quẻ Đoài Trạch đối qua tâm với quẻ Cấn Sơn tạo thành quẻ Trạch Sơn Hàm, quẻ Chấn Lôi đối qua tâm với quẻ Tốn Phong tạo thành quẻ Lôi Phong Hằng nằm giữa Trung Thiên Đồ. Cuối Hạ Kinh là 2 quẻ

Thủy Hoả Ký Tế số 63 và Hoả Thủy Vị Tế số 64 đúng như vị trí quẻ Khảm Thủy giao hoán với quẻ Ly Hoả tạo thành.

Khác hẳn với Tiên Thiên Đồ và Hậu Thiên Đồ, các quẻ Càn Khôn, Ly Khảm đứng đối nhau qua tâm, biểu hiện trạng thái phân ly, trên Trung Thiên Đồ các quẻ Càn Khôn, Ly Khảm đứng gần nhau từng đôi một biểu hiện trạng thái giao hội. Ở tự nhiên mọi vật có thể đối nghịch, vừa tương phản vừa tương thành. Nhưng ở con người thì khác, con người là một chỉnh thể, một Thái cực, một toàn đồ âm dương phải tương hội điều hoà, nếu một bên thiên thắng, con người sẽ bất ổn, phát sinh bệnh tật.”

2.- Đặt tên cho quẻ Dịch

“ Nhiều nhà chú giải Kinh Dịch Trung quốc thích nghĩa chữ giao của hào Thượng cửu quẻ Thiên Hoả Đông Nhân số 13, “ Đông nhân chi giao ” thường chỉ dừng lại ở vấn đề chính trị xã hội, nên hiểu giao theo nghĩa rất hẹp, họ cho giao là vùng đất ngoại ô kinh thành, nếu muốn đồng thì phải tìm người ở xa mà liên hiệp. Hiểu như vậy thì không sát nghĩa và không đúng với lập ý của người làm ra Kinh Dịch. Có lẽ vì người Trung Quốc trong tay không có La bàn Trung Thiên Đồ là Đồ đã bị Tổ tiên người Việt Nam cất dấu rất kỹ không truyền ra ngoài nên không hiểu rằng, giao tức là giao hội, khi Hỏa và Kundalinê từ lâu cuộn mình ở đốt xương cùng có đủ điều kiện lên hợp nhất với thần Vishnou cư trú ở huyệt Tiên Môn, nghĩa là khi luân xa số 1 là quẻ Ly Hoả hoà nhập với luân xa số 7 là quẻ Càn Thiên là lúc con người đạt đến trạng thái toàn thức, hạnh phúc hoàn hảo nhất, con người đạt đến mức độ giao hội cùng vũ trụ, tha nhân, vì thế mới đặt tên cho quẻ này là Thiên Hoả Đông Nhân. Giao nằm ở hào Thượng cửu (theo Dịch lý thuộc tài Thiên) tức là ở mức độ đồng nhân cao nhất, mức độ hoà đồng siêu việt nhất. Nếu hiểu giao như nghĩa Đông giao (ngoại ô phía Đông), Nam giao (ngoại ô phía Nam) thì không phù hợp với cấu trúc quẻ Dịch, hiểu như vậy là mặc nhiên nhận giao thuộc về đất phải nằm ở hào 2 tài Địa. Cũng như quẻ Đông Nhân, các Dịch học gia Trung quốc cũng bị hạn chế khi hiểu quẻ Đại Hữu chỉ là sở hữu tài sản vật chất, họ không ngờ rằng Đại Hữu là sở hữu tài sản tinh thần vĩ đại, quẻ này chính là ghi lại thành tựu một quá trình công phu trải nghiệm của hành giả đã hợp nhất với vũ trụ, mà mỗi hào mô tả thành quả một chặng đường liên tục từ hạ đẳng công phu đến thượng đẳng công phu.”

3.- Đọc lại Kinh Dịch

“ Nhờ có Trung Thiên Đồ ta còn thể đọc lại Kinh Dịch một cách chính xác hơn, điều này nghe có vẻ nghịch lý, vì ta làm sao thông thạo ngôn ngữ Trung Hoa hơn người Trung Hoa được, nhưng vì ta có Trung Thiên Đồ là La bàn Tổ tiên ta dựa vào đấy để viết các lời hào, nên chúng ta có cách đọc thuận lợi hơn. Ở đây tôi chỉ xin dẫn ra một thí dụ để minh chứng. Kinh Dịch có 3 quẻ nói đến Tây Nam, quẻ Giải: “ lợi Tây Nam ”, quẻ Kiền “ Lợi Tây Nam bất lợi Đông Bắc ”, quẻ Khôn “ Tây Nam đắc bằng, Đông Bắc tắng bằng ”.

Căn cứ vào Hậu Thiên Đồ, quẻ Khôn (đất) nằm ở hướng Tây Nam, quẻ Cấn (núi) nằm ở hướng Đông Bắc, Vương Bật người thời Tam Quốc trong Chu Dịch chú giải như sau: “ Tây Nam là đất bằng, Đông Bắc là núi non. Từ chỗ khó mà đi đến chỗ bằng, cho nên khó khăn sẽ hết, từ chỗ khó mà đi lên núi, thì sẽ cùng đường ” Khổng Dĩnh Đạt trong Chu Dịch chính nghĩa viết: “ Tây Nam thuận vì là hướng bằng phẳng dễ đi, Đông Bắc hiểm vì là chỗ trắc trở khó khăn. Đường đi lăm trắc trở tất cả đi đến chỗ bằng dễ đi, thì

khó khăn sẽ hết, trái lại nếu đi vào chỗ hiểm, thì càng bết tắc cùng đường . Đi, ở phải hợp lý vậy .” (3 tr. 846)

Trương Thiên Văn trong Từ điển Chu Dịch giải thích : “ Lợi cho việc đi về đất bằng Tây Nam , không lợi cho việc đi về phía núi non Đông Bắc. Tây Nam tượng trưng cho đất bằng, Đông Bắc tượng trưng cho núi non . Đây nói ở thời Kiển nạn , mọi hành động đều phải tránh khó khăn hiểm trở , phải hướng về phía bằng phẳng thì mới có thể vượt qua kiển nạn , vì vậy nói lợi Tây Nam , bất lợi Đông Bắc ” (3 tr. 907)

Nói chung lời giải thích của đa số Dịch gia Trung Quốc đều dựa vào vị trí các quẻ trên Hậu Thiên Đồ và đều cho núi là trở ngại, nhưng giải như vậy không thể khớp với Dịch lý , quẻ Kiển tức là quẻ Thủy Sơn Kiển, hình tượng nước ngập núi , trận Đại Hồng Thủy . Vậy núi chỉ là trở ngại thứ yếu . Sự thật đối với người cổ đại núi tuy có khổ ải hơn nơi bằng phẳng, nhưng không phải là trở ngại đáng kể. Đối với người cổ đại, núi là nhà, hang hốc là nhà . Núi che chở cho họ, cung cấp thực phẩm , đùm bọc nuôi dưỡng họ. Nói cho cùng với tượng quẻ như vậy, người ta không lo về núi mà nỗi lo triền miên chính là nước. Suốt thời cổ đại nhất là ở Việt Nam (?), chiến tranh bất tận là chiến cuộc giữa người với nước. Con người khơi dòng lấy đất canh tác , đẩy lùi biển để dành đất sống. Khi con người thắng biển là khi Sơn Tinh thắng Thủy Tinh. Kiển nạn được giải vấn đề lật ngược, quẻ Thủy Sơn Kiển lật thành quẻ Sơn Thủy Mông, thoán từ ca ngợi chiến công thần thánh này là Lợi Trinh (Thắng lợi bền chặt) .

Ở Hậu Thiên Đồ cũng như Trung Thiên Đồ quẻ Khôn cùng ở vị trí Tây Nam , nhưng ở vị trí Đông Bắc thì quẻ của hai Đồ hoàn toàn ngược nhau. Nếu Hậu Thiên Đồ là quẻ Cấn (núi) thì ở Trung Thiên Đồ lại là quẻ Khảm (nước) . Ta thấy rõ muốn hiểu lời hào của 3 quẻ đó không thể dựa vào vị trí quẻ trên Hậu Thiên Đồ, vì không chính xác . Chỉ có thể dựa vào vị trí trên Trung Thiên Đồ mới làm sáng tỏ được nghĩa quẻ. Con người không ngại núi mà chỉ e sông, e biển. Câu : “ Lợi Tây Nam bất lợi Đông Bắc ” phù hợp thực tiễn Trung Quốc, vì con đường sống của họ luôn dịch chuyển từ Tây Bắc sang Đông Bắc, hành trình các Kinh đô của các triều đại Trung Hoa từ núi ra biển : Tây An – Trường An – Lạc Dương – Khai Phong – Bắc Kinh là hành trình ngược với lời hào 3 quẻ : Giải, Khôn, Kiển.

Trong khi đó lời hào 3 quẻ trên lại hoàn toàn phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đối với Việt nam. Đông Bắc mới thực là bất lợi , đó là biển cả là cửa ngõ cho phong kiến phương Bắc xâm lược . Việt Nam chỉ có con đường sống là mở nước về phương Nam và Tây nam. Lịch sử Việt Nam đã chứng thực lời đó , đã hai lần chúng ta tiến về hướng Tây Nam, đợt đầu về đồng bằng Thanh Nghệ, Tĩnh , đợt sau tiến về vựa lúa châu thổ sông Cửu Long . Lời hào trên vẫn còn là lời dự báo ứng nghiệm với Việt Nam ngày nay: Tây Nam đắc bằng , khi gia nhập khối Đông nam Á, con đường Tây Nam đang ở thế thuận lợi. “

VI.- Kết luận

“ Chúng ta còn nhiều chứng từ từ vật thể đến phi vật thể , từ ngôn ngữ đến văn bản, nhưng mấu chốt hơn hết để chứng minh Kinh Dịch do Tổ tiên người Việt Nam sáng tạo vẫn là vai trò của Trung Thiên Đồ. Khi một người muốn chứng minh một vật là sản phẩm do chính mình đúc ra thì người đó phải trưng ra khuôn đúc, ở đây cũng vậy Trung Quốc không có Trung Thiên Đồ giống như không có khuôn đúc thì làm sao bảo rằng Trung Quốc đã sáng chế ra Kinh Dịch. Thật ra Trung Quốc chỉ có công phát huy ra Kinh Dịch , nhờ đó mà Kinh Dịch có bộ mặt vĩ đại như ngày nay , cũng như họ làm rạng rỡ

cho Thiên nhưng không ai có thể quên Thiên có nguồn gốc từ Phật giáo Ấn Độ . Đã đến lúc cái gì của César phải trả lại cho César. Khi chúng ta nhận ra rằng Kinh Dịch là di sản của Tổ tiên ta sáng tạo, ta sẽ hiểu được do đâu ta cũng cùng giải đất với các dân tộc vùng Hoa Nam, núi liền núi, sông liền sông mà họ bị đồng hoá còn chúng ta thì không. Kinh Dịch chính là cuốn Cổ Văn Hoá Sử của Việt Nam mà Tổ tiên chúng ta còn lưu lại ngày nay, tuy có bị sửa đổi nhuần sắc nhiều lần, nhưng những vết tích của nền Văn minh các thời vua Hùng dựng nước vẫn còn đậm nét trong nhiều quẻ Dịch. Người sáng tạo Kinh Dịch đã dựa vào Trung Thiên Đồ để bố cục vị trí các quẻ đúng như bản thông hành hiện nay hiện đang phổ biến . Các Dịch học gia Trung Quốc căn cứ vào vị trí các quẻ theo Hậu Thiên Đồ nên có nhiều câu trong Kinh Văn bị họ giảng sai với ý nguyên tác, muốn giảng cho đúng phải dựa vào Trung Thiên Đồ, không thể làm khác được. Trung Thiên Đồ giữ một vị trí quan trọng và quyết định như vậy đã được Tổ tiên Việt Nam cất dấu rất kỹ trong truyền thuyết Lạc Long – Âu Cơ . Từ truyền thuyết này có thể tìm lại Trung Thiên Đồ. Trung Thiên Đồ được khắc ghi cẩn trọng trên Trống Đồng Đông Sơn, có điều kiện tác giả sẽ công bố sau. Chúng tôi còn nhiều minh chứng khác để kiện toàn chứng lý cho kỳ án này. Không còn nghi ngờ gì nữa, Kinh Dịch chính là sáng tạo của Tổ tiên Việt Nam. Muốn hiểu đúng bản chất văn hoá việt Nam không thể không khảo sát Kinh Dịch, như là sáng tạo của Việt Nam .”

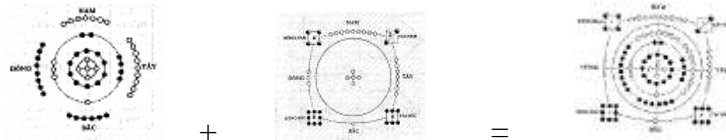
(Nguyễn Thiệu Dũng, Thanh Niên on line)

Theo Thuyết Tam Tài, ta đã có **Tiên Thiên** (đại diện Thiên) và **Hậu Thiên Đồ** (đại diện cho Địa) tất ta phải có **Trung Thiên Đồ** (đại diện cho Nhân) .

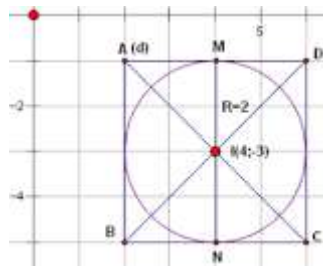
Trung Thiên Đồ mới chứa tinh hoa của Tiên Thiên và Hậu Thiên Đồ.

Trung Thiên Đồ = Tiên Thiên Đồ + Hậu Thiên Đồ

Cũng vậy ta đã có **Hà Đồ** hình tròn (Thê Phương Dụng viên) , **Lạc Thư** có hình **Vuông** (thê Viên Dụng Phương) , cũng theo lý trên, ta đã có một **Đồ Thư hợp nhất**. (**Mẹ Tròn con Vuông: Tròn / Vuông Lương nhất**), trong Toán học, đó là **hình Vuông ngoại tiếp**.



Hà Đồ + Lạc Thư = Đồ Thư hợp nhất



$$\pi = 3,14159$$

$$C = 2\pi R \text{ (Circumference)}$$

$$A = \pi R^2 \text{ (Area)}$$

Hình Vuông ngoại tiếp :Mẹ Tròn Con Vuông: Tròn / Vuông lưỡng nhất : Dual unit

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/vietnhan.html> [**=bấm vào**]

www.vietnamvanhien.org



vietnamvanhien.net



Án Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỪ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 6400 TÁC PHẨM